

MỤC LỤC

	<i>Đề bài</i>	<i>Đáp án</i>
A. ÔN TẬP THEO CHUYÊN ĐỀ		
I. TIẾNG VÀ TỪ	2	95
II. TỪ GHÉP VÀ TỪ LẤY	5	97
III. TỪ LOẠI	11	99
IV. TỪ ĐỒNG NGHĨA, TỪ ĐỒNG ÂM, TỪ NHIỀU NGHĨA	22	102
V. CÂU	26	105
VI. DẤU CÂU	37	107
B. BỘ ĐỀ ÔN TỔNG HỢP		
ĐỀ SỐ 1	42	109
ĐỀ SỐ 2	45	110
ĐỀ SỐ 3	48	111
ĐỀ SỐ 4	53	112
ĐỀ SỐ 5	56	113
ĐỀ SỐ 6	59	114
ĐỀ SỐ 7	61	115
ĐỀ SỐ 8	63	116
ĐỀ SỐ 9	65	117
ĐỀ SỐ 10	68	118
ĐỀ SỐ 11	70	119
ĐỀ SỐ 12	72	120
ĐỀ SỐ 13	75	121
ĐỀ SỐ 14	78	122
ĐỀ SỐ 15	92	123

A. ÔN TẬP THEO CHUYÊN ĐỀ

I. TIẾNG VÀ TỪ

1) Tiếng: Tiếng là đơn vị cấu tạo nên từ.

- Tiếng thường gồm có 3 bộ phận: âm đầu, vần và thanh. VD : học, tươi, nhà...
- Tiếng nào cũng phải có vần và thanh. Có tiếng không có âm đầu.

VD : ong, ối, ai,...

- Tiếng có thể có nghĩa rõ ràng hoặc có nghĩa không rõ ràng.

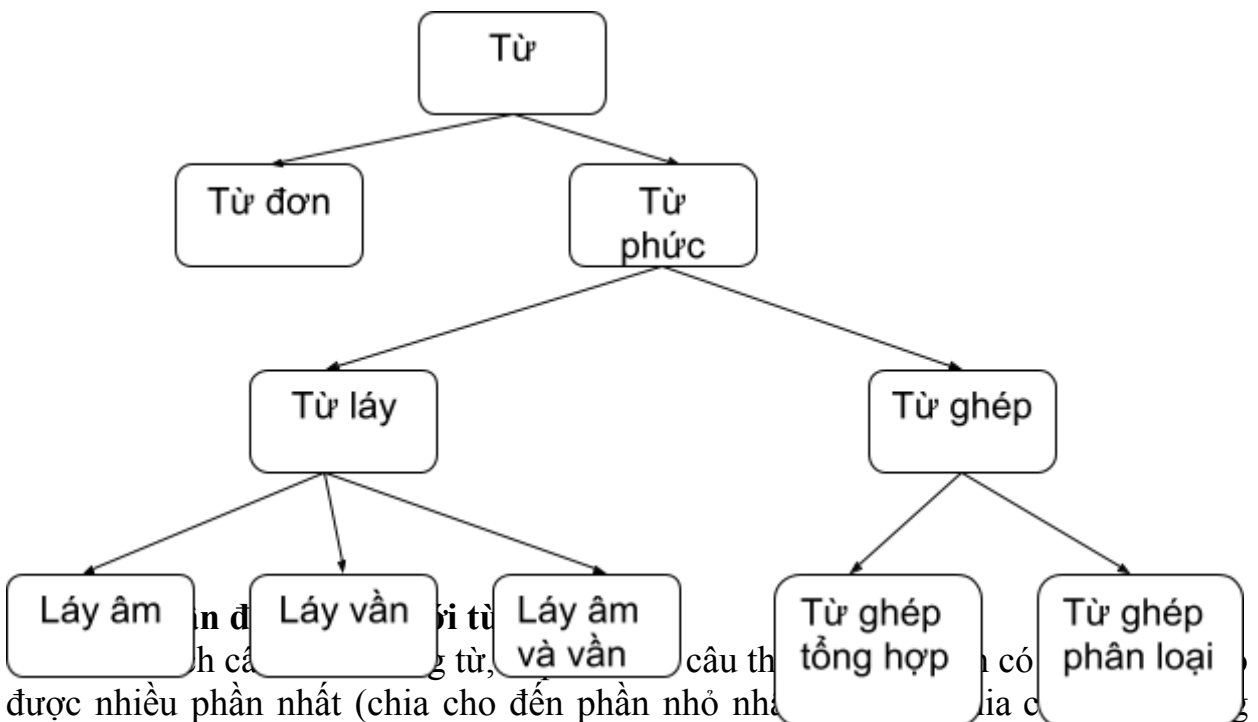
VD: Đất đai (Tiếng **đai** đã mờ nghĩa)

Sạch sành sanh (Tiếng **sành, sanh** trong không có nghĩa)

2) Từ: là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa dùng để đặt câu. Trong đó “từ” bao gồm từ đơn và từ phức. Mỗi từ mang đầy đủ một nghĩa nhất định.

Từ có 2 loại : - Từ do 1 tiếng có nghĩa tạo thành gọi là từ đơn.

- Từ do 2 hoặc nhiều tiếng ghép lại tạo thành nghĩa chung gọi là từ phức. Mỗi tiếng trong từ phức có thể có nghĩa rõ ràng hoặc không rõ ràng.



được nhiều phần nhất (chia cho đến phần nhỏ nhất có nghĩa nhưng chưa phải là nhỏ nhất thì phần đó có thể là 1 cụm từ chứ chưa phải là 1 từ.

- Dựa vào tính hoàn chỉnh về cấu tạo và về nghĩa của từ, ta có thể xác định được 1 tổ hợp nào đó là 1 từ (từ phức) hay nhiều từ đơn bằng cách xem xét tổ hợp ấy về 2 mặt : kết cấu và nghĩa.

Cách 1. Dùng thao tác chêm, xen:

Nếu quan hệ giữa các tiếng trong tổ hợp mà lỏng lẻo, dễ tách rời, có thể chêm, xen 1 tiếng khác từ bên ngoài vào mà nghĩa của tổ hợp về cơ bản vẫn không thay đổi thì tổ hợp ấy là 2 từ đơn.

VD: **tung cánh** → Tung **đôi** cánh

lướt nhanh → Lướt **rất** nhanh

(Hai tổ hợp trên đã chêm thêm tiếng **đôi**, **rất** nhưng nghĩa các từ này về cơ bản không thay đổi, do đó **tung cánh** và **lướt nhanh** là kết hợp 2 từ đơn)

Ngược lại, nếu mối quan hệ giữa các tiếng trong tổ hợp mà chặt chẽ, khó có thể tách rời và đã tạo thành một khối vững chắc, mang tính cố định (không thể chêm, xen) thì tổ hợp ấy là 1 từ phức.

VD: *chuồn chuồn nước* → chuồn chuồn *sống ở nước*
mặt hồ → mặt *của hồ*

(Khi ta chêm thêm tiếng *sống* và *của* vào, cấu trúc và nghĩa của 2 tổ hợp trên đã bị phá vỡ, do đó *chuồn chuồn nước* và *mặt hồ* là kết hợp 1 từ phức)

Cách 2. Xét xem trong kết hợp có yếu tố nào đã chuyển nghĩa hay mờ nghĩa gốc hay không.

VD : *bánh dày* (tên 1 loại bánh); *áo dài* (tên 1 loại áo) đều là các kết hợp của 1 từ đơn vì các yếu tố *dày*, *dài* đã mờ nghĩa, chỉ còn là tên gọi của 1 loại bánh, 1 loại áo, chúng kết hợp chặt chẽ với các tiếng đứng trước nó để tạo thành 1 từ.

Cách 3. Xét xem tổ hợp ấy có nằm trong thể đối lập không, nếu có thì đấy là kết hợp của 2 từ đơn.

VD : có *xoè ra* chứ không có *xoè vào*
có *rủ xuống* chứ không có *rủ lên* } *xoè ra, rủ xuống* là 1 từ phức

ngược với *chạy đi* là *chạy lại*
ngược với *bò vào* là *bò ra* } *chạy đi, bò ra* là những kết hợp của 2 từ đơn

CHÚ Ý:

+ Khả năng dùng một yếu tố thay cho cả tổ hợp cũng là cách để chúng ta xác định ranh giới từ.

VD: *cánh én* (chỉ con chim én), *tay người* (chỉ con người)

+ Có những tổ hợp mang tính chất trung gian, nghĩa của nó mang đặc điểm của cả 2 loại (từ phức và 2 từ đơn). Trong trường hợp này, tùy từng trường hợp cụ thể mà ta có kết luận nó thuộc loại nào.

VD: *hoa hồng* (tên một loài hoa), *hoa hồng* (bông hoa màu hồng)

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1: Gạch chân dưới các từ phức trong các câu sau :

- Nụ hoa xanh màu ngọc bích.
- Đồng lúa rộng mênh mông.
- Tổ quốc ta vô cùng tươi đẹp.

Bài 2: Tìm từ đơn, từ phức có trong các câu sau:

- a) Con chim chiến chiến
Bay vút vút cao
Lòng đầy yêu mến
Khúc hát ngọt ngào.

Từ đơn:

Từ phức:

- b) Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được độc lập tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Từ đơn:

Từ phức:

Bài 3: Đọc đoạn thơ sau rồi gạch chân dưới các từ phức:

Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao
Nhìn non sông gấm vóc
Quê mình đẹp biết bao.

Bài 4: Trong đoạn thơ sau và cho biết từ nào là từ đơn, từ nào là từ phức?

Em yêu màu đỏ
Như máu trong tim
Lá cờ Tổ quốc
Khăn quàng đội viên.

Từ đơn:

Từ phức:

Bài 5: Gạch chân dưới các từ phức trong đoạn văn sau:

a) Giữa vườn lá xum xuê, xanh mướt, còn ướt đầm sương đêm, có một bông hoa rập rờn trước gió. Màu hoa đỏ thắm, cánh hoa mịn màng, khum khum úp sát vào nhau như còn chưa muốn nở hết. Đoá hoa toả hương thơm ngát.

b) Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi và gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội, đâm chồi, phô sắc và toả ngát hương thơm.

c) Mùa xuân đã đến. Những buổi chiều hừng ấm, từng đàn chim én từ dãy núi đàng xa bay tới, lượn vòng trên những bến đò, đuổi nhau xập xè quanh những mái nhà cao thấp. Những ngày mưa phùn, người ta thấy trên những bãi soi dài nổi

lên ở giữa sông, những con giang, con sếu cao gần bằng người, theo nhau lững thững bước thấp thoáng trong bụi mưa trắng xoá.

d) Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng, cái đầu tròn và 2 con mắt long lanh như thuỷ tinh ... Bốn cánh chú khẽ rung rung như còn đang phân vân.

e) Ôi quỳnh vở mới tinh

Em viết cho thật đẹp

Chữ đẹp là tính nết

Của những người trò ngoan.

Bài 6: Các chữ in đậm dưới đây là một từ phức hay hai từ đơn:

a. Nam vừa được bố mua cho một chiếc **xe đạp**

b. **Xe đạp** nặng quá, đạp mỗi cả chân.

c. Vườn nhà em có nhiều loài hoa : **hoa hồng**, hoa cúc, hoa nhài.

d. Màu sắc của hoa cũng thật phong phú: **hoa hồng**, hoa tím, hoa vàng.

Bài 7: Gạch chân dưới từ phức trong các câu văn sau:

a) Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý. Nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ.

b) Mùa xuân mong ước đã đến. Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sực nức bốc lên.

c) Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới,...Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót.

Bài 8: Dùng dấu gạch chéo (/) tách các từ trong hai câu sau, rồi ghi lại các từ đơn, từ phức trong câu:

a) Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc chường mực nên tôi chóng lớn lắm ...Cứ chốc chốc, tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa hai chân lên vuốt râu.

b) Chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.

Từ đơn	Từ phức

II. TỪ GHÉP VÀ TỪ LÁY

1. Từ phức:

Có 2 cách chính để tạo từ phức:

- *Cách 1*: Ghép những tiếng có nghĩa lại với nhau. Đó là các từ ghép.
- *Cách 2*: Phối hợp những tiếng có âm đầu hay vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau. Đó là các từ láy.

2. Từ ghép : Là từ do 2 hoặc nhiều tiếng có nghĩa ghép lại tạo thành nghĩa chung.

VD : tưởng nhớ, ghi nhớ, mùa xuân, vững chắc, dẻo dai, giản dị.

Từ ghép được chia thành 2 kiểu:

- **Từ ghép có nghĩa tổng hợp**: Là từ ghép không phân ra tiếng chính, tiếng phụ. Các tiếng bình đẳng với nhau về nghĩa. Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó.

Ví dụ: *suy nghĩ, chài lưới, cây cỏ, ẩm ướt, bàn ghế, ăn ở, ăn nói, ...*

sách vở (sách ghép với vở tạo ra ý nghĩa tổng hợp chỉ sách và vở nói chung)

ăn uống (ăn ghép với uống không mang ý nghĩa riêng của từ ăn hoặc uống mà mang ý chỉ sự ăn uống nói chung).

- **Từ ghép có nghĩa phân loại**: Là từ ghép có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của các tiếng tạo ra nó.

Ví dụ: *xanh ngắt, xanh lơ, đỏ rực, nụ cười, nhà ăn, bà ngoại, bút chì, tàu hoả, đường sắt, sân bay, hàng không, nông sản, cà chua, máy cày, dưa hấu, cỏ gà, xấu bụng, tốt mã, lão hoá, ngay đơ, thẳng tắp, sung vù, ...*

3. Từ láy: Là từ gồm 2 hay nhiều tiếng láy nhau. Các tiếng láy có thể có một phần hay toàn bộ âm thanh được lặp lại.

- Căn cứ vào bộ phận được lặp lại, người ta chia từ láy thành 3 kiểu:

+ Từ láy âm đầu :

VD: *lấp lánh, long lanh, lung linh, xôn xao, lắc lư, khúc khích...*

+ Từ láy vần :

VD: *lao xao, bồn chồn, lả tả, loáng thoáng, lộp độp, lác đác ...*

+ Từ láy cả âm đầu và vần :

VD: *thoang thoảng, ngoan ngoãn, đo đỏ, xa xa, ba ba, su su...*

- Dựa vào ý nghĩa gợi tả, còn có các loại từ láy sau:

+ **Từ tượng thanh**: Là từ láy mô phỏng, gợi tả âm thanh trong thực tế: Mô phỏng tiếng người, tiếng của loài vật, tiếng động,...

VD : rì rào, thì thầm, ào ào,...

+ **Từ tượng hình** : Là từ láy gợi tả hình ảnh, hình dáng của người, vật; gợi tả màu sắc, mùi vị.

VD: Gợi dáng dấp: *lênh khênh, lè tè, tập tễnh, ...*

Gợi tả màu sắc: *chon chót, sặc sỡ, lấp lánh,...*

Gợi tả mùi vị: *thoang thoảng, nồng nàn, ngào ngạt,...*

Lưu ý :

- Một số từ vừa có nghĩa tượng hình, vừa có nghĩa tượng thanh, tùy vào văn cảnh mà ta xếp chúng vào nhóm nào.

- Từ láy thường diễn tả một số ý nghĩa sau:

+ **Nghĩa tổng hợp khái quát** : máy móc, mùa màng, da dẻ (giống nghĩa các từ ghép tổng hợp)

+ **Nghĩa cụ thể** : co ro, lò dò, khúm lúm, tập tễnh, lấp ló...

+ **Diễn tả sự giảm nhẹ của tính chất** (so với nghĩa của từ hay tiếng gốc).

VD: Đo đo < đo Nhè nhẹ < nhẹ

+ **Diễn tả sự tăng lên, mạnh lên của tính chất**:

VD: cón con > con sạch sành sanh > sạch

+ **Diễn tả sự lặp đi lặp lại các động tác**, khiến cho từ láy có giá trị gọi hình cụ thể.

VD: gật gật, rung rung, cười cười nói nói, ...

+ **Diễn tả sự đứt đoạn, không liên tục nhưng tuần hoàn**.

VD : lấp ló, lập loè, bập bùng, nhấp nhô, phập phồng,...

+ **Diễn tả tính chất đạt đến mức độ chuẩn mực, không chê được**.

VD : nhỏ nhắn, xinh xắn, tươi tắn, ngay ngắn, vuông vắn, tròn trặn,...

4. Cách phân biệt các từ ghép và từ láy dễ lẫn lộn:

- Nếu các tiếng trong từ có cả quan hệ về nghĩa và quan hệ về âm (âm thanh) thì ta xếp vào nhóm từ ghép.

VD: *thúng mủng, tươi tốt, đi đứng, mặt mũi, phẳng lặng, mơ mộng,...*

- Nếu các từ chỉ còn 1 tiếng có nghĩa, còn 1 tiếng đã mất nghĩa nhưng 2 tiếng không có quan hệ về âm thì ta xếp vào nhóm từ ghép.

VD: *Xe cộ, tre pheo, gà què, chợ búa,...*

- Nếu các từ chỉ còn 1 tiếng có nghĩa, còn 1 tiếng đã mất nghĩa nhưng 2 tiếng có quan hệ về âm thì ta xếp vào nhóm từ láy.

VD: *chim chóc, đất đai, tuổi tác, thịt thà, cây cối, máy móc,...*

- Các từ không xác định được hình vị gốc (tiếng gốc) nhưng có quan hệ về âm thì đều xếp vào lớp từ láy.

VD: *nhí nhảnh, băng khuâng, dí dỏm, chôm chôm, thần lẩn, chích choè,...*

- Các từ có một tiếng có nghĩa và một tiếng không có nghĩa nhưng các tiếng trong từ được biểu hiện trên chữ viết không có phụ âm đầu thì cũng xếp vào nhóm từ láy (láy vắng khuyết phụ âm đầu).

VD: *ồn ào, ầm ĩ, ầm áp, im ắng, ao ước, yếu ớt,...*

- Các từ có 1 tiếng có nghĩa và 1 tiếng không có nghĩa có phụ âm đầu được ghi bằng những con chữ khác nhau nhưng có cùng cách đọc (c/k/q ; ng/ngh ; g/gh) cũng được xếp vào nhóm từ láy.

VD: *cuống quýt, cũ kĩ, ngốc nghếch, gồ ghề,...*

Lưu ý : Trong thực tế, có nhiều từ ghép (gốc Hán) có hình thức ngữ âm giống từ láy, song thực tế các tiếng đều có nghĩa (VD: *bình minh, cần mẫn, tham lam, bảo bối, ban bố, căn cơ, hoan hỉ, chuyên chính, chính chuyên, chân chất, chần chừ, hảo hạng, khắc khổ, thành thực,....*)

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1. Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có:

a) Các từ ghép

- mềm
- xinh.....
- khoẻ.....
- mong.....
- nhớ.....
- buồn.....

b) Các từ láy:

- mềm.....
- xinh.....
- khoẻ.....
- mong.....
- nhớ.....
- buồn.....

Bài 2. Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có:

a) Từ ghép tổng hợp

- nhỏ.....
- lạnh.....
- vui.....
- xanh.....

b) Từ ghép phân loại

- nhỏ.....
- lạnh.....
- vui.....
- xanh.....

c) Từ láy

- nhỏ.....
- lạnh.....
- vui.....
- xanh.....

Bài 3. Hãy xếp các từ sau vào 3 nhóm: *Thật thà, bạn bè, bạn đường, chăm chỉ, gần bó, ngoan ngoãn, giúp đỡ, bạn học, khó khăn, học hỏi, thành thật, bao bọc, quanh co, nhỏ nhẹ.*

a) Từ ghép phân loại :

b) Từ ghép tổng hợp:

c) Từ láy:

Bài 4. Cho đoạn văn sau:

*Biển luôn **thay đổi** tùy theo màu sắc mây trời. Trời **xanh thẳm**, biển cũng **thẳm xanh**, như dâng cao lên **chắc nịch**. Trời rải mây trắng nhạt, biển **mơ màng** dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển **xám xịt**, **nặng nề**. Trời âm u giông gió, biển **đục ngàu** giận giữ. Như một con người biết **buồn vui**. Biển lúc **tẻ nhạt**, **lạnh lùng**, lúc **sôi nổi**, **hả hê**, lúc **đăm chiêu**, **gắt gỏng**.*

a. Tìm từ ghép trong các từ in đậm ở đoạn văn trên rồi sắp xếp vào hai nhóm: từ ghép có nghĩa tổng hợp và từ ghép có nghĩa phân loại.

Từ ghép có nghĩa tổng hợp	Từ ghép có nghĩa phân loại

b. Tìm từ láy trong các từ in đậm có trong đoạn văn trên rồi xếp vào 3 nhóm: láy âm đầu, láy vần, láy cả âm đầu và vần (láy tiếng)

Láy âm đầu	Láy vần	Láy cả âm đầu và vần

Bài 5. Gạch chân dưới các từ láy trong các từ dưới đây:

Nhỏ nhắn, nhỏ nhoi, nhỏ nhẹ, nhỏ nhen, mong manh, mệnh mông, mệnh mang, máu mủ, tươi tắn, tươi cười, tươi tốt, ngây ngất, ghen ngào, ngâm nghĩ, ngon ngọt.

Bài 6. Trong các tổ hợp in nghiêng dưới đây, tổ hợp nào là từ ghép? Vì sao em hiểu như vậy?

a) Bộ áo dài này đẹp thật.

b) *Áo dài* quá không mặc được.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7. Cho đoạn văn sau:

Đêm về khuya lặng gió. Sương phủ trắng mặt sông. Những bầy cá nhao lên đớp sương "tom tốp", lúc đầu còn loáng thoáng dần dần tiếng từng toẵng xôn xao quanh mạn thuyền.

a) Các từ láy trong đoạn văn trên là:

b) Phân loại các từ láy tìm được theo các kiểu từ láy đã học.

Láy âm đầu	Láy vần	Láy cả âm đầu và vần

Bài 8. Gạch chân dưới từ láy trong các dòng thơ sau và cho biết chúng thuộc vào loại từ láy nào:

Gió nâng tiếng hát chới chang

Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời

Tay nhè nhẹ chút, người ơi

Trông đôi hạt rụng hạt rơi xót lòng.

Mảnh sân trắng lúa chát đầy

Vàng tuôn trong tiếng máy quay xập xình

Nắng già hạt gạo thơm ngon

Bưng lưng cơm trắng nắng còn thơm tho.

Láy âm đầu	Láy vần	Láy cả âm đầu và vần

Bài 9. Tìm 4 từ ghép có tiếng “**thơm**” đứng trước, chỉ mức độ thơm khác nhau của hoa, phân biệt nghĩa của các từ này.

Bài 10. Tìm 5 từ láy để miêu tả bước đi, dáng đứng của người. Đặt câu với mỗi từ tìm được.

.....

.....

.....

.....

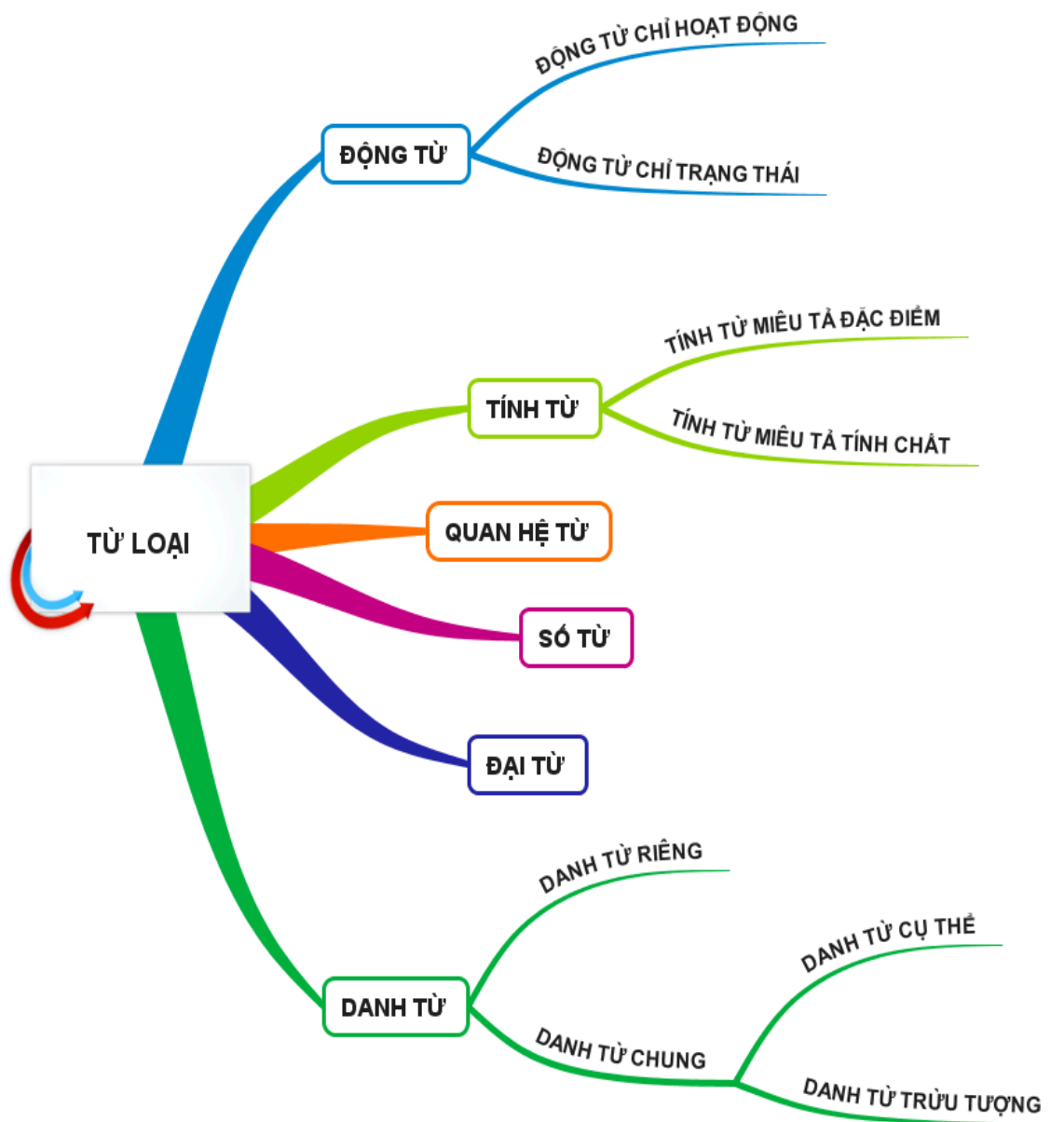
.....

.....

Bài 11. Chọn từ tượng thanh hay từ tượng hình thích hợp điền vào chỗ chấm để câu văn diễn tả cụ thể, sinh động.

- a) Trên vòm cây, bầy chim hót
- b) Đàn có bay trên cánh đồng rộng
- c) Ngọn núi cao..... nổi bật giữa bầu trời xanh.....

III. TỪ LOẠI



❖ **Khái niệm:**

Danh từ (DT) là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm, đơn vị)

VD :

- Danh từ chỉ người: học sinh, công nhân, bác sĩ, bộ đội...
- Danh từ chỉ vật: bàn, ghế, bảng, gà, mèo, xoài, nhãn, bưởi, sông, núi, ...
- Danh từ chỉ hiện tượng: sóng thần, mưa phùn, bão lụt, gió mùa,...
- Danh từ chỉ khái niệm: đường lối, quan điểm, tâm hồn, tư tưởng, tình cảm, đạo đức, tình yêu, lí thuyết, chính trị, truyền thống, hoà bình, niềm vui, nỗi buồn, nỗi nhớ, sự sống, cuộc đấu tranh, cuộc liên hoan, cái đẹp, cái xấu, niềm hi vọng, niềm tự hào, nỗi khổ, nỗi đau, cái xấu, cái tốt, sự nghi ngờ, sự hi sinh, cuộc chiến đấu, cuộc vui, cơn thịnh nộ, cơn giận dữ, tiếng, xưa, lí thuyết, buổi, thuở, hồi, đạo, khi, (bên) phải, trái, lúc,...
- Danh từ chỉ đơn vị: cái, con, tấm, bức, bụi, khóm, chùm, bông, ngọn, giờ, phút, mẫu, miếng, mảnh, bó, xã, huyện...

Lưu ý:

❖ **Danh từ chỉ khái niệm :**

- Những từ chỉ hoạt động, tính chất khi kết hợp được với : **nỗi, niềm, sự, cuộc, v.v...** sẽ tạo ra một danh từ chỉ khái niệm, ví dụ : **niềm vui, nỗi buồn, nỗi khổ, sự sống, cuộc đấu tranh, v.v...**

- Phân biệt danh từ chỉ khái niệm và danh từ cụ thể (chỉ vật) :

Ví dụ: *lòng thuyền* (trường hợp này *lòng* là danh từ cụ thể)

lòng mẹ thương con (trong trường hợp này *lòng* là danh từ chỉ khái niệm)

- Danh từ chỉ khái niệm biểu thị những cái chỉ có trong nhận thức của con người, không có hình thù, không chạm vào hay ngửi, nếm, nhìn, ... được.

❖ **Danh từ chỉ đơn vị:**

- Danh từ chỉ đơn vị nêu tên đơn vị dùng để tính, đếm, đo lường sự vật. Danh từ chỉ đơn vị thường đứng trước các danh từ chỉ vật. VD: tấm ảnh, bức tranh, con đường, quyển vở...

- Phân loại danh từ chỉ đơn vị:

- + Đơn vị đo lường: cân, mét, lít, tạ, tấn, ki-lô-mét, thúng, mùng,...
- + Đơn vị tập thể: tụi, bọn, cặp,...

- + Đơn vị thời gian: giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm, thế kỉ,...
- + Đơn vị hành chính, nghề nghiệp: xã, xóm, huyện, tổ, lớp...
- + Đơn vị sự việc: cái, con, cơn, dòng, cây, người, tấm, bức, tờ, sợi, hạt, giọt, bụi, khóm, chùm, bông, ngọn, rặng, ngôi, lần lượt, phen, cú, cuộc, năm, tím, vốc, mẩu miếng, mảnh, đàn, bó, mớ, ..

❖ Khả năng kết hợp của danh từ :

- VD : + những công nhân ấy
 + mấy quyển sách này
 + một làng nọ
 + ba cây phượng kia

Danh từ thường kết hợp được với các từ chỉ số lượng ở đằng trước nó như: **một, những, mấy, các**, v.v... và kết hợp với những từ: **ấy, kia, đó, nọ, này** v.v... (từ chỉ trỏ) ở đằng sau.

Muốn biết một từ có phải là danh từ hay không bằng cách thử khả năng kết hợp của nó với các từ chỉ số lượng (**những, một, các**, v.v...) và những từ chỉ trỏ (**ấy, kia, đó, nọ**, v.v...)

❖ Danh từ chung và danh từ riêng

- Danh từ chung là tên của một loại sự vật. VD: kĩ sư, bác sĩ, cây bút...
- Danh từ riêng là tên riêng của một sự vật. Danh từ riêng luôn luôn được viết hoa. VD: Hồ Chí Minh, Trần Hưng Đạo, Hà Nội,...

· ĐỘNG TỪ

❖ Khái niệm động từ:

Động từ (ĐT) là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

VD: + Động từ chỉ hoạt động: đi, nói, học, lao động, suy nghĩ, ...

+ Động từ chỉ trạng thái: buồn, vui, nhớ, quên, yêu, ghét, lo lắng, hồi hộp, xốn xang, bồi hồi, xao xuyến, kính trọng, vỡ, gãy, tan, sống, chết, mọc, lặn, nổi, tàn, tắt, trở thành, trở nên, hoá ra, biến đổi, ...

❖ b. Một số lưu ý về ĐT chỉ trạng thái:

- Đặc điểm ngữ pháp nổi bật nhất của ĐT chỉ trạng thái là: nếu như ĐT chỉ hoạt động, hành động có thể kết hợp với từ **xong** ở phía sau (**ăn** xong, **đọc** xong, ...) thì ĐT chỉ trạng thái không kết hợp với **xong** ở phía sau (không nói : **còn** xong, **hết** xong, **kính trọng** xong, ...). Trong TV có một số loại ĐT chỉ trạng thái sau:

- + ĐT chỉ trạng thái tồn tại (hoặc trạng thái không tồn tại): **còn, hết, có**,...
- + ĐT chỉ trạng thái biến hoá: **thành, hoá**,...

- + ĐT chỉ trạng thái tiếp thụ: **được, bị, phải, chịu,...**
- + ĐT chỉ trạng thái so sánh: **bằng, thua, hơn, là,...**
- Một số “**nội ĐT**” sau đây cũng được coi là ĐT chỉ trạng thái : **nằm, ngồi, ngủ, thức, nghỉ ngơi, suy nghĩ, đi, đứng, lẫn, lê, vui, buồn, hồi hộp, băn khoăn, lo lắng,...** Các từ này có một số đặc điểm sau :
 - + Một số từ vừa được coi là ĐT chỉ hành động, lại vừa được coi là ĐT chỉ trạng thái.
 - + Một số từ chuyển nghĩa thì được coi là ĐT chỉ trạng thái (trạng thái tồn tại).
- VD :** Bác đã **đi** rồi sao Bác ơi ! (Tổ Hữu)
Anh ấy **đứng** tuổi rồi .
- + Một số từ mang đặc điểm ngữ pháp của tính từ (kết hợp được với các từ chỉ mức độ)
- Các “**ngoại ĐT**” sau đây cũng được coi là ĐT chỉ trạng thái (trạng thái tâm lý): **yêu, ghét , kính trọng, chán, thêm,, hiểu,...** Các từ này mang đặc điểm ngữ pháp của tính từ (TT), có tính chất trung gian giữa ĐT và TT.
- Có một số ĐT chỉ hành động được sử dụng như một ĐT chỉ trạng thái.
- VD:** Trên tường **treo** một bức tranh.
Dưới gốc cây có **buộc** một con ngựa .
- ĐT chỉ trạng thái mang một số đặc điểm về ngữ pháp và ngữ nghĩa giống như TT. Vì vậy, chúng có thể làm vị ngữ trong câu kể: **Ai thế nào ?**

❖ Khả năng kết hợp của động từ:

Ví dụ : - **Tết sắp đến.** (Từ **sắp** bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ **đến**. Nó cho biết sự việc sẽ diễn ra trong thời gian rất gần.)

- **Rặng đào đã trút hết lá.** (Từ **đã** bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ **trút**. Nó cho biết sự việc đã được hoàn thành rồi.)

- **Một nhà bác học đang làm việc trong phòng.** (Từ **đang** bổ sung ý nghĩa cho động từ **làm**. Nó cho biết sự việc đang diễn ra.)

- Một số cụm động từ sau :

- hãy **học** đi
- đừng **đi** nữa
- đang **làm** bài
- đã **học** xong
- sắp **vào** lớp

-> Động từ thường kết hợp với những từ : **hãy, đừng, chớ, đã, đang, sắp** ...ở đằng trước nó và kết hợp với những từ : **đi, xong, rồi...** đứng đằng sau nó.

· TÍNH TỪ

❖ **Khái niệm:**

Tính từ (TT) là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,...

VD : + Chỉ hình dáng, kích thước: gầy, béo, tròn, vuông, núc níc, khăng khiu, cong queo, dài, ngắn, cao, thấp, to, nhỏ, ...

+ Chỉ màu sắc: xanh, đỏ, xanh lè, xanh biếc, đỏ chói, đỏ rực, đen kịt,...

+ Chỉ phẩm chất : tốt, xấu, cao thượng, hèn nhát, tầm thường, dũng cảm, cần cù, chịu khó, gan dạ, trung thực, hiền, dữ, ngoan, chăm chỉ, siêng năng,...

+ Chỉ các đặc điểm khác của sự vật :

. Chỉ lượng: nặng, nhẹ, nhiều, ít, voi, đầy, đông, thưa, ...

. Chỉ âm thanh: ồn, im, ồn ào, tĩnh mịch, ...

. Chỉ cường độ, nhiệt độ, ánh sáng: mạnh, yếu, sáng, tối, lạnh, mát mẻ, nồng nực, ẩm áp, tối tăm...

. Chỉ mùi vị: thơm, thơm ngát, thơm tho, ngào ngạt, thơm phức, béo ngậy, nhạt nhẽo, ...

❖ **Có 2 loại TT cơ bản là :**

- TT chỉ tính chất chung không có mức độ (**xanh, tím, sâu, vắng,...**)

- TT chỉ tính chất có xác định mức độ (mức độ cao nhất) (**xanh lè, tím ngắt, sâu hoắm, vắng tanh,...**)

Có một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất như sau :

✓ Tạo ra các từ ghép hoặc từ láy với tính từ đã cho.

Ví dụ: trắng tinh, trắng trắng

✓ Thêm từ **rất, quá, lắm, ...** vào trước hoặc sau tính từ.

Ví dụ: rất trắng

✓ Tạo ra phép so sánh.

Ví dụ: trắng như bông

❖ **Phân biệt tính từ đặc điểm, tính chất và động từ trạng thái :**

- **Tính từ chỉ đặc điểm:**

Đặc điểm là nét riêng biệt, là vẻ riêng của một sự vật nào đó (có thể là người, con vật, đồ vật, cây cối,...). Đặc điểm của một vật chủ yếu là đặc điểm bên ngoài (ngoại hình) mà ta có thể nhận biết trực tiếp qua mắt nhìn, tai nghe, tay sờ, mũi ngửi,... Đó là các nét riêng, vẻ riêng về màu sắc, hình khối, hình dáng, âm thanh,... của sự vật. Đặc điểm của một vật cũng có thể là đặc điểm bên trong mà qua quan sát, suy luận, khái quát,... ta mới có thể nhận biết được. Đó là các đặc điểm về tính tình, tâm lí, tính cách của một người, độ bền, giá trị của một đồ vật...

Từ chỉ đặc điểm là từ biểu thị các đặc điểm của sự vật, hiện tượng như đã nêu ở trên.

VD : + Từ chỉ đặc điểm bên ngoài : **Cao, thấp, rộng, hẹp, xanh, đỏ,...**

+ Từ chỉ đặc điểm bên trong : **tốt, ngoan, chăm chỉ, bền bỉ,...**

- Tính từ chỉ tính chất :

Tính chất cũng là đặc điểm riêng của sự vật, hiện tượng (bao gồm cả những hiện tượng xã hội, những hiện tượng trong cuộc sống,...), nhưng thiên về đặc điểm bên trong, ta không quan sát trực tiếp được, mà phải qua quá trình quan sát, suy luận, phân tích, tổng hợp ta mới có thể nhận biết được. Do đó, từ chỉ tính chất cũng là từ biểu thị những đặc điểm bên trong của sự vật, hiện tượng.

VD : **Tốt, xấu, ngoan, hư, nặng, nhẹ, sâu sắc, nông cạn, suôn sẻ, hiệu quả, thiết thực,...**

Như vậy, khi phân biệt (một cách tương đối) từ chỉ đặc điểm và từ chỉ tính chất, ta có thể tạm thời cho rằng: **Từ chỉ đặc điểm** thiên về nêu các đặc điểm bên ngoài, còn **từ chỉ tính chất** thiên về nêu các đặc điểm bên trong của sự vật, hiện tượng.

- Động từ chỉ trạng thái :

Trạng thái là tình trạng của một sự vật hoặc một con người, tồn tại trong một thời gian nào đó. **Từ chỉ trạng thái** là từ chỉ trạng thái tồn tại của sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan.

VD : Trời đang **đứng** gió.

Người bệnh đang **hôn mê**.

Cảnh vật **yên tĩnh** quá.

Mặt trời **toả** ánh nắng rực rỡ.

❖ **Khả năng kết hợp của tính từ :**

Tính từ thường kết hợp với những từ chỉ mức độ như: **rất, hơi, quá, lắm, tuyệt ...**

Lưu ý các trường hợp :

- Tạo ra các từ ghép hoặc từ láy với từ chỉ đặc điểm, tính chất.

Ví dụ: Từ các đặc điểm **trắng, đỏ, vàng, xanh** tạo ra các từ ghép hoặc từ láy: **trắng tinh, trắng trắng, đỏ au, vàng xuộm, xanh lè ...**

- Tạo ra phép so sánh.

Ví dụ: **trắng nhất, trắng như bông, đỏ như son...**

Các tính từ trong những trường hợp này (**trắng tinh, trắng trắng, đỏ au, vàng xuộm, xanh lè ...**) không thể kết hợp được với những từ chỉ mức độ **rất, hơi, quá, lắm...** vì các tính từ đó đã thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất rồi.

- Một số động từ chỉ trạng thái như: **yêu, ghét, xúc động** ... cũng kết hợp được với các từ: **rất, hơi, lắm**. Vì vậy, khi còn băn khoăn một từ nào đó là động từ hay tính từ thì em nên cho thử kết hợp với: **hãy, đừng, chớ**.

4. PHÂN BIỆT DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ DỄ LẤN

Để biết một từ là DT, ĐT, TT ta thường thử cho từ đó kết hợp với một số từ khác

❖ **Danh từ:**

- Có khả năng kết hợp với các từ chỉ số lượng như: **mọi, một, hai, ba, những, các**,... ở phía trước (những **tình cảm**, những **khái niệm**, những **lúc**, những **nỗi đau**,...)

- DT kết hợp được với các từ chỉ định: **này, kia, ấy, nọ, đó**,... ở phía sau (**hôm ấy, trận đấu này, tư tưởng đó**,...)

- DT có khả năng tạo câu hỏi với từ nghi vấn "**nào**" đi sau (**lợi ích nào? chỗ nào? khi nào?**...)

- Các ĐT và TT đi kèm: **sự, cuộc, nỗi, niềm, cái**,... ở phía trước thì tạo thành một DT mới (**sự hi sinh, cuộc đấu tranh, nỗi nhớ, niềm vui**,...)

- Chức năng ngữ pháp thay đổi cũng dẫn đến sự thay đổi về thể loại:

VD: **Sạch sẽ** là mẹ sức khỏe. (**sạch sẽ** (TT) đã trở thành DT)

❖ **Động từ :**

- Có khả năng kết hợp với các phụ từ mệnh lệnh : **hãy, đừng, chớ**,... ở phía trước (hãy **nhớ**, đừng **băn khoăn**, chớ **hồi hộp**,...)

- Có thể tạo câu hỏi bằng cách đặt sau chúng từ **bao giờ** hoặc **bao lâu** (TT không có khả năng này) (**đến** bao giờ? **chờ** bao lâu?...)

❖ **Tính từ :**

- Có khả năng kết hợp được với các từ chỉ mức độ như : **rất, hơi, lắm, quá, cực kì, vô cùng**,... (rất **tốt**, đẹp **lắm**,...)

Lưu ý: Các ĐT chỉ trạng thái cảm xúc như : **yêu, ghét, xúc động**,... cũng kết hợp được với các từ: **rất, hơi, lắm**,.... Vì vậy, khi còn băn khoăn một từ nào đó là ĐT hay TT thì nên cho thử kết hợp với **hãy, đừng, chớ**,...Nếu kết hợp được thì đó là ĐT.

5. ĐẠI TỪ

❖ Ghi nhớ:

* **Đại từ** là từ dùng để xưng hô hay để thay thế DT, ĐT, TT (hoặc cụm DT, cụm ĐT, cụm TT) trong câu cho khỏi lặp lại các từ ngữ ấy.

* Đại từ dùng để xưng hô (**đại từ xưng hô, đại từ xưng hô điển hình**): Là từ được người nói dùng để tự chỉ mình hay chỉ người khác khi giao tiếp.

Đại từ xưng hô thể hiện ở 3 ngôi:

- Đại từ chỉ ngôi thứ nhất (chỉ người nói): **tôi, ta, tớ, chúng tôi, chúng ta,...**
- Đại từ chỉ ngôi thứ hai (chỉ người nghe): **mày, cậu, các cậu, ...**
- Đại từ chỉ ngôi thứ ba (người được 2 người ở ngôi thứ nhất và thứ 2 nói tới):

họ, nó, hắn, bọn họ, chúng nó,...

VD: - Cậu chịu khó chờ mình một lát (ngôi thứ nhất - chỉ người nói)

- Mình nhớ ta như cà nhớ muối. (ngôi thứ hai - chỉ người nghe)

Ta nhớ mình như cuội nhớ trăng.

- Nó đi cùng chúng mình. (ngôi thứ ba)

* Đại từ dùng để hỏi: **ai ? gì? nào? bao nhiêu?...**

VD: Hỏi về người: Hôm nay **ai** trực nhật?

Hỏi về sự vật: Đây là **cái** gì ?

Hỏi về không gian, thời gian: **Bao** giờ anh về ?

Hỏi về số lượng: Cô làm nghề dạy học **bao** nhiêu năm rồi ?

Hỏi về hoạt động, tính chất: **Sao** vậy cứ phải đi ăn đêm hả mẹ?

* Đại từ dùng để thay thế từ ngữ đã dùng cho khỏi lặp: **vậy, thế**.

VD: Nó **về**, tôi cũng **vậy**. (Đại từ thay thế cho động từ)

Tôi **rất** thích thơ, em gái tôi cũng **vậy**. (Đại từ thay thế cho cụm động từ)

Nó **thông minh**, em nó cũng **thế**. (Đại từ thay thế cho tính từ)

Lúa, gạo hay vàng bạc **đều** rất quý. Thời gian cũng **thế**. (Đại từ thay thế cho cụm tính từ)

❖ Lưu ý

* Sự chuyển loại của từ:

VD: Chị tôi đi chợ. (**Chị** là danh từ)

Chị tên là gì? (**Chị** là đại từ xưng hô)

* Đại từ có khả năng thay thế cho từ loại nào thì có thể giữ những chức vụ giống như từ loại ấy. Cụ thể:

- Các đại từ xưng hô (anh, chị, em, cô, gì, chú, bác...) có khả năng thay thế DT do đó chúng có thể có chức vụ trong câu như DT.

- Các đại từ **vậy, thế** có khả năng thay thế ĐT, TT do đó chúng có thể có chức vụ trong câu như ĐT, TT.

- Bên cạnh các đại từ xưng hô chuyên dùng, Tiếng Việt còn sử dụng nhiều DT làm từ xưng hô (gọi là DT chỉ người lâm thời làm đại từ xưng hô). Đó là các DT:

+ Chỉ quan hệ gia đình-thân thuộc: **ông, bà, anh, chị, em, con, cháu,...**

+ Chỉ một số chức vụ - nghề nghiệp đặc biệt: **chủ tịch, thứ trưởng, bộ trưởng, thầy, bác sĩ, luật sư,...**

* Để biết khi nào một từ là DT chỉ quan hệ gia đình- thân thuộc, DT chỉ chức vụ- nghề nghiệp và khi nào nó được dùng như DT chỉ đơn vị hoặc khi nào nó là đại từ xưng hô, ta cần dựa vào hoàn cảnh sử dụng cụ thể của nó.

VD1: **Cô** của em dạy Tiếng Anh (**Cô** là DT chỉ quan hệ gia đình- thân thuộc)

Cô Hoa luôn giúp đỡ mọi người (**Cô** là DT chỉ đơn vị).

Cháu chào **cô** ạ ! (**cô** là đại từ xưng hô).

6. QUAN HỆ TỪ

- Khái niệm: Quan hệ từ (QHT) là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau.

- Các QHT thường dùng là: **và, với, hay, hoặc, nhưng, mà, thì, của, ở, tại, bằng, như, để, về,...**

- Nhiều khi, từ ngữ trong câu được nối với nhau bằng 1 cặp QHT. Các cặp QHT thường dùng là :

+ **Vì...nên...; Do...nên...; Nhờ ...nên...** (biểu thị quan hệ nguyên nhân- kết quả).

+ **Nếu ...thì...; Hễ... thì...** (biểu thị quan hệ giả thiết, điều kiện - kết quả).

+ **Tuy ...nhưng...; Mặc dù... nhưng...** (biểu thị quan hệ tương phản, nhượng bộ, đối lập).

+ **Không những... mà còn...; Không chỉ... mà còn...** (biểu thị quan hệ tăng tiến).

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1. Xác định từ loại của những từ được gạch chân dưới đây :

M: Anh ấy đang suy nghĩ.

- Những suy ng ^{ĐT} nh ấy rất sâu sắc.
- Anh ấy sẽ kết luận sau.
- Những kết luận của anh ấy rất chắc chắn.
- Anh ấy ước mơ nhiều điều.
- Những ước mơ của anh ấy thật lớn lao.

Bài 2. Gạch chân dưới các động từ trong từng câu dưới đây. Xếp các động từ tìm được thành hai loại: động từ chỉ **hoạt động**, động từ chỉ **trạng thái**.

- a) Ông tôi đọc báo bên cửa sổ.
- b) Nàng Vọng Phu hóa đá.
- c) Cậu ấy trở thành một vận động viên tài ba.
- d) Cả nhà đang ăn cơm.
- e) Trời đứng gió.

Động từ chỉ hoạt động	Động từ chỉ trạng thái

Bài 3. Xếp các tính từ (in nghiêng) vào ba nhóm: tính từ chỉ đặc điểm của *sự vật*; tính từ chỉ đặc điểm của *hoạt động*, tính từ chỉ đặc điểm của *trạng thái*.

Nhà *to*, học *giỏi*, nằm *nghiêng*, sông *dài*, hát *hay*, ngủ *ngon*, cây *cao*, chạy *nhanh*, hiểu *sâu*, giếng *sâu*, đi *chậm*, buồn *tê tái*, sân *rộng*, chiến đấu *dũng cảm*.

Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật	Tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động	Tính từ chỉ đặc điểm của trạng thái

Bài 4. Xác định từ loại của các từ trong các thành ngữ:

- Đi ngược về xuôi.
- Nhìn xa trông rộng.
- Nước chảy bèo trôi.

Danh từ	Động từ	Tính từ

Bài 5. Xác định DT, ĐT, TT của các từ trong câu sau:

- Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.

- Non cao gió dựng sông đầy nắng chang.
- Họ đang ngược Thái Nguyên, còn tôi xuôi Thái Bình.
- Nước chảy đá mòn.

Danh từ	Động từ	Tính từ

Bài 6. Từ *thật thà* trong các câu dưới đây là *danh từ*, *động từ* hay *tính từ*? Hãy chỉ rõ từ *thật thà* là bộ phận gì (giữ chức vụ nào) trong mỗi câu sau:

a) Chị Loan rất thật thà.

b) Tính thật thà của chị Loan khiến ai cũng mến.

c) Chị Loan ăn nói thật thà, dễ nghe.

d) Thật thà là phẩm chất đẹp đẽ của chị Loan.

Bài 7. Xác định từ loại của những từ sau :

Sách vở, kiên nhẫn, kỉ niệm, yêu mến, tâm sự, lo lắng, xúc động, nhớ, thương, lễ phép, buồn, vui, thân thương, sự nghi ngờ, suy nghĩ, cái đẹp, cuộc vui, cơn giận dữ, triu mến, nỗi buồn.

Danh từ	Động từ	Tính từ

Bài 8. Thay thế các từ hoặc cụm từ cần thiết bằng đại từ thích hợp để câu văn không bị lặp lại rồi viết lại câu :

a) Một con quạ khát nước, con quạ tìm thấy một cái lọ.

b) Tấm đi qua hồ, Tấm vô ý đánh rơi một chiếc giày xuống nước.

c) - Nam ơi ! Cậu được mấy điểm ?
 - Tớ được 10 điểm. Còn cậu được mấy điểm ?
 - Tớ cũng được 10 điểm.

Bài 9. Đọc đoạn văn sau :

Sóc nhảy nhót chuyền cành thế nào ngã trúng ngay vào Chó Sói đang ngủ. Chó Sói choàng dậy tóm được Sóc, định ăn thịt, Sóc bèn van xin :

- Xin ông thả cháu ra.

Sói trả lời :

- Thôi được, ta sẽ thả mày ra. Có điều mày hãy nói cho ta hay, vì sao họ nhà Sóc chúng mày lúc nào cũng vui vẻ như vậy ?

(Theo Lép Tôn-xtôi)

- a) Gạch chân dưới các đại từ xưng hô trong đoạn trên.
- b) Phân các đại từ xưng hô trên thành 2 loại :
 - Đại từ xưng hô điển hình:.....
 - Danh từ lâm thời làm đại từ xưng hô:.....

Bài 10. Chọn từ ngữ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống trong từng câu: **nhưng, còn, và, hay, nhờ.**

- a) Chỉ ba tháng sau,.....siêng năng ,cần cù, cậu vượt lên đầu lớp.
- b) Ông tôi đã già.....không một ngày nào ông quên ra vườn.
- c) Tấm rất chăm chỉ.....Cám thì lười biếng.
- d) Mình cảm lái.....cậu cảm lái?
- e) Mây tan mưa tạnh dần.

Bài 11. Đặt câu với mỗi quan hệ từ sau : **của , để, do, bằng, với , hoặc.**

Bài 12. Chọn quan hệ từ trong ngoặc đơn, rồi điền vào từng chỗ trống trong các câu sau cho thích hợp.

- a) Cây pơ - mu đầu dốc một người lính đứng canh..... làng bản.
- b) Cô giáo chúng tôi là một người rất thương học trò.
- c) Các anh đã hoàn thành nhiệm vụ tất cả trí tuệ..... sức lực của mình.

(cho, với, và, của, như)

Bài 13. Khoanh tròn quan hệ từ trong các câu sau và gạch dưới các từ ngữ được quan hệ từ đó liên kết :

- a) Bạn Vinh học giỏi và chăm làm.
- b) Con thuyền với cánh buồm nâu ấy vẫn nhẹ nhàng trôi trên dòng sông quê.
- c) Tuổi thơ tôi được bay lên từ những cánh diều.

IV. TỪ ĐỒNG NGHĨA, TỪ ĐỒNG ÂM, TỪ NHIỀU NGHĨA



- + Từ đồng nghĩa (TĐN) là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.
Ví dụ: siêng năng, chăm chỉ, cần cù....
- + Có những từ đồng nghĩa hoàn toàn, có thể thay thế cho nhau trong lời nói.
Ví dụ: hồ, cộp, hùm,
- + Có những từ đồng nghĩa không hoàn toàn. Khi dùng những từ này ta phải cân nhắc để lựa chọn cho đúng.
Ví dụ: ăn, xoi, chén, (biểu thị những thái độ, tình cảm khác nhau đối với người đối thoại hoặc điều được nói đến).
- Ví dụ : mang, khiêng, vác, (biểu thị những cách thức hành động khác nhau).

2. TỪ TRÁI NGHĨA

- Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.
Ví dụ: cao - thấp, phải - trái, xinh - xấu,
- Việc đặt từ trái nghĩa bên cạnh nhau có tác dụng làm nổi bật những sự vật, sự việc, hoạt động, trạng thái,... đối lập nhau.

3. TỪ ĐỒNG ÂM

- Từ đồng âm là từ giống nhau về âm nhưng khác nhau về nghĩa.
- Muốn hiểu được nghĩa của các từ đồng âm, cần đặt các từ đó vào lời nói hoặc câu văn cụ thể.

Ví dụ : 1) Chiếc **bàn** này đã cũ.

2) Ở phút 30, bạn Hải lớp em đã ghi được một **bàn**.

3) Chúng ta **bàn** thêm rồi hãy làm.

Bàn 1: Đồ dùng có mặt phẳng, có chân, dùng để làm việc.

Bàn 2: Lân tính được thua.

Bàn 3: Trao đổi ý kiến.

4. TỪ NHIỀU NGHĨA

* **Từ nhiều nghĩa** là từ có 1 nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau.

- Một từ nhưng có thể gọi tên nhiều sự vật, hiện tượng, biểu thị nhiều khái niệm (về sự vật, hiện tượng) có trong thực tế thì từ ấy gọi là từ nhiều nghĩa.

VD : Với từ “**Ăn**”:

- **Ăn cơm:** cho vào cơ thể thức nuôi sống (nghĩa gốc).

- **Ăn cưới:** Ăn uống nhân dịp cưới.
- **Da ăn nắng:** Da hấp thụ ánh nắng cho thấm vào, nhiễm vào.
- **Ăn ảnh:** Vẽ đẹp được tôn lên trong ảnh.
- **Tàu ăn hàng:** Tiếp nhận hàng để chuyên chở.
- **Sông ăn ra biển:** Lan ra, hướng đến biển.
- **Sơn ăn mặt:** Làm huỷ hoại dần từng phần.

...

Như vậy, từ “**Ăn**” là một từ nhiều nghĩa.

***Nghĩa đen:** Mỗi từ bao giờ cũng có một nghĩa chính, nghĩa gốc và còn gọi là nghĩa đen. Nghĩa đen là nghĩa trực tiếp, gần gũi, quen thuộc, dễ hiểu; nghĩa đen không hoặc ít phụ thuộc vào văn cảnh.

* **Nghĩa bóng:** Là nghĩa có sau (nghĩa chuyển, nghĩa ẩn dụ), được suy ra từ nghĩa gốc (nghĩa đen). Muốn hiểu nghĩa chính xác của một từ được dùng, phải tìm nghĩa trong văn cảnh.

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Khoanh vào đáp án đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Bài 1. Những từ ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với từ **hạnh phúc**?

- A. đầy đủ B. sung sướng C. hòa thuận D. sung túc

Bài 2. Những từ nào dưới đây trái nghĩa với từ **trung thực**?

- A. thật thà B. gian ác C. dối trá D. bất nhân

Bài 3. Từ **trong** ở cụm từ “*pháp phối trong gió*” và từ **trong** ở cụm từ “*nắng đẹp trời trong*” có quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Đó là hai từ đồng nghĩa B. Đó là hai từ nhiều nghĩa
C. Đó là hai từ đồng âm D. Đó là hai từ trái nghĩa

Bài 4. Dòng nào dưới đây gồm những từ trái nghĩa với từ **im lặng**?

- A. Ôn ào, náo nhiệt, đông đúc B. Ôn ào, náo nhiệt, huyền ảo
C. Ôn ào, nhộn nhịp, vui vẻ D. Âm ỉ, xôn xao, náo động, rì rào

Bài 5. Gạch dưới từ thích hợp nhất trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh từng câu sau.

- a) Mặt trăng tròn vành vạnh từ từ (nhô, mọc, ngoi) lên sau lũy tre làng.
b) Ánh nắng ban mai trải xuống cánh đồng lúa (vàng hoe, vàng óng, vàng ối).
c) Mưa tạnh hẳn, một vài tia nắng hiếm hoi bắt đầu (chiếu, soi, rọi) xuống rừng cây.
d) Mẹ và tôi say sưa (nhìn, xem, ngắm) cảnh bình minh trên mặt biển.

Bài 6. Hãy xác định nghĩa của các từ được gạch chân trong các kết hợp từ dưới đây rồi phân chia các nghĩa ấy thành nghĩa gốc và nghĩa chuyển :

a) Miếng₁ cười tươi, miếng₂ rộng thì sang, há miếng₃ chờ sung, trả nợ miếng₄, miếng₅ bát, miếng₆ túi, nhà 5 miếng₇ ăn

b) Xương sườn₁, sườn₂ núi, hích vào sườn₃, sườn₄ nhà, sườn₅ xe đạp, hờ sườn₆, đánh vào sườn₇ địch

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
Bài 7. Trong các từ in đậm dưới đây, từ nào là từ đồng âm, từ nào là từ nhiều nghĩa:

a) **Vàng**:

- Giá **vàng**₁ trong nước tăng đột biến.
 - Tấm lòng **vàng**₂.
 - Chiếc lá **vàng**₃ rơi xuống sân trường.
-
.....
.....

b) **Bay** :

- Bác thợ nề đang cầm **bay**₁ trát tường.
 - Đàn cò đang **bay**₂ trên trời.
 - Đạn **bay**₃ vèo vèo.
 - Chiếc áo đã **bay**₄ màu.
-
.....
.....

Bài 8. Với mỗi từ, hãy đặt 2 câu để phân biệt các từ đồng âm: **chiều, kén, mọc**.

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 9. Gạch dưới các cặp từ trái nghĩa trong những câu sau :

a) Sáng ra bờ suối, tối vào hang

Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.

b) Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay

Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.

Bài 10. Đoạn văn dưới đây có một số từ dùng sai (in nghiêng). Em hãy thay từ dùng sai bằng từ đồng nghĩa thích hợp và viết vào chỗ chấm ở dưới:

Cây hoa hồng nhung đứng giữa vườn với vẻ *kiêu ngạo*. Thân cây mảnh mai, màu nâu sẫm, có gai to, sắc và nhọn. Những chiếc cành màu xanh như những cánh tay vươn lên đón lấy ánh nắng và bầu không khí *trong vắt*, mát mẻ của mùa xuân. Những chiếc lá màu xanh thẫm được tô điểm bởi những đường gân và viền răng cưa khê *lung lay* trong gió.

- *Kiêu ngạo* : , - *trong vắt* : - *lung lay* :

V. CÂU

1. Khái niệm: Câu do từ tạo thành và diễn đạt được một ý trọn vẹn. Nói và viết phải thành câu thì người khác mới hiểu được.

2. Phân loại câu:

2.1. Nếu phân loại theo cấu tạo thì gồm có hai kiểu câu là: câu đơn và câu ghép.

a. Câu đơn: Xét về cấu tạo chỉ gồm một nòng cốt câu (bao gồm 2 bộ phận chính là CN và VN).

Câu đơn có thể chia thành 3 loại: câu đơn bình thường, câu đơn đặc biệt và câu rút gọn.

- **Câu đơn bình thường** là câu đơn có đủ 2 bộ phận chính làm nòng cốt câu.

- **Câu đơn rút gọn** là câu đơn không có đầy đủ cả 2 bộ phận chính làm nòng cốt câu (một bộ phận, đôi khi cả 2 bộ phận của câu đã bị lược bỏ trong khi đối thoại. Song khi cần thiết, ta có thể hoàn thiện lại các bộ phận đã bị lược bỏ).

Ví dụ:

+ Lan ơi, bao giờ lớp ta lao động?

+ Sáng mai. (Nòng cốt câu đã bị lược bỏ. Hoàn thiện lại: Sáng mai, lớp ta lao động)

- **Câu đơn đặc biệt** là câu chỉ có một bộ phận làm nòng cốt, không xác định được đó là bộ phận gì. Khác với câu rút gọn, người ta không thể xác định được bộ phận làm nòng cốt của câu đặc biệt là CN hay VN. Câu đặc biệt dùng để biểu lộ cảm xúc hoặc nêu nhận xét về một sự vật, hiện tượng.

Ví dụ:

+ Tâm! Tâm ơi! (kêu, gọi)

+ Ôi! Vui quá! (bộc lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ)

+ Ngày 8.3.1989. Hôm nay mẹ rất vui. (xác định thời gian)

+ Mưa. (xác định cảnh tượng)

+ Hà Nội. (xác định nơi chốn)

+ Tiếng reo. Tiếng vỗ tay. (liệt kê sự vật, hiện tượng)

Lưu ý: Câu đặc biệt khác với câu đảo CN - VN: Câu đặc biệt thường chỉ sự tồn tại, xuất hiện. Còn câu đảo CN - VN thường là câu miêu tả, có dụng ý nghệ thuật, đảo để nhấn mạnh. Ví dụ:

+ Trên trời, có đám mây xanh. (Câu đặc biệt)

+ Đẹp vô cùng tổ quốc của chúng ta. (Câu đảo CN - VN)

+ Mưa! Mưa! (Câu đặc biệt)

+ (Hôm nay trời thế nào?) + Mưa. (Câu rút gọn)

b. Câu ghép: Là câu do nhiều vế ghép lại. Mỗi vế câu ghép thường có cấu tạo giống một câu đơn (có đủ CN, VN) và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế câu khác.

- Có 2 cách nối các vế câu trong câu ghép:

+ Cách 1: Nối trực tiếp (không dùng từ nối). Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

+ Cách 2: Nối bằng các từ có tác dụng nối.

- Các vế trong câu ghép có thể được nối với nhau bằng một quan hệ từ (QHT) hoặc một cặp quan hệ từ.

+ Để thể hiện quan hệ **nguyên nhân - kết quả** giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng :

Một QHT: **vì, bởi vì, nên, cho nên,...**

Hoặc một cặp QHT: **Vì....nên...; Bởi vì....cho nên.....; Tại vì....cho nên....; Do....nên...; Do....mà.....; Nhờ....mà....**

+ Để thể hiện quan hệ **điều kiện - kết quả, giả thiết - kết quả** giữa 2 vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng:

Một QHT: **Nếu, hễ, giá, thì,...**

Hoặc một cặp QHT : **Nếu.... thì...; Nếu như... thì....; Hễ....thì....; Hễ mà.....thì.....; Giá....thì....**

+ Để thể hiện mối quan hệ **tương phản** giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng :

Một QHT: **Tuy, dù, mặc dù, nhưng,...**

Hoặc một cặp QHT: **Tuy....nhưng....; Mặc dù.....nhưng.....**

+ Để thể hiện mối quan hệ **tăng tiến** giữa các vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng một trong các cặp QHT: **Không những....mà...; Chẳng những... mà....; Không chỉ....mà....**

2.2. Nếu phân loại theo mục đích nói gồm có:

- Câu kể
- Câu hỏi
- Câu cảm
- Câu khiến

a) Câu kể (câu trần thuật) là những câu dùng để :

- Kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc.
- Nói lên ý kiến hoặc tâm tư, tình cảm của mỗi người.
- Cuối mỗi câu kể thường có dấu chấm.

* Các mẫu câu kể :

Câu kể có các cấu trúc: **Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?**

- Câu kể: **Ai làm gì ?**

+ Gồm 2 bộ phận: Bộ phận thứ nhất là chủ ngữ (CN), trả lời cho câu hỏi: **Ai (Con gì; Cái gì)?** Bộ phận thứ 2 là vị ngữ (VN), trả lời cho câu hỏi: **Làm gì?**

+ VN trong câu kể **Ai làm gì?** nêu lên hoạt động của người, con vật (hoặc đồ vật, cây cối được nhân hoá. VN có thể là: Động từ hoặc cụm DT.

- Câu kể **Ai là gì?**

+ CN trong câu kể **Ai là gì?** chỉ sự vật (người, con vật hay đồ vật, cây cối được nhân hoá) có hoạt động được nói đến ở VN. CN thường do danh từ hoặc cụm DT tạo thành.

+ Câu kể **Ai là gì?** gồm 2 bộ phận. Bộ phận thứ nhất là CN, trả lời cho câu hỏi: **Ai (cái gì, con gì)?** Bộ phận thứ 2 trả lời cho câu hỏi : **là gì (là ai, là con gì)?**

+ Câu kể **Ai là gì?** được dùng để giới thiệu hoặc nêu nhận định về một người, một vật nào đó.

+ Trong câu kể **Ai là gì?** VN được nối với CN bằng từ **là** VN thường do DT (hoặc cụm DT) tạo thành.

+ CN trong câu kể **Ai là gì?** chỉ sự vật được giới thiệu, nhận định ở VN. CN trả lời cho câu hỏi: **Ai (con gì, cái gì)?** CN thường do DT (hoặc cụm DT) tạo thành.

- Câu kể ***Ai thế nào?***

+ Câu kể ***Ai thế nào?*** gồm 2 bộ phận chính: CN trả lời cho câu hỏi: ***Ai (cái gì, con gì)?*** VN trả lời cho câu hỏi: ***thế nào ?***

+ VN trong câu kể ***Ai thế nào?*** chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật được nói đến ở CN. VN thường do tính từ, động từ (hoặc cụm TT, cụm ĐT) tạo thành.

+ CN trong câu kể ***Ai thế nào?*** chỉ những sự vật có đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái được nêu ở VN. CN thường do DT (hoặc cụm DT) tạo thành.

b) Câu hỏi:

- Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn) dùng để hỏi về những điều chưa biết.

- Phần lớn câu hỏi là để hỏi người khác, nhưng cũng có câu hỏi dùng để tự hỏi mình.

- Câu hỏi thường có các từ nghi vấn: ***ai, gì, nào, sao, không***,... Khi viết, cuối câu hỏi phải có dấu chấm hỏi.

c) Câu khiến:

- Câu khiến (câu cầu khiến, câu mệnh lệnh) dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn, ... của người nói, người viết với người khác.

- Khi viết, cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm.

- Muốn đặt câu khiến, có thể dùng một trong những cách sau :

+ Thêm từ ***hãy*** hoặc ***đừng, chớ, nên, phải***,... vào trước ĐT.

+ Thêm từ ***lên*** hoặc ***đi, thôi, nào***,... vào cuối câu.

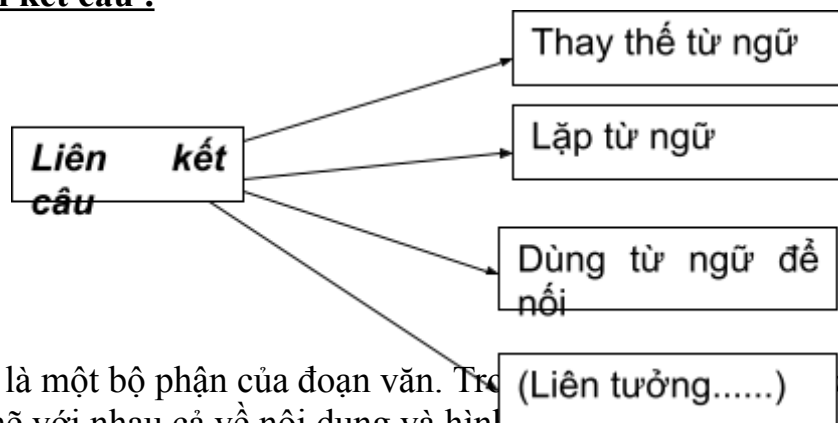
+ Thêm từ ***đề nghị*** hoặc ***xin, mong***,... vào đầu câu.

- Dùng giọng điệu phù hợp với câu khiến.

Lưu :** Khi nêu yêu cầu, đề nghị, phải giữ phép lịch sự. Muốn vậy, cần có cách xưng hô cho phù hợp và thêm vào trước hoặc sau ĐT các từ ***Làm ơn, giúp, giúp,...

- Ta cũng có thể dùng câu hỏi để nêu yêu cầu, đề nghị.

3. Liên kết câu :



Câu là một bộ phận của đoạn văn. Trong một đoạn văn, các câu phải liên kết chặt chẽ với nhau cả về nội dung và hình thức. Cụ thể:

a) Về nội dung:

- Các câu phải phục vụ chủ đề chung của đoạn văn.

VD: “***Mẹ Vân là bác sĩ. Quần áo ở cửa hàng này rất đẹp. Chiếc ô tô đi nhanh***”.

Chuỗi câu này không tạo thành đoạn văn vì mỗi câu nói về một chủ đề riêng.

- Các câu phải sắp xếp theo trật tự hợp lí.

VD: “***Mẹ Vân là bác sĩ. Người Trang gặp đầu tiên là mẹ Vân. Trang tìm đến nhà Vân. Bác làm việc ở thành phố***”. Chuỗi câu này cũng không tạo thành đoạn văn vì trật tự sắp xếp không hợp lí.

b) Về hình thức:

Ngoài sự liên kết về nội dung, giữa các câu trong đoạn phải được liên kết bằng những dấu hiệu hình thức nhất định. Về hình thức, người ta thường liên kết các câu bằng các phép liên kết như phép lặp (lặp từ ngữ), phép thế (thay thế từ ngữ), phép nối (dùng từ ngữ để nối), phép liên tưởng,...

❖ **Phép lặp:**

- Ta có thể liên kết một câu với một câu đứng trước nó bằng cách dùng bằng cách lặp lại trong câu ấy những từ ngữ đã xuất hiện ở câu đứng trước nó.

- Khi sử dụng phép lặp cần lưu ý phối hợp với các phép liên kết khác để tránh lặp lại từ ngữ quá nhiều, gây ấn tượng nặng nề.

❖ **Phép thế:**

- Ta có thể liên kết một câu với một câu đứng trước nó bằng cách dùng đại từ hoặc những từ ngữ đồng nghĩa thay thế cho các từ ngữ đã dùng ở câu đứng trước.

- Việc sử dụng đại từ hoặc từ đồng nghĩa liên kết câu làm cho cách diễn đạt thêm đa dạng, hấp dẫn.

❖ **Phép nối:**

- Ta có thể liên kết một câu với một câu đứng trước nó bằng quan hệ từ hoặc một số từ ngữ có tác dụng kết nối như: **nhưng, tuy nhiên, thậm chí, cuối cùng, ngoài ra, mặt khác, trái lại, đồng thời,...**

- Việc sử dụng quan hệ từ hoặc những từ ngữ có tác dụng kết nối giúp ta nắm được mối quan hệ về nội dung giữa các câu trong đoạn văn, bài văn.

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1. Câu "Hương thơm cứ lan ra, nhuốm đầy không khí khiến cả khu rừng im lặng, ngán ngơ." thuộc kiểu câu nào?

A. Câu khiến

B. Câu kể Ai- thế nào?

C. Câu kể Ai- là gì?

D. Câu kể Ai- làm gì?

Bài 2. Chuyển câu kể sau thành 1 câu khiến và 1 câu hỏi :

Anh Phù ngả lưng vào gốc cây.

- Câu hỏi :

- Câu khiến

Bài 3. Đánh dấu x vào ô trống trước câu kể Ai- thế nào?

☐

a) Chúng tôi đứng xếp hàng trước cửa lớp.

☐

b) người bạn đứng phía trước tôi rất cao.

☐

c) Bé Minh nhút nhát nhưng rất thông minh.

☐

d) Bạn Mai đang đọc truyện Tấm Cám.

☐

e) Đường lên núi gập ghềnh, khó đi.

Bài 4. Hãy cho biết các câu trong đoạn văn sau là câu đơn hay câu ghép. Dùng dấu / ngăn cách giữa CN và VN, gạch 2 gạch dưới CN và 1 gạch dưới VN).

Đêm xuống, mặt trăng tròn vành vạnh (1). Cảnh vật trở nên huyền ảo (2). Mặt ao sóng sánh, một mảnh trăng bồng bênh trên mặt nước (3).

Câu đơn:

Câu ghép:

Bài 5. *Phân loại các câu dưới đây thành 2 loại: Câu đơn và câu ghép. Dùng dấu / ngăn cách giữa CN và VN, gạch 2 gạch dưới CN và 1 gạch dưới VN).*

- a) Mùa thu năm 1929, Lý Tự Trọng về nước, được giao nhiệm vụ làm liên lạc, chuyển và nhận thư từ, tài liệu trao đổi với các đảng bạn qua đường tàu biển.
- b) Lương Ngọc Quyến hi sinh nhưng tấm lòng trung với nước của ông còn sáng mãi.
- c) Một con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra hót râm ran.
- d) Mưa rào rào trên sân gạch, mưa đồm độp trên phen nứa.

Câu đơn:

Câu ghép:

Bài 6. *Hãy cho biết những câu văn sau là câu đơn hay câu ghép. Dùng dấu / ngăn cách giữa CN và VN, gạch 2 gạch dưới CN và 1 gạch dưới VN).*

- a) Ánh nắng ban mai trải xuống cánh đồng vàng óng, xua tan dần hơi lạnh đầu đông.
- b) Làn gió nhẹ chạy qua, những chiếc lá lay động như những đóm lửa vàng, lửa đỏ bập bùng cháy.
- c) Nắng lên, nắng chan mỡ gà trên những cánh đồng lúa chín.

Câu đơn:

Câu ghép:

Bài 7. *Tìm trạng ngữ (TN), CN và VN của những câu văn trong đoạn văn sau:*

a) ^{Mùa xuân,} lá bàng ^{trông như} những ngọn lửa xanh. Sang hè, lá lên thật ^{đẹp,} đỏ ^{và} sáng ^{và} chỉ còn là ^{màu} đỏ ^{đỏ} bích. Sang cuối thu, lá bàng ngả thành màu tím và bắt đầu rụng xuống. Qua mùa đông, cây bàng trụi hết lá, những chiếc cành khẳng khiu in trên nền trời xám đục.

b) Sự sống cứ tiếp tục trong âm thầm, hoa thảo quả nảy dưới gốc cây kín đáo và lặng lẽ. Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái. Dưới tầng đáy rừng, tựa như đột ngột, những chùm thảo quả đỏ chon chót bỗng rực lên, bóng bẩy như chứa lửa, chứa nắng.

Bài 8. Dùng dấu / ngăn cách giữa CN và VN trong các câu sau:

Mây đen bao phủ bầu trời. Gió giật từng cơn. Mưa trút xuống ào ào. Cây cối nghiêng ngả theo chiều gió. Cành cây gãy răng rắc. Người gọi nhau í ới.

Bài 9. Tìm câu kể **Ai- thế nào?** rồi gạch dưới các bộ phận VN trong câu vừa tìm.

Rừng hồi ngào ngạt, xanh thắm trên các quả đồi quanh làng. Một mảnh lá gãy cũng dậy mùi thơm. Gió càng thơm ngát. Cây hồi thẳng, cao, tròn xoe. Cành hồi giòn, dễ gãy hơn cả cành khế. Quả hồi phơi mình xoe trên mặt lá đầu cành.

Bài 10. Tìm câu kể **Ai làm gì?** trong đoạn văn sau rồi gạch dưới các bộ phận VN của từng câu tìm được:

Bàn tay mềm mại của Tấm rắc đều những hạt cơm quanh bóng. Tấm ngấm nhìn bóng. Tấm nhúng bàn tay xuống nước, vuốt nhẹ hai bên lườn của cá. Cá đứng im trong tay chị.

Bài 11. Chuyển các câu sau thành các câu hỏi, câu khiến, câu cảm:

a) Cánh diều bay cao.

.....
.....
.....

b) Gió thổi mạnh.

.....
.....
.....

c) Mùa xuân về.

.....
.....
.....

Bài 12. Hãy diễn đạt cảm xúc của mình trong những tình huống sau đây bằng những câu cảm :

a) Được đọc một quyển truyện hay.

.....
.....
.....

b) Được tặng một món quà hấp dẫn.

.....
.....
.....

c) Bất ngờ gặp lại một người bạn thân xa nhau đã lâu.

.....
.....
.....
d) Làm hỏng một việc gì đó.

.....
.....
.....
e) Gặp phải một sự rủi ro nào đó.

.....
.....
.....
Bài 13. *Hãy chuyển những câu đơn sau thành câu ghép.*

a) Mặt biển mênh mông. Từng đoàn ghe mảnh nhấp nhô cười sóng.

.....
.....
.....
b) Mặt trời lên cao. Ánh nắng gay gắt. Chúng em càng làm việc khẩn trương hơn.

.....
.....
.....
c) Râu tóc đều bạc trắng. Da mặt hồng hào, đôi mắt rất sáng.

.....
.....
.....
Bài 14. *Cho biết các câu dưới đây là câu đơn hay câu ghép. Dùng dấu / ngăn cách giữa CN và VN trong các câu đó.*

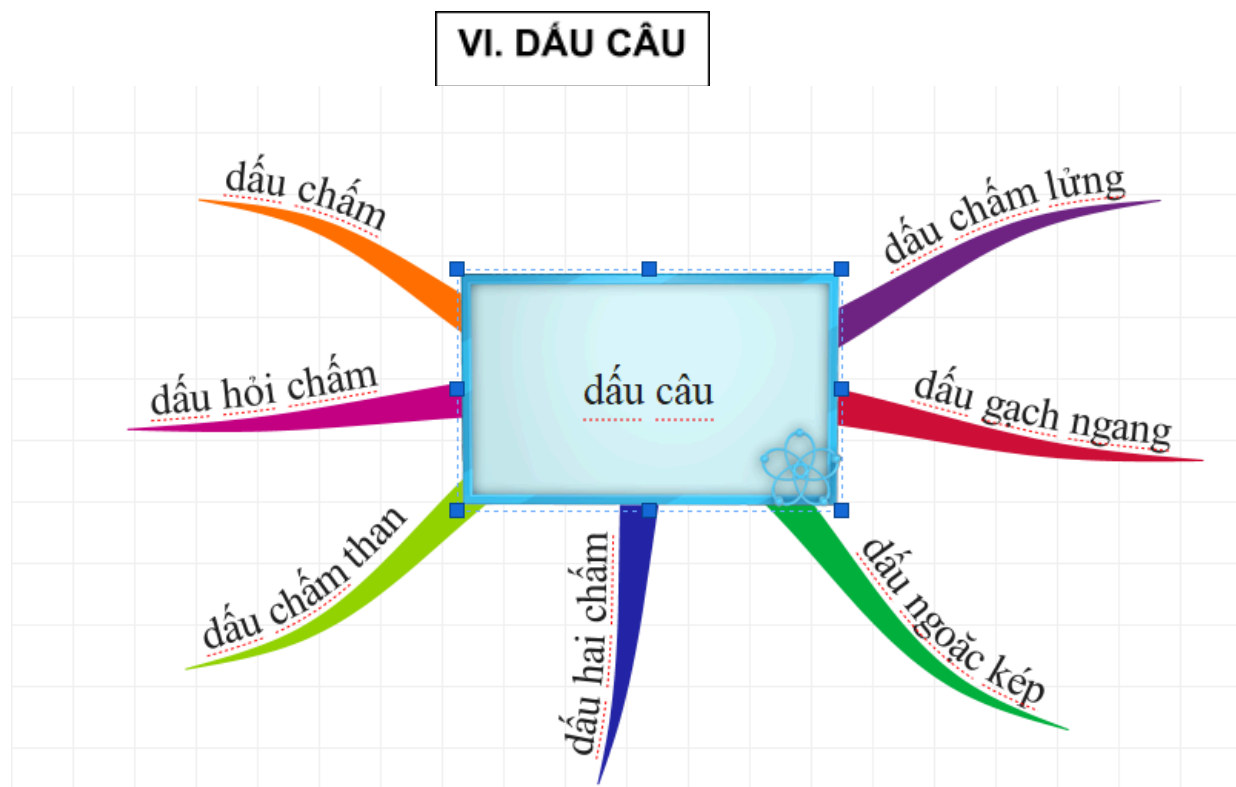
a) Trên những cây xoan, cây bàng đang còn ngủ đông, những cành khô bỗng tách vỏ, nảy ra những búp xuân trong như ngọc. (.....)

b) Những cây xoan, cây bàng bừng tỉnh giấc, trên những cành khô, những búp trong như ngọc đã lấp ló hiện ra. (.....)

c) Những cây xoan, cây bàng tỉnh giấc, nảy ra những búp xuân trong như ngọc. (.....)

Bài 15. *Tìm cặp QHT thích hợp điền vào chỗ trống trong từng câu sau:*

- a)tôi đạt học sinh giỏi.....bố mẹ thưởng cho tôi một chiếc xe đạp.
- b)trời mưa.....lớp ta sẽ hoãn đi cắm trại.
- c)gia đình gặp nhiều khó khăn.....bạn Nam vẫn phấn đấu học tốt.



1. Dấu chấm (.)

- Dấu chấm đặt ở cuối câu kể:

- a) Giới thiệu về người, vật, việc

Ví dụ:

- Kéo co là phải đủ ba keo, bên nào kéo được đối phương ngã về phía mình nhiều keo hơn là bên ấy thắng.

- b) Miêu tả đặc điểm

Ví dụ: Mưa xuống sầm sập, giọt ngã, giọt bay, bụi nước tỏa trắng xóa.

- c) Nêu ý kiến, nhận xét

Ví dụ: Kéo co là một trò chơi thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc ta.

2. Dấu chấm hỏi (?)

- Dấu chấm hỏi thường được dùng:

- a) Đặt cuối câu hỏi bày tỏ những điều chưa biết, chưa rõ muốn được trả lời

Ví dụ: Mấy ngày nữa thì mẹ về hả chị?

- b) Đặt cuối câu hỏi được dùng với mục đích khẳng định.

Ví dụ: Trong nỗi đau, có ai hơn ai?

- c) Đặt cuối câu kể nhưng lại được dùng với mục đích nghi vấn.

Ví dụ: Lúc bấy giờ bạn Lan nói gì mình cũng chẳng nghe rõ nữa.

3. Dấu chấm lửng (dấu ba chấm) (...)

+ Đặt cuối câu khi người viết không muốn nói hết ý mình mà người đọc vẫn hiểu những ý không nói ra

- + Đặt sau từ ngữ biểu thị lời nói đứt quãng
- + Đặt sau từ ngữ tượng thanh để biểu thị sự kéo dài âm thanh
- + Đặt sau từ ngữ biểu thị sự im lặng, sự kéo dài hay ghen ngạo, xúc động không nói thành lời

Ví dụ:

- Mẹ ơi, con đau ... đau ... quá...!

4. Dấu hai chấm (:)

Dấu hai chấm được đặt ở giữa câu để báo hiệu bộ phận đứng sau:

a) Là lời đối thoại trực tiếp của nhân vật (thường được dùng phối hợp với dấu ngoặc kép hay dấu gạch ngang)

Ví dụ : *Pi - e lấy chuỗi ngọc đưa cho cô bé. Cô bé thốt lên :*

- Đẹp quá ! Xin chú gói lại cho cháu !

b) Là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

Ví dụ : *Rồi ngày mưa rào. Mưa dăng dăng bốn phía. Có quầng nắng xuyên xuống mặt biển óng ánh đủ màu : xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc ...*

c) Là phần liệt kê cụ thể, kể ra những nội dung chi tiết.

Ví dụ: *Truyện dân gian gồm có:*

- truyện cổ tích

- truyện thơ

- truyện thần thoại ...

5. Dấu chấm than (!)

Đặt cuối câu khiến hoặc câu cảm:

a) Bộc lộ trạng thái cảm xúc

Ví dụ: *Ôi chao ! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao!*

b) Biểu thị lời hô, lời gọi

Ví dụ: *Lan ơi! Ngủ chưa, Lan?*

c) Nêu ý đề nghị, yêu cầu, khuyên bảo

Ví dụ: *Đé Choắt, hãy giương mắt ra xem tao trên con mụ Cốc đây này!*

6. Dấu gạch ngang (-)

Dấu gạch ngang có thể đặt ở những vị trí khác nhau trong câu để tách biệt :

a) Lời nói trực tiếp của nhân vật

Ví dụ :

Một hôm, Bác Hồ hỏi bác Lê:

- Anh Lê có yêu nước không?

Bác Lê ngạc nhiên, lúng túng trong giây lát rồi trả lời :

- Có chứ!

b) Tách biệt phần chú thích

Ví dụ:

Thế rồi bỗng một hôm - chắc rằng hai cậu bàn nhau mãi - hai cậu chọt nghĩ kế rủ Oanh chung tiền mở cái trường.

c) Tách biệt từng nội dung liệt kê trong mối quan hệ với nhau

Ví dụ :

Hãy viết đúng các tên riêng dưới đây :

- Buôn Ma Thuật

- Đắc Lắc

- Điện Biên Phủ

7. Dấu ngoặc đơn ((...))

Dấu ngoặc đơn có thể đặt ở những vị trí khác nhau trong câu để tách biệt phần chú thích (đặt trong ngoặc đơn) với phần được chú thích và nêu rõ thêm cho phần được chú thích về tình cảm, thái độ, hành động, nơi chốn...

Ví dụ: Tôi quê ở Hưng Yên (vùng có nhiều nhãn ngon).

8. Dấu ngoặc kép ("...")

Dấu ngoặc kép có thể đặt ở những vị trí khác nhau trong câu để tách biệt :

a) Lời nói trực tiếp của nhân vật (thường có dấu hai chấm đứng trước)

Ví dụ :

Hồ Chủ tịch nói: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

b) Một số từ ngữ mượn lại của người khác được đưa vào trong bài viết (lúc này không cần đặt dấu hai chấm đứng trước).

Ví dụ: *Giữa khung cảnh vẫn "non xanh nước biếc" như xưa, chúng tôi mãi mê những cánh đồng chiêm mon morn, những chiếc cầu sắt mới tinh duyên dáng, những mái trường, những mái nhà tươi roi rói bên cạnh rặng tre non ...*

c) Những từ ngữ dùng với ý nghĩa đặc biệt (nhấn mạnh, mỉa mai, ...)

Ví dụ: *Một thế kỉ "văn minh", "khai hóa" của thực dân cũng không làm ra được một tác phẩm.*

9. Dấu chấm phẩy (;)

a) Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép hoặc khi vế sau có tác dụng bổ sung cho vế trước, tạo sự cân xứng về cấu tạo và ý nghĩa

Ví dụ: *Con đường dốc dần lên; ánh sáng đã hừng mờ mờ; rồi ánh sáng lóe lên.*

b) Đứng sau các bộ phận liệt kê

10. Dấu phẩy (,)

Đây là loại dấu câu được dùng nhiều trong các văn bản và có nhiều chức năng. Trong một câu có thể có một dấu phẩy hay có nhiều dấu phẩy.

a) Dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu

b) Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép

c) Dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1. Ghi tác dụng của dấu gạch ngang vào chỗ chấm trong các trường hợp sau :

a) Chim sâu hỏi chiếc lá :

- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!

- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.

Dấu gạch ngang có tác dụng:

b) Tôi đã nhiều lần đến Hạ Long - một kì quan thiên nhiên nổi tiếng của nước ta.

Dấu gạch ngang có tác dụng

c) Giải thưởng trong các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao gồm có :

- Huy chương Vàng

- Huy chương Bạc

- Huy chương Đồng

Dấu gạch ngang có tác dụng:

Bài 2. Điền dấu phẩy, dấu chấm, dấu hai chấm, dấu chấm hỏi và dấu chấm cảm vào chỗ trống sao cho thích hợp:

Sân ga ồn ào nhộn nhịp đoàn tàu đã đến ...

....A....me đã xuống kia rồi....

The image displays four horizontal rows of handwriting practice paper. Each row is defined by a solid top line, a dashed midline, and a solid bottom line. The rows are separated by vertical lines, creating a grid of boxes for individual letter practice. The first row is the topmost, followed by the second, third, and fourth rows at the bottom. The dashed midline is consistently positioned between the solid lines in each row.

Bài 7. *Dấu phẩy trong câu: "Đám đông im lặng, còn chàng trai không giấu được nổi xúc động của mình." có tác dụng gì?*

- A. Ngăn cách hai vế của câu ghép
B. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ trong câu
C. Ngăn cách các thành phần cùng chức vụ cùng làm chủ ngữ
D. Ngăn cách các thành phần cùng chức vụ cùng làm trạng ngữ

Bài 8. Trong đoạn văn sau có một số dấu chấm than dùng sai. Em hãy khoanh vào dấu đặt sai và sửa lại cho đúng.

Trời tưng thế, đành mời Cóc vào! Cóc tau!

- Muôn tâu Thượng đế! Đã mấy năm rồi, trần gian không được một giọt mưa!

Thượng đế cần làm mưa ngay để cứu muôn loài!

Trời sợ trần gian nổi loạn, dịu giọng nói!

- Thôi, cậu hãy về đi! Ta sẽ cho mưa xuống ngay!

Bài 9. *Dấu gạch ngang trong câu sau có tác dụng gì?*

- Em không thể nhận được! Em không có tiền đâu thưa cô?

- A. Đánh dấu những ý liệt kê
B. Đánh dấu bộ phận giải thích
C. Đánh dấu những từ đứng sau là lời nói trực tiếp của nhân vật

Bài 10. Trong những câu sau đây dấu hai chấm có tác dụng gì?

- a) Sự vật xung quanh tôi có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.
b) Bố dặn bé Lan: “***Con phải học bài xong rồi mới đi chơi đấy!***”.

[illegible]

B. BỘ ĐỀ ÔN TẬP TỔNG HỢP ĐỀ SỐ 1

A - Đọc thầm và làm bài tập

CHIM HỌA MI HÓT

Chiều nào cũng vậy, con chim họa mi ấy không biết từ phương nào bay đến đậu trong bụi tầm xuân ở vườn nhà tôi mà hát.

Hình như nó vui mừng vì suốt ngày đã được tha hồ rong ruổi bay chơi trong khắp trời mây gió, uống bao nhiêu nước suối mát lành trong khe núi. Cho nên những buổi chiều tiếng hát có khi êm đềm, có khi rộn rã, như một điệu đàn trong bóng xế mà âm thanh vang mãi giữa tĩnh mịch, tưởng như làm rung động lớp sương lạnh mờ mờ rủ xuống cỏ cây.

Hót một lúc lâu, nhạc sĩ giang hồ không tên không tuổi ấy từ từ nhắm hai mắt lại, thu đầu vào lông cổ, im lặng ngủ, ngủ say sưa sau một cuộc viễn du trong bóng đêm dày.

Rồi hôm sau, khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hát vang lưng chào nắng sớm. Nó kéo dài cổ ra mà hát, tựa hồ nó muốn các bạn xa gần đều lắng nghe. Hót xong, nó xù lông rũ hết những giọt sương rồi nhanh nhẹn chuyển từ bụi nọ sang bụi kia, tìm vài con sâu ăn lót dạ, đoạn vỗ cánh bay vút đi.

(Theo Ngọc Giao)

I. Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

Câu 1. Con chim họa mi từ đâu bay đến?

- A. Từ phương đông
- B. Từ phương Bắc
- C. Từ phương Nam
- D. Không rõ từ phương nào

Câu 2. Những buổi chiều, tiếng hát của chim họa mi như thế nào?

- A. Trong trẻo, rẻo rắt
- B. Hót vang lưng chào nắng sớm
- C. Êm đềm, rộn rã
- D. Lạnh lút, ngân nga.

Câu 3. Buổi sáng con chim họa mi lại kéo dài cổ ra mà hát vì:

- A. Nó muốn các bạn xa gần lắng nghe.
- B. Nó muốn khoe khoang giọng hát của mình.
- C. Nó muốn luyện cho giọng hay hơn.
- D. Nó thích được hát.

Câu 4. Điền **n** hay **l** vào chỗ chấm cho thích hợp.

- Bàn tay ta ... àm ... ên tất cả.
- ... ên rừng xuống biển.
- ... ắng tốt dưa mưa tốt ..úa.

Câu 5. Dòng nào dưới đây có các từ in đậm là từ nhiều nghĩa?

- A. Anh thanh niên hỏi **giá** chiếc áo treo trên **giá**.
- B. Nó không biết từ phương nào **bay** đến. Cậu ấy đánh **bay** mấy bát com.
- C. Nó từ từ nhắm hai **mắt** lại. Quả na đã mở **mắt**.
- D. Con họa mi ấy lại **hót** vang lưng. Bạn Lan đang **hót** rác ở góc lớp.

II. Tự luận

Câu 6. Hai câu: “*Khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hót vang lưng chào nắng sớm. Nó kéo dài cổ ra mà hót, tựa hồ nó muốn các bạn xa gần đâu đó lắng nghe.*”

Được liên kết với nhau bằng cách:

Câu 7. *Hãy miêu tả lại cách ngủ của chim họa mi.*

[illegible]

Câu 8. Bài văn trên cho chúng ta thấy được điều gì?

[illegible]

Câu 9. Gạch chân dưới bộ phận chủ ngữ, vị ngữ trong câu văn sau:

- a) Lớp thanh niên ca hát, nhảy múa. Tiếng chiêng, tiếng cồng, tiếng đàn tơ - rung vang lên.
- b) Mỗi lần Tết đến, đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ giải trên các lễ phố Hà Nội, lòng tôi thấm thía một nỗi biết ơn đối với người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân.

B. Tập làm văn

Đề bài: Em hãy tả một người bạn thân của em.

This image shows a full page of a document template designed for writing. It features a series of evenly spaced, horizontal dashed lines across the entire width of the page. The background is plain white, and there are no margins, headers, or footers visible. This type of template is commonly used for teaching handwriting to children or as a general-purpose lined paper for note-taking.

This image shows a full page of white paper with horizontal dashed lines, typical of primary-ruled notebook paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings present.

----- ĐỀ SỐ 2

Câu 1. *Đọc thầm đoạn văn và thực hiện yêu cầu ở dưới:*

“Tan học, các bạn trai còn mải đá bóng thì Mơ đã về nhặt tưới rau rồi chế củ, nấu cơm giúp mẹ. Thế mà đám con trai còn dám trêu Mơ. Các bạn nói rằng con gái chẳng được tích sự gì. Tức ghê!”.

I. Khoanh vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng:

1. Ngoài giờ học, Mơ thường làm việc gì giúp mẹ?

- A. Nhặt rau rồi chẻ củi, nấu cơm
B. Chẻ củi, nấu cơm
C. Tưới rau rồi chẻ củi
D. Tưới rau rồi chẻ củi, nấu cơm

2. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất dưới đây.

Dấu phẩy trong câu: “*Tan học, các bạn trai còn mãi đá bóng thì Mơ đã về cặm cuoi tưới rau rồi chế củi, nấu cơm giúp mẹ*” có tác dụng gì?

- A. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ
- B. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu

C. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ, ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu

D. Ngăn cách các vế trong câu ghép

3. Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào nhóm thích hợp nêu dưới đây

(truyền thống, truyền bá, truyền nghề, truyền tin, truyền máu, truyền hình, truyền nhiễm, truyền ngôi)

a) truyền có nghĩa là trao lại cho người khác (thường thuộc thế hệ sau):

b) truyền có nghĩa là lan rộng hoặc làm lan rộng ra cho nhiều người biết:

c) truyền có nghĩa là nhập vào hoặc đưa vào cơ thể người:

Câu 4. Đặt 1 câu có dấu phẩy dùng để ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.

Câu 5. Dòng nào dưới đây viết hoa đúng tên các tổ chức, huân chương hoặc danh hiệu?

A. Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước

B. Huy chương Anh hùng lực lượng vũ trang

C. Huân chương Kháng Chiến

D. Huân chương chiến công giải phóng.

II. Tập làm văn

Đề bài: *Tả một người thân để lại cho em nhiều ấn tượng, tình cảm tốt đẹp nhất*

ĐỀ SỐ 3

I. Đọc thầm và làm bài tập:

CÔNG VIỆC ĐẦU TIÊN

Một hôm, anh Ba Chấn gọi tôi vào trong buồng đứng cái nơi anh giao việc cho ba tôi ngày trước. Anh lấy từ mái nhà xuống bó giấy lớn, rồi hỏi tôi:

- Út có dám rải truyền đơn không?

Tôi vừa mừng vừa lo, nói:

- Được, nhưng rải thế nào anh phải chỉ vẽ, em mới làm được chứ!

Anh Ba cười, rồi dặn dò tôi tỉ mỉ. Cuối cùng, anh nhắc:

- Rủi địch nó bắt em tận tay thì em một mực nói rằng có một anh bảo đây là giấy quảng cáo thuốc. Em không biết chữ nên không biết giấy gì.

Nhận công việc vinh dự đầu tiên này, tôi thấy trong người cứ bồn chồn, thấp thỏm. Đêm đó, tôi ngủ không yên, lục đục dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn. Khoảng ba giờ sáng, tôi giả đi bán cá như mọi hôm. Tay tôi bê rổ cá, còn bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần. Tôi rảo bước và truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất. Gần tới chợ thì vừa hết, trời cũng vừa sáng tỏ.

Độ tám giờ, nhân dân xì xào ầm lên: “Cộng sản rải giấy nhiều quá!”

Mấy tên lính mã tà hót hải xách súng chạy rầm rầm.

Về đến nhà, tôi khoe ngay kết quả với anh Ba. Anh tôi khen:

- Út khá lắm, cứ làm như vậy rồi quen, em ạ!

Lần sau, anh tôi lại giao rải truyền đơn tại chợ Mỹ Lồng. Tôi cũng hoàn thành. Làm được một vài việc, tôi bắt đầu ham hoạt động. Tôi tâm sự với anh Ba:

- Em chỉ muốn làm thật nhiều việc cho Cách mạng. Anh cho em thoát li hẳn nghe anh!

(Theo Hồi ký của bà Nguyễn Thị Định)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

Câu 1: *Tâm trạng chị Út như thế nào khi nhận nhiệm vụ?*

- A. Bồn chồn, thấp thỏm
- B. Vui mừng, rộn rã
- C. Cảm thấy bình thường
- D. Vui mừng nhưng lo lắng

Câu 2: *Những chi tiết nào cho thấy chị Út rất hồi hộp khi nhận công việc đầu tiên?*

- A. Chị thấy rất vui mừng vì đã làm một việc đầu tiên cho Cách mạng
- B. Chị cảm thấy vừa vui mừng, vừa lo lắng ngủ không yên
- C. Chị dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.
- D. Chị ngủ không yên.

Câu 3: *Chị Út đã nghĩ ra cách gì để rải hết truyền đơn?*

- A. Một tay bê rổ cá, một tay kia cầm bó truyền đơn vừa rảo bước đi vừa rải truyền đơn.
- B. Giả đi bán cá, tay bê rổ cá và bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần, khi rảo bước truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất
- C. Bó truyền đơn được giấu dưới rổ cá, một tay bê rổ cá còn tay kia rút truyền đơn mà rải.
- D. Chị đưa cho mỗi người chị gặp một tờ.

Câu 4: *Dấu phẩy trong câu: “Về đến nhà, tôi khoe ngay kết quả với anh Ba.” có tác dụng gì?*

- A. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ
- B. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu
- C. Ngăn cách chủ ngữ với vị ngữ
- D. Ngăn cách các vế câu trong câu ghép

Câu 5: *Trong câu: “Được, nhưng rải thế nào anh phải chỉ vẽ, em mới làm được chứ!” có:*

- A. 1 đại từ
- B. 2 đại từ
- C. 3 đại từ
- D. 4 đại từ

Câu 6: *Điền s hay x*

- Nhường cơm ...ẻ áo.
- Kéo cưa lừa ...ẻ.
- ...ẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.
- Bát cơm ...ẻ nửa chần ...ui đắp cùng.

Câu 7: *Vì sao chị Út muốn thoát li?*

.....

Câu 8: *Bài văn nói lên điều gì?*

.....

Tôi rảo bước và truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất.

II. Tập làm văn.

Đề bài: *Em hãy tả một thầy giáo, cô giáo đã từng dạy em.*

ĐỀ SỐ 4

Câu 1 : *Đọc thầm đoạn văn rồi trả lời câu hỏi:*

MỘT LY SỮA

Trưa hôm đó, một cậu bé nghèo bán hàng rong ở các khu nhà để kiếm tiền đi học. Bụng đói cồn cào mà lục túi chỉ còn mấy nghìn đồng ít ỏi, cậu liền xin một bữa ăn của gia đình gần đó nhưng cậu giật mình xấu hổ khi thấy một cô bé mở cửa. Cậu bé đành xin một ly nước uống thay vì chút gì đó để ăn. Vì cô bé trông cậu có vẻ đang đói nên cô bưng ra một ly sữa lớn. Cậu bé uống xong bèn hỏi:

- Tôi nợ bạn bao nhiêu tiền?

- Bạn không nợ tôi bao nhiêu cả. Mẹ tôi dạy rằng: Ta không bao giờ nhận tiền khi giúp ai đó.

Cậu bé cảm ơn và bước đi. Lúc này, cậu bé cảm thấy tự tin và mạnh mẽ hơn nhiều. Nhiều năm sau đó, cô bé ngày nào giờ mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo cần có chuyên gia chữa trị. Vị bác sĩ trưởng khoa được mời khám cho bệnh nhân này. Khi biết tên và địa chỉ của bệnh nhân, một tia sáng bỗng loé lên trong mắt ông. Ông đứng bật dậy đến bên giường bệnh nhân và nhận ra cô bé ngày nào ngay lập tức. Ông đã cố gắng hết sức mình để cứu chữa cho cô gái này. Sau thời gian chữa trị, cô gái đã khỏi bệnh. Vị bác sĩ yêu cầu bệnh viện chuyển cho ông hoá đơn viện phí rồi viết gì lên đó trước khi đưa nó đến tay cô gái. Cô gái lo sợ không dám mở ra vì biết rằng số tiền phải trả là rất lớn mà cô thì không có đủ. Cuối cùng lấy hết can đảm nhìn vào tờ hoá đơn, cô chú ý ngay dòng chữ: “Đã thanh toán bằng một ly sữa. Ký tên.”

(Theo PHÙ SA ĐỎ)

a) *Cậu bé bước đi và cảm thấy tự tin, mạnh mẽ hơn vì:*

- A. Không cần đi bán hàng rong nữa.
- B. Có được một số tiền để đi học.
- C. Bụng đã hết đói.
- D. Nhận được sự giúp đỡ từ cô bé.

b) *Chi tiết nào cho thấy vị bác sĩ rất bất ngờ khi nhớ lại câu chuyện trước đây?*

- A. Ông nhận lời khám bệnh cho cô gái.
- B. Một tia sáng loé lên trong mắt ông.
- C. Ông đứng dậy đến bên giường bệnh nhân.
- D. Ông cố gắng hết sức mình cứu chữa cho cô gái.

c) *Câu chuyện “Một ly sữa” nói về:*

- A. Sự chia sẻ
- B. Sự cố gắng
- C. Sự tự tin
- D. Lòng can đảm

Câu 2. Xếp những từ sau đây thành các nhóm từ đồng nghĩa:

lấp lánh, tràn ngập, thiết tha, dễ dàng, đầy ắp, vỗ về, da diết, lóng lánh

.....

.....

.....

Câu 3. Cho biết tác dụng của từng dấu phẩy trong câu sau:

Ngoài kia, sau một mùa đông dài tới bởi đông bão, những chiếc lộc non đã đâm chồi, những nụ mầm bé nhỏ run run như bàn tay non tơ.

.....

.....

.....

Câu 4. Dùng dấu / ngăn cách giữa bộ phận TN, CN và VN của mỗi câu sau, gạch 2 gạch dưới CN và 1 gạch dưới VN, 3 gạch dưới TN của các câu đó và cho biết câu đó là câu đơn hay câu ghép:

a) Sau những cơn mưa xuân, một màu xanh non ngọt ngào, thơm mát trải ra

mênh mông trên khắp các sườn đồi. (.....)

b) Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát. (.....)

Câu 5 : Thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây nói về **lòng tự trọng**?

A. Cây ngay không sợ chết đứng

B. Giấy rách phải giữ lấy lề

C. Thẳng như ruột ngựa

D. Thuốc đắng dã tật

Câu 6. Hai câu: “***Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta.***” được liên kết với nhau bằng cách nào ?

A. Dùng từ ngữ thay thế và từ ngữ nối

B. Lặp lại từ ngữ

C. Dùng từ ngữ thay thế

D. Dùng từ ngữ nối

Câu 7. Tìm các từ đồng nghĩa

a. Chỉ màu vàng.....

b. Chỉ màu hồng.....

c. Chỉ màu tím.....

Câu 8. *Đọc hai khổ thơ sau và trả lời câu hỏi:*

Thời gian chạy qua tóc mẹ
 Một màu trắng đến nôn nao
 Lung mẹ cứ còng dần xuống
 Cho con ngày một thêm cao
 Mẹ ơi trong lời mẹ hát
 Có cả cuộc đời hiện ra
 Lời ru chấp con đôi cánh
 Lớn rồi con sẽ bay xa.

(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát, Tiếng Việt lớp 5- tập 2)

a. Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “chạy” trong khổ thơ 1?

b. *Viết đoạn văn khoảng 5- 7 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh người mẹ trong hai khổ thơ trên.*

Câu 9 : Trong đoạn thơ sau, từ Việt Nam được nhắc lại ba lần (điệp ngữ) nhằm nhấn mạnh tình cảm gì của tác giả?

Bốn ngàn năm dựng cơ đồ
Vạn năm tù thuở ấu thơ loài người.
Ơi Việt Nam! Việt Nam ơi!
Việt Nam! Ta gọi tên Người thiết tha.

(Lê Anh Xuân)

Câu 10 : *Viết bài văn miêu tả một cảnh đẹp quê hương em.*

ĐỀ SỐ 5

I. Đọc hiểu

Câu 1: Đọc thầm khổ thơ dưới đây rồi khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng nhất :

Lúc ấy

Cả công trường say ngủ cạnh dòng sông
Những tháp khoan nhô lên trời ngẫm nghĩ
Những xe ủi, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ
Chỉ còn tiếng đàn ngân nga
Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà.

a) *Khổ thơ thơ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ?*

A. So sánh B. Ẩn dụ C. Nhân hóa D. Nhân hóa và so sánh

b) *Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất vẻ đẹp của đêm trăng trên công trường thủy điện sông Đà ?*

A. Hình ảnh "cả công trường say ngủ cạnh dòng sông".

B. Hình ảnh "cô gái Nga đánh đàn".

- C. Hình ảnh "những xe ủi, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ".
D. Sự hòa quyện giữa con người với thiên nhiên vừa tĩnh mịch vừa sinh động.

Câu 2. Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ “*non sông*”?

- A. Nước nhà B. Năm châu C. Thế giới D. Hoàn cầu

Câu 3. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ *hòa bình*?

- A. Trạng thái bình thản B. Trạng thái không có chiến tranh
C. Trạng thái hiền hòa, yên ả D. Trạng thái yên lặng

Câu 4. Tìm tiếng có chứa *uô* hoặc *ua* thích hợp điền vào chỗ chấm :

- Chậm như - Cày sâu bẫm
- người như một - Ngang như

Câu 5. Điền thêm một vế câu vào chỗ chấm để tạo thành câu ghép.

- a) Trời chưa sáng hẳn,
b), chim chóc đã líu lo trên cành.
c) Tiếng trống báo giờ ra chơi vừa vang lên,

Câu 6. Dùng dấu / để phân tách TN, CN và VN của những câu văn trong đoạn văn sau:

Mùa xuân, lá bàng mới nảy trông như những ngọn lửa xanh. Sang hè, lá lên thật dày, ánh sáng xuyên qua chỉ còn là màu ngọc bích. Sang cuối thu, lá bàng ngả thành màu tím và bắt đầu rụng xuống. Qua mùa đông, cây bàng trụi hết lá, những chiếc cành khẳng khiu in trên nền trời xám đục.

Câu 7. Đọc bài thơ sau, em cảm thấy được những nét gì đẹp về tình cảm của người con đối với mẹ?

Bóng mây

Hôm nay trời nóng như nung
Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày
Ước gì em hóa đám mây
Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.

(Thanh Hà)

II. TẬP LÀM VĂN

Đề bài: *Tả ngôi nhà của em (hoặc căn hộ, phòng ở của gia đình em).*

ĐỀ SỐ 6

I. Đọc hiểu:

Đọc thêm bài văn *Những cánh buồm* sau và trả lời câu hỏi:

NHỮNG CÁNH BUỒM

Phía sau làng tôi có một con sông lớn chảy qua. Bốn mùa, sông đầy nước. Mùa hè, sông đỏ lựng phù sa với những con lũ dâng đầy. Mùa thu, mùa đông, những bãi cát non nổi lên, dân làng tôi thường xới đất, tria đỗ, tra ngô, kịp gieo trồng một vụ trước khi những con lũ năm sau đổ về.

Tôi yêu con sông vì nhiều lẽ, trong đó một hình ảnh tôi cho là đẹp nhất, đó là những cánh buồm. Có những ngày nắng đẹp trời trong, những cánh buồm xuôi ngược giữa dòng sông phẳng lặng. Có cánh màu nâu như màu áo của mẹ tôi. Có những cánh màu trắng như màu áo chị tôi. Có cánh màu xám bạc như màu áo bố tôi suốt ngày vất vả trên cánh đồng. Những cánh buồm đi như rong chơi, nhưng thực tế nó đang đẩy con thuyền chở đầy hàng hóa. Từ bờ tre làng, tôi vẫn gặp những cánh buồm lên ngược về xuôi. Lá cờ nhỏ trên đỉnh cột buồm phấp phới trong gió như bàn tay tí xíu vẫy vẫy chúng tôi. Còn lá buồm thì cứ căng phồng như ngực người khổng lồ đẩy thuyền đi đến chốn, về đến nơi, mọi ngả mọi miền, cần cù nhẫn nại, suốt năm, suốt tháng, bất kể ngày đêm.

Những cánh buồm chung thủy cùng con người, vượt qua bao sóng nước, thời gian. Đền nay đã có những con tàu to lớn, có thể vượt biển khơi. Nhưng những cánh buồm vẫn sống cùng sông nước và con người.

(Băng Sơn)

Khoanh vào chữ cái trước phương án trả lời đúng:

Câu 1. Bài văn này tác giả tập trung tả cảnh gì?

- A. Con sông
- B. Làng quê
- C. Làng quê và dòng sông
- D. Những cánh buồm

Câu 2. Từ "**phăng lạng**" thuộc từ loại gì?

- A. Danh từ
- B. Tính từ
- C. Động từ
- D. Đại từ

Câu 3. Màu sắc của những cánh buồm được tác giả so sánh với những gì?

- A. Màu nắng của những ngày đẹp trời.
- B. Màu áo của những người lao động vất vả trên cánh đồng.
- C. Màu trắng như màu áo chị tôi.
- D. Màu áo của những người thân trong gia đình.

Câu 4. Cách so sánh màu áo như thế có gì hay?

- A. Miêu tả được chính xác màu sắc rực rỡ của những cánh buồm.
- B. Thể hiện được tình yêu của tác giả đối với những cánh buồm trên dòng sông quê hương.
- C. Cho thấy cánh buồm cũng vất vả như những người nông dân lao động.
- D. Cho người đọc dễ liên tưởng đến các màu sắc của cánh buồm.

Câu 5. Câu văn nào trong bài thể hiện sự gắn bó giữa những cánh buồm với con người?

- A. Những cánh buồm vẫn sống cùng sông nước và con người.
- B. Những cánh buồm xuôi ngược giữa dòng sông phăng lạng.
- C. Lá buồm căng như ngực người khổng lồ.
- D. Tôi yêu con sông vì nhiều lẽ, trong đó một hình ảnh tôi cho là đẹp nhất, đó là những cánh buồm.

Câu 6. Trong câu: "**Từ bờ tre làng, tôi vẫn gặp những cánh buồm lên ngược về xuôi.**" có chứa:

- A. Cặp từ đồng nghĩa
- B. Cặp từ đồng âm
- C. Cặp từ nhiều nghĩa
- D. Cặp từ trái nghĩa

Câu 7. Suốt bốn mùa, dòng sông có đặc điểm gì?

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Bài văn trên hình ảnh nào được tác giả cho là đẹp nhất?

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Ghi lại bộ phận chủ ngữ và vị ngữ trong câu sau: "Từ bờ tre làng, tôi vẫn gặp những cánh buồm lên ngược về xuôi."

Chủ ngữ:

Vị ngữ:

Câu 10. Tìm trong đoạn văn sau các động từ, tính từ, quan hệ từ để điền vào chỗ trống.

A Cháng đẹp người thật. Mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay bắp chân rắn như trắc, gụ. Vóc cao, vai rộng, người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng. Nhưng phải nhìn A Cháng cày mới thấy hết vẻ đẹp của anh .

Động từ :

Tính từ

Quan hệ từ :

Câu 11. Trong bài *Mặt trời xanh của tôi*, nhà thơ Nguyễn Viết Bình viết:

Rừng cọ ơi! Rừng cọ!

Lá đẹp, lá ngời ngời

Tôi yêu thường vẫn gọi

Mặt trời xanh của tôi.

Theo em, khổ thơ trên đã bộc lộ tình cảm của tác giả đối với quê hương như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

II. Tập làm văn: *Tả quang cảnh nhôn nhíp của sân trường em trong giờ ra chơi.*

This image shows a full page of a document template designed for writing. It features a series of evenly spaced, horizontal dashed lines across the entire width of the page. The background is plain white, and there are no margins, headers, or footers visible. This type of template is commonly used for teaching handwriting to children or as a general-purpose lined paper for note-taking.

ĐỀ SỐ 7

I. Đọc thầm bài văn sau:

RỪNG PHƯƠNG NAM

Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lại quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vừa có tiếng chim ở một nơi nào xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chẳng?

Gió bắt đầu thổi rào rào cùng với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Một làn hơi đất nhẹ nhè tỏa lên, phủ mờ những cây cúc áo, rồi tan dần theo hơi ẩm mặt trời. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần biến đi.

Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa trầm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan xa, phảng phất khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hóa vàng, từ vàng hóa đỏ, từ đỏ hóa tím xanh... Con Luộc động đậy cánh mũi, rón rén bò tới. Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, những con vật thuộc loài bò sát có bốn chân to hơn ngón chân cái liền quét chiếc đuôi dài chạy tứ tán, con núp dưới gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây, con đeo trên tán lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái.

Thoắt cái, cả một khoảng rừng nguyên sơ đã trở lại vẻ tĩnh lặng. Con chó săn bỗng ngơ ngác, không hiểu các con vật trước mặt làm thế nào lại biến đi một cách nhanh chóng đến như vậy.

(Theo Đoàn Giỏi)

**Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. Câu: "Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình." muốn nói điều gì?

- A. Rừng phương Nam rất vắng người
- B. Rừng phương Nam rất hoang vu
- C. Rừng phương Nam rất yên tĩnh
- D. Rừng phương Nam rất đẹp

Câu 2. Tác giả tả mùi hương hoa trầm như thế nào?

- A. Thơm ngan ngát, tỏa ra khắp rừng cây
- B. Thơm ngọt ngào, theo gió bay đi khắp nơi
- C. Thơm ngây ngất, phảng phất khắp rừng
- D. Thơm thoang thoảng, len lỏi khắp khu rừng

Câu 3. Những con vật trong rừng tự biến đổi màu sắc để làm gì?

- A. Để làm cho cảnh sắc của rừng thêm đẹp đẽ, sinh động
- B. Để phù hợp với màu sắc xung quanh và tự bảo vệ mình
- C. Để phô bày vẻ đẹp mới của mình với các con vật khác
- D. Để nguy trang trốn chạy kẻ thù

Câu 4. Dòng nào dưới đây gồm các từ trái nghĩa với từ "im lặng."

- A. ồn ào, nhộn nhịp, đông đúc
- B. ồn ào, náo nhiệt, huyên náo
- C. ồn ào, nhộn nhịp, tĩnh lặng
- D. ồn ã, vui vẻ, lao xao

Câu 5. Vị ngữ trong câu: "Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần biến mất." là:

- A. Rừng ban mai dần biến mất
- B. Phút yên tĩnh của rừng ban mai
- C. Dần biến mất
- D. Của rừng ban mai dần biến mất

Câu 6. Đặt câu với cặp quan hệ từ

a) Vì nên.....

b) Chẳng những mà

Câu 7. Hãy sử dụng biện pháp **nhân hóa** để diễn đạt lại câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm.

a) Những bông hoa nở trong nắng sớm.

b) Mấy con chim đang hót ríu rít trên vòm cây.

c) Mùa xuân, sân trường mượt xanh màu lá.

ĐỀ SỐ 8

I. Đọc thầm bài văn sau:

NÚI RỪNG TRƯỜNG SƠN SAU CƠN MƯA

Mưa ngớt hạt rồi dần dần tạnh hẳn. Màn mây xám đục trên cao đã rách mướp, trôi dạt cả về một phương, để lộ dần một vài mảng trời thấp thoáng xanh. Một vài tia nắng hiếm hoi bắt đầu mừng rỡ rọi xuống. Dưới mặt đất, nước mưa vẫn còn róc rách, lăn tăn, luồn lỏi chảy thành hàng vạn dòng mỏng manh, buốt lạnh. Từ trong các bụi rậm xa gần, những chú chồn, những con dũi với bộ lông ướt mềm, vừa mừng rỡ, vừa lo lắng, nối tiếp nhau nhảy ra rồi biến mất. Trên các vòm lá dày ướt đẫm, những con chim Klang mạnh mẽ, dữ tợn, bắt đầu dang những đôi cánh lớn, giữ nước phành phạch. Cát lên những tiếng khô sặc, chúng nhún chân bay lên làm cho những đám lá úa rơi rụng lả tả. Xa xa, những chòm núi màu tím biếc cắt chéo nền trời. Một dải mây mỏng mềm mại như một dải lụa trắng dài vô tận ôm ấp, quấn ngang các chòm núi như quuyến luyến, bịn rịn.

Sau trận mưa dầm rả rích, núi rừng Trường Sơn như bừng tỉnh, cảnh vật thêm sức sống mới.

**Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. Câu văn nào nêu được ý chính của bài?

- A. Mưa ngớt hạt, rồi dần tạnh hẳn.
- B. Xa xa, những chòm núi màu tím biếc cắt chéo nền.
- C. Sau trận mưa dầm rả rích, núi rừng Trường Sơn như bừng tỉnh, cảnh vật thêm sức sống mới.

Câu 2. Những hình ảnh nào được tả sau cơn mưa?

- A. Mây xám đục, tia nắng, nước mưa; những chú chồn, con dũi, vòm lá, chim Klang, những chòm núi, những dải mây, mưa dầm rả rích.
- B. Trời, núi tím biếc, mây ôm ấp dải núi.
- C. Mây xám đục, tia nắng, nước mưa; những chú chồn, con dũi; vòm lá, chim Klang, những chòm núi, những dải mây.

Câu 3. Câu văn: “Một dải mây mỏng, mềm mại như một dải lụa trắng dài vô tận ôm ấp, quấn ngang các chòm núi như quuyến luyến, bịn rịn.” có sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- A. Nhân hoá
- B. So sánh
- C. So sánh và nhân hoá

Câu 4. Trong câu nào dưới đây, “rừng” được dùng với nghĩa gốc?

- A. Núi rừng Trường Sơn như bừng tỉnh
- B. Ngày 2-9, đường phố tràn ngập một rừng cờ hoa
- C. Một rừng người về đây dự ngày giỗ tổ Hùng Vương

Câu 5. Đặt câu để phân biệt từ đồng âm sau :

a) *sao* (1):

b) *sao* (2):

c) *đàn* (1) :

d) *đàn* (2) :

Câu 6. Chọn cặp từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm sao cho thích hợp.

a) Bãoto, cây đổnhiều.

b) Mùa xuân đến, cây cối đâm đâm ra những lộc non xanh mơn mơn.

c) Nóvề đến nhà, bạn nógọi đi ngay.

d) Gió.....to, con thuyền.....lướt nhanh trên mặt biển.

(càngcàng.....; vừađã.....)

Câu 7. Nêu tác dụng của mỗi dấu phẩy trong câu sau:

Mùa hè đến, trên những tán phượng dọc con phố nhỏ của tôi, ve đua nhau kêu ra rả.

a) Dấu phẩy thứ nhất dùng để

b) Dấu phẩy thứ hai dùng để

Câu 8. Theo em, điệp ngữ **trông** trong bài ca dao “Đi cấy” đã có tác dụng nhấn mạnh được ý nghĩa gì sâu sắc?

Người ta đi cấy lấy công
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm
Trời yên bể lặng mới yên tâm lòng.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

II. Tập làm văn

Em đã có nhiều năm tháng đi qua một con đường để đến trường. Đó là con đường "mềm mại như dải lụa, uốn mình dưới cây xanh". Đó có thể là con đường men theo sườn đồi với hương rừng và "cọ xòe ô che nắng". Đó có thể là một con phố tấp nập người và xe cộ.

Em hãy tả lại con đường em đi học.

This image shows a full page of blank handwriting practice paper. It features numerous horizontal blue lines spaced evenly across the page, providing a guide for letter height and placement. The lines are consistent in color and thickness throughout the document.

ĐỀ SỐ 9

I. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

CÂY GẠO NGOÀI BÊN SÔNG

Ngoài bãi bồi có một cây gạo già xòa tán lá xuống mặt sông. Thương và lũ bạn lớn lên đã thấy những mùa hoa gạo đỏ ngút trời và từng đàn chim lũ lượt bay về. Cứ mỗi năm, cây gạo lại xòe thêm được một tán lá tròn vươn cao lên trời xanh. Thân nó xù xì, gai góc, mốc meo, vậy mà lá thì xanh mơn, non tươi, dập dờn đùa với gió. Vào mùa hoa, cây gạo như đám lửa đỏ ngang trời hùng hực cháy. Bên sông bừng lên đẹp lạ kì.

Chiều nay, đi học về. Thương cùng các bạn ủa ra cây gạo. Nhưng kìa, cả một vạt đất quanh gốc gạo phía mặt sông lở thành hố sâu hoắm, những cái rễ gãy nhằng trơ ra, cây gạo chỉ còn biết tì lưng vào bãi ngô. Những người buôn cát đã cho thuyền vào xúc cát ngay ở khúc sông dưới gốc gạo. Cây gạo buồn thiu, những chiếc lá cụp xuống, ủ ê.

Thương thấy chập chờn như có tiếng cây gạo đang khóc, những giọt nước mắt quánh lại đỏ đặc như máu nhỏ xuống dòng sông... Thương bèn rủ các bạn lội xuống bãi bồi, lấy phù sa nhão đắp che kín những cái rễ cây bị trơ ra. Chẳng mấy chốc, ụ đất cao dần, trông cây gạo bớt chênh vênh hơn.

Thương và các bạn hồi hộp chờ sáng mai thế nào cây gạo cũng tươi tỉnh lại, những cái lá xòe ra vẫy vẫy và chim chóc sẽ bay về hàng đàn... Tháng ba sắp tới, bên sông lại rực lên sắc lửa cây gạo. Thương tin chắc là như thế.

(Theo Mai Phương)

Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi sau:

Câu 1. *Những chi tiết nào cho biết cây gạo ngoài bên sông đã có từ lâu ?*

A. Cứ mỗi năm, cây gạo lại xòe thêm được một tán lá tròn vươn cao lên trời xanh.

B. Cây gạo già; thân cây xù xì, gai góc, mốc meo; Thương và lũ bạn lớn lên đã thấy cây gạo nở hoa.

C. Hoa gạo đỏ ngút trời, tán lá tròn vươn cao lên trời xanh.

D. Nghe ông bà kể lại cây gạo có từ lâu.

Câu 2. *Dấu hiệu nào giúp Thương và các bạn biết cây gạo lớn thêm một tuổi ?*

A. Cây gạo xòe thêm được một tán lá tròn vươn cao lên trời.

B. Thân cây xù xì, gai góc, mốc meo hơn.

C. Cây gạo nở thêm một mùa hoa.

Câu 3. *Trong chuỗi câu “Vào mùa hoa, cây gạo như đám lửa đỏ ngang trời hùng hực cháy. Bên sông bừng lên đẹp lạ kì.”, từ “bừng” nói lên điều gì ?*

A. Mọi vật bên sông vừa thức dậy sau giấc ngủ.

B. Mặt trời mọc làm bên sông sáng bừng lên.

C. Hoa gạo làm bên sông sáng bừng lên.

D. Cây gạo đang buồn thiu bỗng tươi tỉnh trở lại.

Câu 4. *Câu nào dưới đây là câu ghép ?*

A. Chiều nay, đi học về, Thương cùng các bạn ủa ra cây gạo.

This image shows a full page of a document template designed for handwritten notes or essays. It features approximately 30 evenly spaced, thin grey horizontal lines across the entire width of the page. The margins are consistent on all sides, providing a clear area for writing. There are no other markings, text, or graphics present on the page.

ĐỀ SỐ 10

Câu 1: Nhóm từ nào đồng nghĩa với từ “hoà bình” ?

- A. bình yên, thái bình, thanh bình
B. bình yên, thái bình, hiền hoà
C. thái bình, thanh thản, lãng yên
D. thái bình, bình thản, yên tĩnh

Câu 2. Điền dấu ngoặc kép vào chỗ thích hợp trong đoạn văn sau :

- a) Hát ru là bài hát đầu tiên cho một con người mới cất tiếng khóc chào đời. Bài hát đó được cất lên từ nỗi sung sướng hay cơ cực, hân hoan hay buồn tủi của người mẹ : Đói nghèo đây cũng phận nghèo / Đói ta như bọt với bèo thương nhau...
- b) Dễ thương làm sao giọng ru em lạnh lốt chớ không ngân dài của miền Nam, những sông dài cá lội..., đĩa muối chấm gừng... vút lên đưa trẻ thơ vào giấc ngủ, đưa con người vào niềm vui...

Câu 3. *Xác định TN, CN, VN của những câu văn sau:*

- a) Trong đêm tối mịt mùng, trên dòng sông mênh mông, chiếc xuồng của má Bảy chở thương binh lặng lẽ trôi.
- b) Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính.

Câu 4. Cho đoạn văn sau:

Biển luôn **thay đổi** tùy theo màu sắc mây trời. Trời **xanh thắm**, biển cũng thắm xanh, như dâng cao lên **chắc nịch**. Trời rải mây trắng nhạt, biển **mơ màng** dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, **nặng nề**. Trời âm âm giông gió, biển **đục ngầu** giận giữ. Như một con người biết **buồn vui**. Biển lúc **tẻ nhạt, lạnh lùng**, lúc **sôi nổi, hả hê**, lúc **đăm chiêu, gắt gỏng**.

a. Tìm từ ghép trong các từ in đậm ở đoạn văn trên rồi sắp xếp vào hai nhóm: từ ghép có nghĩa tổng hợp và từ ghép có nghĩa phân loại.

.....

.....

b. Tìm từ láy trong các từ in đậm có trong đoạn văn trên rồi xếp vào 3 nhóm: láy âm đầu, váy vần, láy cả âm đầu và vần (láy tiếng)

.....

.....

Câu 5. Từ **chạy** trong câu nào được dùng theo nghĩa chuyển?

- A. Ở cự li **chạy** 100m, chị Lan luôn dẫn đầu.
- B. Đánh kẻ **chạy** đi, không đánh kẻ **chạy** lại.
- C. Hàng tết bán rất **chạy**.
- D. Con đường mới mở **chạy** qua làng tôi.

Câu 6. Chọn từ ngữ để điền vào chỗ trống trong các đoạn văn sau: **nó, đó, nhưng, lũy tre làng**

a) Tính biệt lập của mỗi ngôi làng trước đây được thể hiện ở lũy tre làng. bao trùm xung quanh làng..... là một thành lũy rất kiên cố, đốt không cháy, trèo không được, đào không qua.

b) Tiếng tu hú mới khắc khoải làm sao..... kêu cho nắng về, cho rặng vải ven sông chín đỏ, cho cái chua bay đi, cái vị ngọt còn lại..... khát thêm gì nhỉ mà năm nào nó cũng gọi xa gọi gần như thế ?

Câu 7. Trong các câu dưới đây, câu nào không phải là câu hỏi và không được dùng dấu chấm hỏi ?

- A. Bạn có thích chơi diều không ?
- B. Tôi không biết bạn có thích chơi diều không ?
- C. Hãy cho biết bạn thích trò chơi nào nhất ?
- D. Ai dạy bạn làm đèn ông sao đấy ?
- E. Thử xem ai khéo tay hơn nào ?

Câu 8. Trong bài *Dừa ơi* (Tiếng Việt 5, tập 1) nhà thơ Lê Anh Xuân có viết :

*Dừa vẫn đứng hiên ngang cao vút,
Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng,
Rễ dừa bám sâu vào lòng đất
Như dân làng bám chặt quê hương.*

Em hãy cho biết : hình ảnh cây dừa trong đoạn thơ trên nói lên những điều gì đẹp đẽ về người dân miền nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Câu 9. Tuổi thơ của em không chỉ được sống trong tình thương của cha mẹ mà còn lớn lên trong sự âu yếm, mến thương, trong lời ru em ái và những câu chuyện cổ tích ngọt ngào của bà.

Em hãy tả lại người bà thân thương của em.

- A. lặt từ B. Thay thế từ ngữ C. Dùng từ nối D. Dùng từ nối và lặt từ

Câu 4. *Dấu phẩy trong câu: "Khi những trận mưa xuân đã hết, cây bàng lại xanh ròn màu xanh của lá mùa hè." có tác dụng :*

- A. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ trong câu
B. Ngăn cách các vế câu trong một câu ghép
C. Ngăn cách bộ phận cùng chức vụ trong câu

Câu 5. *Dòng nào dưới đây đều có các từ có tiếng "thiên" nghĩa là "trời"?*

- A. Thiên tài, thiên cổ, thiên thu
B. Thiên tai, thiên thần, thiên văn
C. Thiên vị, thiên đô, biến thiên

Câu 6. *Câu: "Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống mặt biển." thuộc loại câu ghép nào sau đây?*

- A. Câu ghép có dùng cặp từ hô ứng và dấu phẩy để nối các vế câu.
B. Câu ghép có sử dụng một cặp quan hệ từ để nối các vế câu.
C. Câu ghép có sử dụng một quan hệ từ để nối các vế câu.
D. Câu đơn có trạng ngữ chỉ thời gian.

Câu 7. *Dấu hai chấm trong câu nào dưới đây có tác dụng báo hiệu lời giải thích cho bộ phận đứng trước?*

- A. Bao trùm lên cả bức tranh là một màu xanh có nhiều sắc độ đậm nhạt khác nhau: màu xanh thắm của da trời, màu xanh biếc của cây lá, màu xanh non của những bãi ngô, thảm cỏ in trên mặt nước. (Theo Đất nước ngàn năm)
B. Một hôm, biển động, sóng đánh dữ, ốc không bò đi đâu được, đành nằm một chỗ ao ước: "Giá mình có được tám cẳng hai càng như cua". (Trần Đức Tiến)
C. Trời vừa tạnh, một chú Ếnh Ương ngồi vắt vẻo trên một bụi cây thích thú gào văng lên: "Đẹp! Đẹp!" rồi nhảy tòm xuống nước. (Ngọc Bảo)

Câu 8. *Thiên nhiên cảnh vật mùa thu hiện lên như thế nào qua phép nhân hóa trong hai câu thơ:*

Nắng mắc võng qua thềm
Bưởi đánh đu ngoài ngõ
(Tác giả Mai Văn Hai)

- A. Thiên nhiên cảnh vật mùa thu hiện lên thật đẹp đẽ, rực rỡ sắc màu và ánh sáng.
B. Thiên nhiên cảnh vật hiện lên thật đẹp đẽ, lung linh, huyền ảo như một xứ sở cổ tích, thần tiên.
C. Thiên nhiên cảnh vật mùa thu hiện lên thật gần gũi, sống động có hồn với những hình ảnh tươi vui, ngộ nghĩnh, đáng yêu.

D. Cả A và B, C

Câu 9. Tập làm văn

Cánh đồng lúa quê em vào mùa thu hoạch đẹp như một tấm thảm vàng. Bao mồ hôi công sức của các bác nông dân đã kết lại trong những hạt vàng trĩu nặng.

Hãy tả lại cánh đồng lúa chín quê em.

ĐỀ SỐ 12

Đọc thầm bài văn sau:

PHONG CẢNH ĐỀN HÙNG

Đền Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. Trước đền, những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang múa quạt xòe hoa. Trong đền, dòng chữ vàng *Nam quốc sơn hà* uy nghiêm đề ở bức hoành phi treo chính giữa.

Lăng của các vua Hùng kê bên đền Thượng, ẩn trong rừng cây xanh xanh. Đứng ở đây, nhìn ra xa, phong cảnh thật là đẹp. Bên phải là đỉnh Ba Vì vời vọi, nơi Mị Nương con gái vua Hùng Vương thứ 18 theo Sơn Tinh về trấn giữ núi cao. Dãy Tam Đảo như bức tường xanh sừng sững chắn ngang bên trái đỡ lấy mây trời cuộn cuộn. Phía xa xa là núi Sóc Sơn, nơi in dấu chân ngựa sắt Phù Đổng, người có công giúp Hùng Vương đánh thắng giặc Ân xâm lược. Trước mặt là Ngã Ba Hạc, nơi gặp gỡ giữa ba dòng sông lớn thág năm mãi miết đắp bồi phù sa cho đồng bằng xanh mát.

Trước đền Thượng có một cột đá cao đến năm gang, rộng khoảng ba tấc. Theo ngọc phả, trước khi dời đô về Phong Khê, An Dương Vương đã dựng mốc đá đó, thề với các vua Hùng giữ vững giang sơn. Lần theo lối cũ đến lưng chừng núi có đền Trung thờ 18 chi vua Hùng. Những cảnh hoa đại cổ thụ tỏa hương thơm, những gốc thông già hàng năm, sáu thế kỉ che mát cho con cháu về thăm đất Tổ. Đi dần xuống là đền Hạ, chùa Thiên Quang và cuối cùng là đền Giếng, nơi có giếng Ngọc trong xanh, ngày xưa công chúa Mị Nương thường xuống rửa mặt, soi gương.

(Theo: ĐOÀN MINH TUẤN)

Dựa vào nội dung bài đọc, trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng hoặc hoàn thành các bài tập sau:

Câu 1. Đền Hùng ở đâu và thờ ai ?

- A. Tỉnh Phú Thọ và thờ các vua Hùng
- B. Tỉnh Vĩnh Phúc và thờ Hùng Vương
- C. Tỉnh Phú Thọ và thờ vua An Dương Vương

Câu 2. Miêu tả cảnh đẹp của thiên nhiên nơi đền Hùng, tác giả muốn nói lên điều gì?

- A. Ca ngợi về truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước của các vua Hùng.
- B. Ca ngợi cảnh thiên nhiên nơi đền Hùng thật tráng lệ, hùng vĩ.
- C. Ca ngợi sự giàu đẹp của đất nước.
- D. Phong cảnh đền Hùng nên thơ, hữu tình.

Câu 3. "Phía xa xa là núi Sóc Sơn, nơi in dấu chân ngựa sắt Phù Đổng, người có công giúp Hùng Vương đánh thắng giặc Ân xâm lược." Giúp em nhớ đến truyền thuyết nào sau đây ?

- A. Sự tích Lạc Long quân và Âu Cơ

B. Thánh Gióng

C. Sự tích bánh chưng, bánh giày

D. Hai Bà Trưng

Câu 4. *Em hiểu câu ca dao sau như thế nào ?*

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mừng mười tháng ba”

A. Câu ca dao nhắc nhở, khuyên mọi người không được quên ngày giỗ Tổ, không được quên cội nguồn.

B. Câu ca dao ca ngợi truyền thống tốt đẹp của người dân Việt Nam.

C. Nhớ về quê hương.

D. Cả 3 ý trên đều đúng.

Câu 5. Bài văn trên nói lên điều gì ?

Câu 6. *Câu nào sau đây là câu ghép?*

A. Trong đèn, dòng chữ vàng *Nam quốc sơn hà* uy nghiêm đề ở bức hoành phi treo chính giữa.

B. Đèn Thờ nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh.

C. Trước đèn, những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang múa quạt xòe hoa.

D. Lăng của các vua Hùng kê bên đền Thượng, ẩn trong rừng cây xanh xanh.

Câu 7. Dấu phẩy trong câu: “Trong đền, dòng chữ vàng Nam quốc sơn hà uy nghiêm đề ở bức hoành phi treo chính giữa.” có tác dụng gì ?

A. Ngăn cách các bộ phận cùng giữ chức vụ trong câu

B. Ngăn cách trạng ngữ với các thành phần chính của câu

C. Ngăn cách các vế câu trong câu ghép

D. Ngăn cách chủ ngữ với chủ ngữ trong câu

Câu 8. Đặt câu với cặp từ nguyên nhân- kết quả :

Câu 9. Xung quanh em có bao loài hoa. Mỗi loài hoa có một vẻ đẹp riêng, một hương thơm độc đáo. Hoa hồng màu đỏ thắm, thơm ngát, hoa đào màu hồng phai, hoa lan trắng ngần lấp ló qua kẽ lá, mùi hương ngan ngát. Hoa sen thoang thoảng, cánh hoa đỏ nhạt xòe ra phô đài sen xanh và nhị vàng....

Hãy tả một loài cây hoa mà em biết.

This image shows a full page of a document template designed for handwritten notes or essays. It features approximately 30 evenly spaced, thin grey horizontal lines across the entire width of the page. The lines are uniform in thickness and color, providing a guide for writing without being distracting. There are no margins, headers, footers, or other markings present on the page.

ĐỀ SỐ 13

I. Đọc thầm đoạn văn sau:

HỘ THUẬT

Hai Long phóng xe về phía Phú Lâm tìm hộp thư mật.

Người đặt hộp thư lần nào cũng tạo cho anh sự bất ngờ. Bao giờ hộp thư cũng được đặt tại một nơi dễ tìm mà lại ít bị chú ý nhất. Nhiều lúc, người liên lạc còn gửi gắm vào đây một chút tình cảm của mình, thường bằng những vật gọi ra hình chữ V mà chỉ anh mới nhận thấy. Đó là tên Tổ quốc Việt Nam, là lời chào chiến thắng. Đôi lúc Hai Long đã đáp lại.

(Theo Hữu Mai)

Câu 1. Khoanh vào chữ trước câu trả lời đúng:

a) Qua những vật hình chữ V, người liên lạc muốn gửi chú Hai Long điều gì?

- A. Tình cảm yêu thương của mình
- B. Tên Tổ quốc Việt Nam và lời chào chiến thắng
- C. Sự khâm phục của mình đối với chú hai Long
- D. Hãy tin tưởng vào chiến thắng

b) Người liên lạc ngụy trang hộp thư như thế nào?

- A. Ở ven đường
- B. Ở nơi khó tìm
- C. Ở nơi dễ tìm mà lại ít bị chú ý nhất
- D. Ở giữa cánh đồng

c) Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ truyền thống ?

- A. Lối sống và nếp nghĩ đã hình thành từ lâu đời và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác
- B. Cách sống và nếp nghĩ của nhiều người ở nhiều địa phương khác nhau.
- C. Được ca ngợi và truyền từ đời này sang đời khác.
- D. Phong tục và tập quán của tổ tiên, ông bà.

Câu 2. Tìm cặp từ hô ứng thích hợp để điền vào chỗ trống cho câu văn:

Trờihừng sáng, nông dân.... ra đồng.

- A. ...mới.... đã...
- B. ... vừa ... đã...
- C. ... chưa... đã...
- D. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 3. Tên riêng nào sau đây viết đúng chính tả ?

- A. Bin Clin Tôn
- B. Pu- tin
- C. Ô ba ma
- D. Cat Xơ rô

Câu 4. Đại từ trong câu văn: “Mặt trời đã xé bóng ngang các sườn đồi nhưng tôi cảm thấy như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi.” là:

- A. Tôi, mặt trời
- B. Tôi
- C. Tôi, sườn đồi
- D. Tôi, bóng

Câu 5 : Gạch chân dưới các từ láy trong các dòng thơ sau và xếp vào các nhóm từ láy đã học:

 Gió nâng tiếng hát chói chang

 Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời

Tay nhè nhẹ chút, người ơi
Trông đôi hạt rụng hạt rơi xót lòng.
Mảnh sân trắng lúa chất đầy
Vàng tuôn trong tiếng máy quay xập xình
Nắng già hạt gạo thơm ngon
Bụng lưng cơm trắng nắng còn thơm tho.

Câu 6.

Quê hương là cánh diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông.

Đọc đoạn thơ trên, em thấy được những ý nghĩ và tình cảm của nhà thơ đối với quê hương như thế nào?

II. TẬP LÀM VĂN

Đề bài: *Hãy kể lại một kỉ niệm khó quên về tình bạn.*

ĐỀ SỐ 14

Câu 1. *Viết thêm một vế câu để tạo thành câu ghép:*

Bạn Thảo chẳng những học giỏi.....
.....

Câu 2. *Điền vào chỗ trống d; gi hoặc r.*

Đầu hè không thấyọt sương
.....ungung cành táo đã ươm nắng hồng
Chú ngồi với cháu trong phòng
Mái chèo nghe động mộtòng Hương Giang.
(Trần Đăng Khoa)

Câu 3. *Dùng dấu / để xác định TN, CN, VN trong các câu sau:*

- a) Hồi ấy, đang học lớp 3, niềm vui ngây thơ của Hồng bỗng bị chững lại vì ba mất.
b) Buồn vô hạn, Hồng học yếu dần.
c) Cho đến một hôm, đang "vật lộn" đến muốn khóc với bài toán thì thầy Tân đến bên, ân cần, dịu dàng như người mẹ.

Câu 4. *Tìm từ ngữ có tác dụng nổi trong đoạn trích sau, nói rõ từ ngữ này nổi kết những nội dung gì với nhau:*

Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt minh hơn trước. Thậm chí, đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng. Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo.

(Hồ Chí Minh)

Câu 5. *Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu văn sau:*

- a) Hà Nội bước vào một ngày lao động mới ồn ã sôi động.
b) Phía đông ló ra một mảng trời xanh lam trong vắt.
c) Trong những ngày rét nhất đám cành trơ trụi khẳng khiu đó như cố co mình vào để chịu cho được cái rét buốt mùa đông.

Câu 6. *Chọn từ trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm*

- a) Tôi có cảm giác(an tâm, an ninh) khi được cô bác sĩ ấy khám bệnh.
- b) Mùa xuân mang lại cho tôi cảm giác(an toàn, an lành) may mắn.
- c) Chúng em may mắn được sống trong một đất nước..... (hòa bình, an ninh).
- d) Xin hãy giữ gìn..... (trật tự, an ninh) nơi công cộng, đừng làm ảnh hưởng đến người khác.

Câu 7. Chọn các từ thích hợp trong ngoặc đơn (**bảo toàn, bảo vệ, bảo quản, bảo đảm, bảo tàng, bảo hiểm, bảo tồn**) điền vào chỗ trống trong các câu sau :

- a) Chúng em tích cực môi trường sạch đẹp.
- b) Anh ấy đã sẽ làm xong công việc đúng hạn.
- c) Chiếc xe này đã được
- d) Lớp em được đi thăm Viện cách mạng Việt Nam.
- e) Rừng Cúc Phương đã được xác định là khu..... thiên nhiên quốc gia.
- g) Các hiện vật lịch sử đã được rất tốt.
- h) Để lực lượng, chúng ta quyết định thực hiện kế hoạch “Vườn không nhà trồng”.

Câu 8. Trong bài Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà, nhà thơ Quang Huy đã miêu tả một đêm trăng vừa tĩnh mịch vừa sinh động trên công trường sông Đà như sau:

Lúc ấy
Cả công trường say ngủ cạnh dòng sông
Những tháp khoan nhô lên trời ngẫm nghĩ
Những xe ủi, xe ben sang vai nhau nằm nghỉ
Chỉ còn tiếng đàn ngân nga
Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà.

Khổ thơ trên có hình ảnh nào đẹp nhất? Hình ảnh ấy cho ta thấy ý nghĩa gì sâu sắc?

Câu 9. Em hãy viết bài văn tả một em bé đang tuổi lên ba.

[illegible]

ĐỀ SỐ 15

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. *Đọc thêm đoạn văn dưới đây và trả lời các câu hỏi:*

Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân bắt nguồn từ các cuộc truy quân đánh giặc của người Việt cổ bên bờ sông Đáy xưa. Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa. Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh như sóc, thoăn thoắt leo lên bốn cây chuối bôi mỡ bóng nhẫy để lấy nén hương cắm ở trên ngọn. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên... Khi mang được nén hương xuống, người dự thi được phát ba que diêm để châm vào hương cho cháy thành ngọn lửa. Trong khi đó, những người trong đội, mỗi người một việc. Người thì ngồi vót những thanh tre già thành chiếc đũa bông. Người thì nhanh tay giã thóc, giần sàng thành gạo, người thì lấy nước bắt đầu thổi cơm.

a) Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân bắt nguồn từ đâu?

- A. Ở bên bờ sông Đáy
- B. Từ các cuộc truy quân đánh giặc của người Việt cổ bên bờ sông Đáy
- C. Ở hai bên bờ sông Hồng
- D. Từ làng Đồng Văn

b) Hội thi bắt đầu bằng việc gì?

- A. Giã thóc B. Vót chông C. Lấy nước D. Lấy lửa

Câu 2. Tác dụng của dấu phẩy trong câu văn dưới đây là:

Thế kỉ XX là thế kỉ giải phóng phụ nữ, còn thế kỉ XXI là thế kỉ hoàn thành sự nghiệp đó.

- A. Ngăn cách trang ngữ với chủ ngữ

và vị ngữ

B. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu

D. Ngăn cách các vế trong câu ghép

Câu 3. Điền cặp quan hệ từ thích hợp điền vào chỗ chấm trong câu văn dưới đây là:

- a)trời nắng nóng các bác nông dân vẫn miệt mài trên đồng ruộng.
- b) mùa xuân đến muộn..... hoa đào vẫn nở đúng hẹn.
- c)mưa gió thuận hòa.....mùa màng năm nay bội thu.

Câu 4. Điền thêm một vế câu để có các câu ghép:

- a) Buổi chiều, nắng vừa nhạt,
- b) Nếu bạn đánh răng sạch sẽ hằng ngày thì.....
- c) Không những hoa phượng đẹp mà.....
- d) Tiếng cười không chỉ đem lại niềm vui cho mọi người mà.....

Câu 5. Viết tên các cơ quan, đơn vị sau đây cho đúng:

- a) Nhà xuất bản giáo dục:
- b) Trường mầm non sao mai:

Câu 6. Xác định nghĩa gốc hay nghĩa chuyển của từ in nghiêng và ghi vào chỗ trống trong ngoặc đơn.

- a) **Miệng** rồng phun lửa đỏ rực. (Từ *miệng* mang nghĩa.....)
- b) Đá lấp đầy **miệng** hang. (Từ *miệng* mang nghĩa.....)
- c) Vết thương sắp kín **miệng**. (Từ *miệng* mang nghĩa.....)
- d) Cả nhà có bốn **miệng** ăn. (Từ *miệng* mang nghĩa.....)

Câu 7. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ sau :

- sáng (Mẫu : sáng chói)
- tối :
- nhanh :
- chậm :

Câu 8. Trong bài Hoàng hôn trên sông Hương có đoạn tả cảnh như sau:

Phía bên sông, xóm Cồn Hến nấu cơm chiều, thả khói nghi ngút cả một vùng tre trúc. Đâu đó, từ khúc quanh vắng lặng của dòng sông, tiếng lanh canh của thuyền chài gỡ những mẻ cá cuối cùng truyền đi trên mặt nước, khiến mặt sông nghe như rộng hơn...

(Theo Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Em hãy cho biết: Đoạn văn trên có những hình ảnh và âm thanh nào có sức gợi tả sinh động? Gợi tả được điều gì?

Câu 9. Có những câu chuyện về lòng trung thực mà nhân vật chính là những người sống quanh em. Hãy kể cho các bạn nghe một câu chuyện như thế và nêu cảm nghĩ của em.

PHẦN 3 . ĐÁP ÁN

I. TIẾNG VÀ TỪ

Bài 1. Từ phức : *ngọc bích, đồng lúa, mệnh mông , Tổ quốc, vô cùng, tươi đẹp .*

Bài 2.

Từ đơn: Đẹp, ta, ơi, Con, bay, vút, cao, lòng, đây

Tôi, chỉ, là cho, được, ta, ai, cũng, có, con, ăn, cũng.

Từ phức: chim chiến chiến, yêu mến, khúc hát, ngọt ngào, ham muốn, tốt bậc, làm sao, nước ta, độc lập, tự do, đồng bào, học hành.

Bài 3. Từ phức : *non sông, gấm vóc, biết bao*

Bài 4. Từ đơn: em, yêu, như máu, trong, tim

Từ phức: màu đỏ, lá cờ, Tổ quốc, khăn quàng, đội viên.

Bài 5. a) Từ phức : vườn lá, xum xuê, xanh mướt, ướt đầm, sương đêm, bông hoa, rập rờn, đỏ thắm, cánh hoa, mịn màng, khum khum, ngập ngừng, đoá hoa, toả hương, thơm ngát

- Lưu ý : sương đêm, cánh hoa, toả hương cũng có thể tách ra làm 2 từ.

b) Từ phức : quảng trường, Ba Đình, lịch sử, uy nghi, gần gũi, khắp miền, đất nước, tụ hội, đâm chồi, phô sắc, toả ngát, hương thơm.

-Lưu ý : khắp miền cũng có thể xếp vào nhóm 2 từ đơn

c) Từ phức : Mùa xuân, buổi chiều, hửng ấm, chim én, đằng xa, lượn vòng, bến đò, đuổi nhau, xập xè, mái nhà, mưa phùn, người ta, bãi soi, nổi lên, theo nhau, lững thững, thấp thoáng, bụi mưa, trắng xoá.

d) Từ phức: giấy bóng, long lanh, thủy tinh, rung rung, phân vân.

e) Từ phức :quyển vở, mới tinh, tinh nét.

Bài 6

a. Nam vừa được bố mua cho một chiếc **xe đạp**.(từ phức)

b. **Xe đạp** nặng quá, đạp mỗi cả chân.(hai từ đơn)

c. Vườn nhà em có nhiều loài hoa : **hoa hồng**, hoa cúc, hoa nhài.(từ phức)

d. Màu sắc của hoa cũng thật phong phú: **hoa hồng**, hoa tím, hoa vàng, ...(hai từ đơn)

Bài 7. Từ phức:

a) **Việt Nam, muôn ngàn, cây lá, khác nhau, thân thuộc, tre nứa, Đồng Nai, Việt Bắc, ngút ngàn, Điện Biên Phủ.**

b) **Mùa xuân, mong ước, Đầu tiên,hoa hồng, hoa huệ, sức nức, bốc lên.**

c) **mùa xuân, xôn xao, phơi phới, hạt mưa, bé nhỏ, mềm mại, nhảy nhót.**

Bài 8.

a) Bối/ tôi/ ăn uống/ điều độ/ và/ làm việc/ chừng mực/ nên/ tôi/ chóng lớn/ lắm/ (...). Cứ/ chốc chốc/, tôi/ lại/ trịnh trọng/ và/ khoan thai/ đưa/ hai/ chân/ lên/ vuốt/ râu/.

- Từ đơn: Cứ, tôi, lại, và, nên, lắm, cứ, đưa, hai, chân, vuốt, râu.

- Từ phức: ăn uống, điều độ, chừng mực, chóng lớn, chốc chốc, trịnh trọng, khoan thai.

b) Chú/ chuồn chuồn/ nước/ tung/ cánh/ bay/ vọt lên/. Cái bóng/ chú/ nhỏ xíu/ lướt/ nhanh/ trên/ mặt hồ/. Mặt hồ/ trải rộng/ mênh mông/ và/ lặng sóng./

- từ đơn: Chú, nước, tung, cánh, bay, lướt, trên, và

- Từ phức : chuồn chuồn, vọt lên, Cái bóng, nhỏ xíu, mặt hồ, trải rộng, mênh mông, lặng sóng.

TỪ GHÉP VÀ TỪ LÁY

Bài 1. Ví dụ:

b) Các từ ghép

- mềm nhũn

- xinh đẹp

- khoẻ đẹp

- mong đợi

- nhớ thương

- buồn thiu

b) Các từ láy:

- mềm mướt

- xinh xắn

- khoẻ khoắn

- mong mỏi

- nhớ nhung

- buồn buồn

Bài 2. Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có:

a) Từ ghép tổng hợp	b) Từ ghép phân loại	c) Từ láy
nhỏ bé	nhỏ xíu, nhỏ tí	nhỏ nhắn
lạnh giá	lạnh tanh, lạnh ngắt	lạnh lẽo
Vui tươi, vui sướng	Vui tai, vui lòng	Vui vẻ
Màu xanh	Xanh lam, xanh tươi	Xanh xanh

Bài 3

a) Từ ghép đẳng lập : *giúp đỡ, bạn bè, học hỏi, bao bọc, nhỏ nhẹ, gần bó, thành thật,*

b) Từ ghép chính phụ : *bạn đường, bạn học*

c) Từ láy : *Thật thà, chăm chỉ, ngoan ngoãn, khó khăn, quanh co.*

Bài 4

Từ ghép tổng hợp: *thay đổi, buồn vui, tế nhị, dăm chiêu.*

Từ ghép phân loại: *xanh thắm, chắc nịch, đục ngầu,*

Từ láy âm đầu: *mơ màng, nặng nề, lạnh lùng, hả hê, gắt gỏng,*

Láy vần: *sôi nổi*

Láy cả âm và vần: *ầm ầm.*

Bài 5. Từ láy : *Nhỏ nhắn, nhỏ nhoi, nhỏ nhẹ, nhỏ nhen, mong manh, mệnh mông, mệnh mang, tươi tắn, ngây ngất, ghen ghen.*

Những từ còn lại là từ ghép.

Bài 6 - Tổ hợp áo dài ở câu a là từ ghép. Từ ghép *áo dài* là tên gọi một loại áo (loại áo này thường có độ dài đến giữa ống chân hoặc đến gót bàn chân, có khuy cài áo chéo từ cổ xuống nách và một bên sườn). Vì *áo dài* trong văn cảnh là từ ghép nên mối quan hệ giữa hai tiếng áo, dài rất chặt chẽ, không thể thêm tiếng thứ ba vào giữa hai tiếng.

- Ở câu b tổ hợp *áo dài* là một cụm từ, chỉ *cái áo dài này rất dài* hoặc *cái áo này dài*. Giữa hai tiếng áo và dài có thể thêm những tiếng khác. Ví dụ:

+ *Áo này dài quá*, không mặc được.

+ *Áo của anh hơi dài*, không mặc được.

+ *Áo gì mà dài thế*, không mặc được.

Bài 7

a) Từ láy : *tom tóp, loáng thoáng, dần dần, từng toẵng, xôn xao.*

b) Láy âm: *tom tóp, từng toẵng, xôn xao.*

Láy vần: *loáng thoáng*

Láy âm và vần: *dần dần.*

Bài 8. Từ láy : *chói chang, Long lanh, nhẹ nhẹ, xập xình, thơm tho.* (Láy âm)

Bài 9

- ***Thơm lừng*** : Mùi thơm tỏa ra mạnh và rộng.

- ***Thơm ngát*** : Mùi thơm dễ chịu, lan tỏa ra xa.

- ***Thơm nức*** : Thơm sực lên, tỏa hương nồng khắp mọi nơi.

- ***Thơm thoang thoảng*** : Thoảng nhẹ qua, chỉ đủ cảm nhận được.

Bài 10

- Từ láy: *Nhanh nhẹn, chậm chạp, lẹ mề, từ từ, yếu điệu,*

- Đặt câu: Con rùa bò chậm chạp trên mặt đất.

Anh ấy có dáng đi rất nhanh nhẹn.

Cô ấy đi yếu điệu như hoa hậu.

III. TỪ LOẠI

Bài 1 Ý 1, 3, 5 là động từ ;
Ý 2, 4, 6 là danh từ.

Bài 2 - Động từ chỉ hoạt động : đọc, ăn.
- Động từ chỉ trạng thái : hóa, trở thành, đứng.

Bài 3. Ba nhóm tính từ:

- Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật: *to* (nhà to), *dài* (sông dài), *cao* (cây cao), *sâu* (giếng sâu), *rộng* (sân rộng).

- Tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động: *giỏi* (học giỏi), *hay* (hát hay), *nhANH* (chạy nhanh), *chậm* (đi chậm), *dũng cảm* (chiến đấu dũng cảm).

- Tính từ chỉ đặc điểm của trạng thái: *nghiêng* (nằm nghiêng), *ngon* (ngủ ngon), *Sâu* (hiều sâu), *tê tái* (buồn tái tê).

Bài 4

- Danh từ : *nước, bèo.*

- Động từ : *đi , về, nhìn, trông.*

- Tính từ : *ngược, xuôi, xa, rộng.*

Bài 5

- Danh từ : bốn mùa, sắc trời, đất, non, gió, sông, nắng, Thái Nguyên, Thái Bình, nước, đá.

- Động từ : *mòn, dựng, ngược, xuôi.*

- Tính từ : *riêng, đầy, cao.*

Bài 6. Từ *thật thà* trong các câu đã cho là *tính từ*.

- Tên gọi bộ phận (chức vụ) của từ *thật thà* trong mỗi câu như sau:

a) Chị Loan rất thật thà.

VN

b) Tính thật thà của chị Loan khiến ai cũng mến.

định ngữ

c) Chị Loan ăn nói thật thà, dễ nghe.

Bổ ngữ

d) Thật thà là phẩm chất đẹp đẽ của chị Loan.

Chủ ngữ

Bài 7

- Danh từ : *sách vở, kỉ niệm, sự nghi ngờ, cái đẹp, cuộc vui, cơn giận dữ, nỗi buồn*

- Động từ : *kiên nhẫn, yêu mến, tâm sự, lo lắng, xúc động, nhớ, thương, lễ phép, buồn, vui, suy nghĩ.*

- Tính từ : *thân thương, trù mến.*

Bài 8

a) Thay từ *con quạ* (thứ 2) bằng từ *nó*.

b) Thay từ *Tấm* (thứ 2) bằng từ *cô*.

c) Thay cụm từ “*được mấy điểm*” bằng “*thì sao*” ; cụm từ “*được 10 điểm*”(ở dưới) bằng “*cũng vậy*”.

Bài 9

a) Đại từ xưng hô: *Ông, cháu, ta, mày, chúng mày.*

- b) - *Diễn hình* : **ta, mày, chúng mày**.
 - *lâm thời, tạm thời* : **ông, cháu** (DT làm đại từ).

Bài 10. . Chọn từ ngữ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống trong từng câu : **nhưng, còn, và, hay, nhờ**.

- f) Chỉ ba tháng sau, **nhờ** siêng năng ,cần cù, cậu vượt lên đầu lớp.
 g) Ông tôi đã già **nhưng** không một ngày nào ông quên ra vườn.
 h) Tám rất chăm chỉ **còn** Cám thì lười biếng.
 i) Mình cầm lái **và** cậu cầm lái ?
 j) Mây tan **và** mưa tạnh dần.

Bài 11. -Đặt câu với mỗi quan hệ từ sau : **của, để, do, bằng, với, hoặc**.

- **Của**: Chiếc cặp sách của em rất đẹp.
 - **để** : Mai để dành tiền tiết kiệm để mua sách vở.
 - **do** : Do Nam mãi chơi nên Nam đã không học bài.
 - **bằng** : Em đến trường bằng xe đạp.
 - **Với** : Em với mẹ đang đi chợ.
 - **hoặc** : Bạn đi với mình hoặc đi với Hằng.

Bài 12

- a) Cây pơ - mu đầu dốc **như** một người lính đứng canh **cho** làng bản.
 b) Cô giáo **của** chúng tôi là một người rất thương học trò.
 c) Các anh đã hoàn thành nhiệm vụ **với** tất cả trí tuệ và sức lực của mình.

Bài 13

- a) Bạn Vinh học giỏi và chăm làm.
 b) Con thuyền với cánh buồm nâu ấy vẫn nhẹ nhàng trôi trên dòng sông quê.
 c) Tuổi thơ tôi được bay lên từ những cánh diều.

IV. TỪ ĐỒNG NGHĨA, TỪ ĐỒNG ÂM, TỪ NHIỀU NGHĨA

Bài 1. B, C

Bài 2. B, C

Bài 3. C

Bài 4. B

Bài 5.

- a) Mặt trăng tròn vành vạnh từ từ **nhô** lên sau lũy tre làng.
 b) Ánh nắng ban mai trải xuống cánh đồng lúa **vàng óng**.
 c) Mưa tạnh hẳn, một vài tia nắng hiem hơi bắt đầu **rọi** xuống rừng cây.
 d) Mẹ và tôi say sưa ngắm cảnh bình minh trên mặt biển.

Bài 6.

a)- *Nghĩa gốc* : **Miệng** cười...,**miệng** rộng... (bộ phận trên mặt người hay ở phần trước của đầu động vật , dùng để ăn và nói . Thường được coi là biểu tượng của việc ăn uống và nói năng của con người : há **miệng** chờ sung (ám chỉ kẻ lười biếng, suy ra từ câu chuyện có kẻ muốn ăn sung nhưng do lười biếng nên không chịu đi nhặt mà chỉ nằm há miệng chờ cho sung rụng vào mồm) ; trả nợ **miệng** (nợ về việc ăn uống)

- *Nghĩa chuyển* : **miệng** bát, **miệng** túi (Phần trên cùng, chỗ mở ra thông với bên.

b) - *Nghĩa gốc* : xương **sườn**, hích vào **sườn** (Các xương bao quanh lồng ngực từ cột sống đến vùng ức)

- Nghĩa chuyển : **suồn** nhà, **suồn** xe đạp (bộ phận chính làm nông , làm chỗ dựa để tạo nên hình dáng của vật) ; hờ **suồn** , **suồn** địch (chỗ trọng yếu , quan trọng).

Bài 7

a) Giá **vàng** : *Từ nhiều nghĩa* (nghĩa gốc)

Tấm lòng **vàng** : *Từ nhiều nghĩa* (nghĩa chuyển)

Lá **vàng** : *Từ đồng âm*

b) - Cầm **bay** trát tường : *Từ đồng âm*

- Đàn cò **bay** : *từ nhiều nghĩa* (nghĩa gốc)

- Đạn **bay** : *từ nhiều nghĩa* (nghĩa chuyển)

- **Bay** màu : *từ nhiều nghĩa* (nghĩa chuyển)

Bài 8

- Ánh trăng **chiếu** qua kẽ lá / Bà tôi trải **chiếu** ra sân ngội hóng mát.

- Con tầm đang làm **kén** / Cô ấy là người hay **kén** chọn.

- Mặt trời **mọc** / Bát bún **mọc** ngon tuyệt.

Bài 9

a) Sáng ra bờ suối, tôi vào hang

Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.

b) Ngot bùi nhớ lúc đắng cay

Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.

Bài 10

- *Kiều ngạo* : *kiêu hãnh*

- *trong vắt* : *trong lành*

- *lung lay* : *đung đưa*.

V. CÂU

Bài 1. D

Bài 2. Ví dụ

- Câu hỏi : Có phải anh Phừ đang ngả lưng vào gốc cây kia không nhỉ?

- Câu khiến : *Anh Phừ hãy ngả lưng vào gốc cây!*

Bài 3. b, c, e

Bài 4. Các câu 1, câu 3 trong đoạn văn là câu ghép ; câu 2 là câu đơn.

Đêm / xuống, mặt trăng / tròn vành vạnh. Cảnh vật / trở nên huyền ảo.

CN VN CN VN CN VN

Mặt ao / sóng sánh, một mảnh trăng / bồng bềnh trên mặt nước.

CN VN CN VN

Bài 5. Câu a, c là câu đơn.

Câu b, d là câu ghép.

a) Mùa thu năm 1929, Lý Tư Trọng / về nước, được giao nhiệm vụ làm liên lạc.

TN CN VN VN

chuyển và nhận thư từ, tài liệu trao đổi với các đảng bạn qua đường tàu biển.

b) Lương Ngọc Quyến / hi sinh nhưng tấm lòng trung với nước của ông / còn sáng

CN VN CN VN

mãi.

c) Mấy con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra / hót râm ran.

CN VN

d) Mưa / rào rào trên sân gạch, mưa / đồm độp trên phen nứa.
CN VN CN VN

Bài 6

- a) Ánh nắng ban mai / trải xuống cánh đồng vàng óng, xua tan dần hơi lạnh đầu đông. (Câu đơn)
- b) Làn gió nhẹ / chạy qua, những chiếc lá / lay động như những đốm lửa vàng, lửa đỏ bập bùng cháy. (Câu ghép)
- c) Nắng / lên, nắng / chan mỡ gà trên những cánh đồng lúa chín. (Câu ghép)

Bài 7

a) Mùa xuân, lá bàng mới nảy / trông như những ngon lửa xanh. Sang hè, lá / lên thật

TN CN VN TN CN VN
dày, ánh sáng xuyên qua / chỉ còn là màu ngọc bích. Sang cuối thu, lá bàng / ngả
CN VN TN CN
thành màu tía và bắt đầu rung xuống. Qua mùa đông, cây bàng / trụi hết lá, những
VN TN CN VN CN
chiếc cành khẳng khiu / in trên nền trời xám đục.

VN
b) Sự sống / cứ tiếp tục trong âm thầm, hoa thảo quả / nảy dưới gốc cây kín đáo và
CN VN CN VN
lăng lẽ. Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm
TN TN CN
hoa khế miêng / bắt đầu kết trái. Dưới tầng đáy rừng, tựa như đột ngột, những
chùm
VN TN CN
thảo quả đỏ chon chót / bỗng rực lên, bóng bảy như chứa lửa, chứa nắng.
VN

Bài 8. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong đoạn văn sau :

" ... Mây đen /bao phủ bầu trời. Gió /giật từng cơn. Mưa / trút xuống ào ào. Cây cối/ nghiêng ngả theo chiều gió. Cành cây /gãy rãng rắc. Người / gọi nhau í ới ... "

Bài 9. Rừng hồi ngào ngát, xanh thẫm trên các quả đồi quanh làng. Một mảnh lá gãy cũng đầy mùi thơm. Gió càng thơm ngát. Cây hồi thẳng, cao, tròn xoe. Cành hồi giòn, dễ gãy hơn cả cành khế. Quả hồi phơi mình xoe trên mặt lá đầu cành.

Bài 10. Bàn tay mềm mại của Tấm rắc đều những hạt cơm quanh bóng. Tấm ngắm nhìn bóng. Tấm nhúng bàn tay xuống nước, vuốt nhẹ hai bên lườn của cá. Cá đứng im trong tay chi.

Bài 13

- a) Mặt biển mênh mông, từng đoàn ghe mảnh nhấp nhô cười sóng.
- b) Mặt trời lên cao, ánh nắng gay gắt, chúng em càng làm việc khẩn trương hơn.
- c) Râu tóc đều bạc trắng mà da mặt vẫn hồng hào, đôi mắt rất sáng.

Bài 14. b

VI. DẤU CÂU

- Bài 1.** a) Tác dụng của dấu gạch ngang đánh dấu lời nói trực tiếp.
b) Tác dụng của dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận giải thích.
c) Tác dụng của dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận liệt kê.

Bài 2. Sân ga ồn ào, nhộn nhịp: đoàn tàu đã đến.

- Bố ơi, bố đã nhìn thấy mẹ chưa?
- Đi lại gần nữa đi, con!
- A, mẹ đã xuống kia rồi!

Bài 3

Ai đang nói đấy ?

Dũng muốn nghỉ học, em liền gọi điện thoại cho thầy giáo và cố bắt chước giọng bố :

- *Thưa thầy! Cháu Dũng bị ốm! Hôm nay cháu không đến trường được đâu ạ!*
- Thầy giáo trả lời :*
- *Vâng!Vâng!Tôi rất buồn khi nghe tin này!Ai đang nói với tôi đấy ?*
- Dũng vội vàng :*
- *Thưa thầy! Bố em đấy ạ.*

Bài 4. B

Bài 5. Đặt dấu hai chấm vào chỗ thích hợp.

a) Mẹ mới đi hôm trước, hôm sau Bé đã hỏi chị Mai:

- *Mấy ngày nữa thì mẹ về hả chị?*

b) Nhìn xuống cánh đồng với đủ các màu xanh: xanh pha vàng của ruộng mía, xanh rất mượt của lúa chiêm đương thời con gái, xanh đậm của rừng tre, đây đó một vài cây phi lao xanh biếc.

c) Thế mà bỗng nhiên Mây lại nảy ra ý nghĩ kì lạ : đến ngắm dòng sông thân thuộc vào một buổi sáng sớm. Mùa xuân đã nhắc nhở Mây điều đó chẳng?

Bài 6

Sông nằm uốn khúc giữa làng rồi chạy dài bất tận. Những hàng tre chạy dọc theo bờ sông. Chiều chiều, khi ánh hoàng hôn buông xuống, em lại ra sông hóng mát trong sự yên lặng của dòng sông, em nghe rõ cả tiếng thì thào của hàng tre xanh và lòng em trở nên thanh thoi, trong sáng vô cùng.

Bài 7. A

Bài 8

Trời túng thế, đành mời Cóc vào. Cóc tâu :

- *Muôn tâu Thượng đế! Đã mấy năm rồi, trần gian không được một giọt mưa.*

Thượng đế cần làm mưa ngay để cứu muôn loài!

Trời sợ trần gian nổi loạn, dịu giọng nói :

- *Thôi, cậu hãy về đi! Ta sẽ cho mưa xuống ngay!*

BỘ ĐỀ ÔN TẬP TỔNG HỢP

ĐỀ SỐ 1

I. Đọc hiểu

Câu 1. D

Câu 2. C

Câu 3. A

Câu 4 - Bàn tay ta *làm nên* tất cả.

- *Lên* rừng xuống biển.

- *Nắng* tốt mưa tốt lúa.

Câu 5. C

Câu 6. Hai câu: “*Khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hót vang lòng chào nắng sớm. Nó kéo dài cổ ra mà hót, tựa hồ nó muốn các bạn xa gần đâu đó lắng nghe.*”

Được liên kết với nhau: *bằng cách thay thế từ ngữ.*

Câu 7

Họa mi từ từ nhắm hai mắt lại, thu đầu vào lông cổ, im lặng ngủ, ngủ say sưa sau một cuộc viễn du trong bóng đêm dày.

Câu 8.

Bài văn trên cho chúng ta thấy được giọng hót tuyệt vời của chim họa mi.

II. Bài văn tả người bạn thân của em.

Dàn ý:

I. Mở bài: Giới thiệu qua thơ ca

Tình bạn là vạn bông hoa

Tình bạn là vạn bài ca muôn màu.....

Qua đó giới thiệu về người bạn của em.

II. Thân bài:

1. Tả ngoại hình

- Bạn em rất cao, cao hơn em khoảng 15cm.

- Vóc dáng mảnh khảnh nhưng rắn chắc.

- Bạn ấy có khuôn mặt dễ mến, ai gặp cũng sẽ phải mến ngay lập tức.

- Mái tóc của bạn ấy từ nhỏ là đều đều dài, dù bạn ấy thả hay cột kiểu gì cũng xinh cả.

- Mắt bạn ấy rất đẹp, to và trong sáng, ánh mắt lúc nào cũng vui tươi như hồ nước mùa xuân.

- Bạn ấy đẹp nhất là đôi môi dày hồng nhạt, cười rạng rỡ như ánh nắng rất có duyên.

- Chắc có lẽ bạn ấy là người đẹp nhất trong mắt em.

2. Tả tính tình, tài năng

- Em khâm phục bạn ấy vì bạn ấy học rất giỏi, đạt rất nhiều giải thưởng trong các kì thi, bạn ấy giỏi nhất là môn toán.

- Là người có tấm lòng nhân hậu, biết giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

- Bạn ấy ngoài học giỏi còn chơi đàn giỏi và hát rất hay.

- Lớp em có những cuộc vui hay trò chơi thú vị, bổ ích là đều nhờ bạn ấy tổ chức.

3. Một kỉ niệm đáng nhớ với bạn thân:

Kỉ niệm đáng nhớ của em và bạn ấy là hai đứa cùng tắm mưa khi gặp cơn mưa bất chợt trên đường đi học về. Hai đứa chạy nhảy nô đùa dưới mưa rất vui vẻ. Có lẽ đây là kỉ niệm em không bao giờ quên trong thời thơ ấu của mình.

III. Kết bài: Nêu tình cảm của em đối với bạn.

- Em và bạn ấy sẽ luôn giữ những kỉ niệm đẹp và mãi sẽ là bạn thân
- Mỗi người có một lí tưởng, một mục tiêu nhưng tình bạn của chúng em sẽ chung một nhịp đập.

ĐỀ SỐ 2

I. Bài tập

Câu 1. ý D

Câu 2. ý C

Câu 3.

a) *truyền thống, truyền nghề, truyền ngôi*

b) *truyền bá, truyền tin, truyền hình*

c) *truyền máu, truyền nhiễm*

Câu 4. Ngoài vườn, các loài hoa đua nhau khoe sắc.

Câu 5. Ý A

II. Tập làm văn

Sáng sớm tinh mơ, em cùng với bố đi tập thể dục trên con đường làng chưa có một dấu chân qua. Cánh đồng lúa chín như một tấm thảm khổng lồ màu vàng óng. Chúng như muốn níu chân em lại để thưởng thức hương thơm đồng quê và vẻ đẹp của cánh đồng lúa vàng tươi còn lấp lánh sương đêm.

Bao trùm lên cánh đồng là một màu vàng óng ả. Nhìn xa trông chiếc áo nhung vàng ấy còn được đính trên mình những viên kim cương lấp lánh. Mỗi khi có làn gió nhẹ thổi qua làm những bông lúa cong cong hình đuôi gà oằn vì trĩu hạt, chúng lắc lư rồi ghé đầu vào nhau thì thầm to nhỏ. Bao bọc quanh cánh đồng lúa là con đường uốn quanh như dải lụa, cỏ non xanh mướt còn đọng những hạt sương đêm lấp lánh, lung linh thật là huyền ảo.

Mặt trời đã lên cao lộ rõ ánh hào quang lấp lánh. Ánh nắng dịu nhẹ và ấm áp lọt xuống các kẽ lá, rồi ánh nắng chói chang đã xâm nhập vào tổ các chú côn trùng còn đang ngủ say sưa và đánh thức chúng dậy. Sương treo trên các đầu ngọn cỏ trông lại càng long lanh tinh khiết hơn dưới ánh nắng ban mai, chúng cũng tan dần theo hơi ấm của ông Mặt Trời. Những đợt sóng lúa nhấp nhô nối tiếp nhau như một cuộc thi chạy không bao giờ có chiến thắng.

Thỉnh thoảng có đàn bướm trắng bay là là trên chiếc áo màu vàng khổng lồ trông thật đẹp mắt. Lá lúa khẽ lay động theo làn gió một cách nhẹ nhàng uyển chuyển. Bông lúa cong mình yếu điệu ngả đầu vào nhau trông thật đáng yêu. Xa xa ẩn nấp dưới các khóm lúa vàng tươi là chú chích bông chăm chỉ càn cù đang bắt sâu cho lúa. Chích bông không những là người bạn tốt của nhà nông mà còn là người bạn đáng yêu của bọn trẻ chúng em.

Gió thổi những bông lúa hớn hở khoác tay nhau nhảy múa. Mùi hương lúa mới lan tỏa khắp cánh đồng. Thỉnh thoảng có tiếng hót lanh lút của chú chim chiền chiện chúng liệng quanh cánh đồng ba bốn vòng rồi bay vút vào bầu trời xanh thẳm. Thấp thoáng đằng xa người dân quê em đang ra đồng tháo nước làm cỏ bờ cho sạch để chuẩn bị thu hoạch lúa. Dòng nước trong xanh bao ngày nuôi lúa lớn nay thông dong chảy về con sông, trở về với biển.

Ôi cánh đồng lúa quê em thật đẹp. Nó mãi mãi trong em bao hình ảnh thân thương, chim vẫn hót xôn xao trong vòm lá, lúa vẫn chín từng ngày để gọi bà con ra gặt hái mang về. Chắc chắn khi bụng bát cơm thơm chúng em sẽ cảm ơn nhiều

lắm các bác nông dân ngày ngày làm việc vất vả để có được bát cơm trắng thơm ngon.

ĐỀ SỐ 3.

I. Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	A	B

Câu 6.

- Nhường cơm sẻ áo.
- kéo cửa lửa xẻ.
- xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.
- Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng

II. Tự luận

Câu 7: Vì sao chị Út muốn thoát li?

Vì chị Út ham hoạt động, muốn làm được nhiều việc cho cách mạng.

Câu 8: Bài văn nói lên điều gì?

Bài văn nói lên nguyện vọng và lòng nhiệt thành của một phụ nữ dũng cảm muốn làm việc lớn, đóng góp công sức cho Cách mạng.

Câu 9: Gạch chân dưới bộ phận chủ ngữ trong câu văn sau:

Tôi / rảo bước và truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất.

Câu 10: Ví dụ: Vì trời mưa nên đường lầy lội.

B. Tập làm văn.

Dàn ý:

I. Mở bài

Đi từ câu thơ, lời hát hay một nhận định:

VD: “Xôn xao âm thanh đất trời

Trên bàn tay cô đã dặt

Bàn tay lặng thầm dìu dặt

Cho em cả một bầu trời ”

Từ đó giới thiệu cô giáo của em

II. Thân bài

a. Giới thiệu đặc điểm ngoại hình của cô:

- Cô đã ngoài 40 tuổi.
- Dáng người cô dong dong.
- Mái tóc đen nhánh ôm lấy khuôn mặt tròn trịa phúc hậu.
- Đôi mắt đen láy của cô nhìn lũ học trò với cái nhìn âu yếm thương yêu.
- Nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt của cô.
- Cô ăn mặc rất giản dị, cô rất thích mặc áo dài. Trong trí nhớ của em, hình ảnh những bộ áo dài cô mặc vẫn còn in sâu đậm.

b. Tính tình, cử chỉ, hành động của cô:

- Dịu dàng và tình cảm
- Quan tâm đến học sinh
- Quan tâm đến tất cả mọi người.
- Giúp đỡ đồng nghiệp.
- Yêu nghề dạy học
- Tận tụy với công việc.
- Mong học trò khôn lớn, nên người.
- Cô luôn dịu dặt, chỉ dạy chúng em từng li từng tí. Khi chúng em mắc lỗi, cô không trách mắng mà hướng dẫn giúp em sửa sai, đôi mắt trìu mến cô nhìn chúng em như một người mẹ hiền nhìn những đứa con của mình.

b. Kể về kỉ niệm sâu sắc với cô :

Đến bây giờ em vẫn nhớ kỉ niệm ngày hôm ấy vào một buổi chiều trời mưa gió sau khi tan học. Trước khi đi mẹ đã nhắc em mang áo mưa nhưng em lại ra khỏi nhà mà quên mang theo. Chiều hôm ấy khi tiếng trống đã báo hiệu tan học, em đang loay hoay không biết làm thế nào vì hôm nay em phải tự đi về mà lại không mang áo mưa. Nhìn thấy em đứng trước cửa lớp, cô tiến lại gần hỏi : " Em có chuyện gì sao ?". Em nói với cô mình quên áo mưa, cô nhẹ nhàng bảo : " Để cô đèo em về nhé ! ". Vừa nói xong cô ra lấy chiếc xe đạp cũ đèo em về. Vì là chiếc áo mưa nhỏ nên che cho hai người không đủ kín, cô cứ kéo áo mưa che cho em không bị ướt. Vì thế mà khi về đến nhà em cô đã bị ướt, buổi học hôm sau cô đã không đến lớp vì bị cảm. Em cảm thấy rất có lỗi với cô vì mình quên mang áo mưa mà cô bị ốm. Khi tan học em đã đến nhà thăm cô. Cô vuốt tóc và xoa đầu bảo cô không sao đâu rồi mỉm cười. Nụ cười ấy làm em cảm thấy nhẹ lòng hơn rất nhiều.

III. Kết bài

- Thái độ, tình cảm của em với cô
- Em rất yêu quý cô, em sẽ cố gắng học tập tốt để không phụ sự kì vọng của cô.

ĐỀ SỐ 4

Câu 1 : a) D

b) B

Câu 2 :

- lấp lánh. lóng lánh
- tràn ngập; đầy ắp.
- thiết tha, da diết
- dỗ dành, vỗ về.

Câu 3: Tác dụng của dấu phẩy trong câu văn:

Ngoài kia, sau một mùa đông dài toi bời đông bão, những chiếc lộc non đã

đâm chồi, những nụ mầm bé nhỏ run run như bàn tay non tơ.

- Dấu phẩy thứ nhất ngăn cách trạng ngữ với trạng ngữ trong câu (bộ phận cùng chức vụ trong câu).

- Dấu phẩy thứ hai ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ trong câu.

- Dấu phẩy thứ

Câu 4 : Chỉ ra bộ phận chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu sau và cho biết câu đó là câu đơn hay câu ghép:

a) Sau những cơn mưa xuân, một màu xanh non / ngot ngào, thơm mát trải ra
CN VN VN

mênh mông trên khắp các sườn đồi.

b) Dưới ánh trăng, dòng sông / sáng rực lên, những con sóng nhỏ / vỗ nhẹ
CN VN CN VN

vào hai bên bờ cát.

Câu 5 : B

Câu 6 : C

Câu 7.

a. Chỉ màu vàng: vàng hoe, vàng ối, vàng xuộm, vàng tươi, vàng rực, ...

b. Chỉ màu hồng : hồng phớt, hồng đào, hồng đậm, hồng nhạt,

c. Chỉ màu tím : tím nhạt, tím đậm, tím tím, ...

Câu 8.

A, Chạy: diễn tả thời gian trôi đi nhanh.

B, Viết đúng kỹ năng của đoạn văn cảm nhận

Các ý định hướng:

- Giới thiệu khái quát đoạn thơ.
- Cảm nhận được tấm lòng biết ơn trước cuộc đời tảo tần lam lũ, đức hi sinh thầm lặng, lớn lao của người mẹ hiền dành cho con.
- Ngôi bút tài hoa, lời văn cảm động, tình yêu thương kính trọng mẹ vô bờ của tác giả.

Câu 9. Từ "Việt Nam" - tên gọi của đất nước - được nhắc lại ba lần (điệp ngữ) nhằm nhấn mạnh tình cảm thiết tha gắn bó và yêu thương đất nước.

Câu 10 : Viết bài văn miêu tả một cảnh đẹp quê hương em.

Dàn ý:

1. Mở bài: Giới thiệu cảnh đẹp mà em yêu thích: Cảnh gì? Ở đâu? Em đến vào dịp nào? (Một buổi sáng đẹp trời, tôi dạo bước trên đường làng quen thuộc và ngắm nhìn cánh đồng lúa chín vàng rộng mênh mông).

2. Thân bài:

a) Tả bao quát:

Màu sắc, mùi vị chung của toàn cảnh (rộng, hẹp...) như thế nào? (Buổi không khí trong lành, mát mẻ. Mùi lúa chín thơm ngào ngạt làm tôi sáng khoái hẳn lên. Lúa trải dài mênh mông như tấm lụa vàng...).

b) Tả chi tiết:

- Cảnh miêu tả cụ thể qua không gian, thời gian, màu sắc, hương vị...(Những thửa ruộng nối tiếp nhau. Giữa cánh đồng là những con kênh dẫn nước, lúa chín vàng, hạt nào hạt nấy căng tròn, mình chắc mẩy...).

- Sinh hoạt của con người trong cánh đồng (Các bác nông dân ra đồng sớm. Trên vai quang gánh, tay cầm liềm... Các bác vừa đi vừa trò chuyện vui vẻ, bắt đầu một ngày làm việc mới).

Kết bài: Cảm nghĩ của em đối với cảnh đẹp đã tả (yêu mến, nhiều kỉ niệm, gắn bó, mong có dịp trở lại...); (Đứng giữa cánh đồng như đứng giữa một khu rừng thu nhỏ, hứa hẹn một mùa bội thu).

ĐỀ SỐ 5

PHẦN I: Bài tập

Câu 1: a) C

b) D

Câu 2. A

Câu 3. B

Câu 4.

- Chậm như *rùa*.
- *Muôn* người như một.
- Cày sâu *cuốc* bẫm.
- Ngang như *cua*.

Câu 5 :

a) Trời chưa sáng hẳn, các bác nông dân đã ra đồng.

b) Mặt trời vừa ló ra khỏi rặng núi phía chân trời, chim chóc đã líu lo trên cành.

c) Tiếng trống báo giờ ra chơi vừa vang lên sân trường đã rộn vang tiếng cười.

Câu 6 :

Mùa xuân, // lá bàng mới nảy / trông như những ngọn lửa xanh. Sang hè, // lá /
lên

TN	CN	VN	TN	CN
thật dày,	ánh sáng xuyên qua	/ chỉ còn là màu ngọc bích.	Sang cuối thu, //	lá bàng /
VN	CN	VN	TN	CN
ngả thành màu tím và bắt đầu rung xuống.	Qua mùa đông, //	cây bàng /	trui hết lá,	
VN	TN	CN	VN	
những chiếc cành khẳng khiu /	in trên nền trời xám đục.			
CN	VN			

Câu 7. Gợi ý

Hai câu đầu của bài thơ cho em thấy hình ảnh người mẹ đi cấy trong hoàn cảnh nào? Trước hoàn cảnh đó, người con ước muốn điều gì?

- Ước muốn đó cho em thấy đã nghĩ gì khi mẹ mẹ đang đi cấy trong thời tiết khắc nghiệt như vậy? Qua đó, em thấy tình cảm của người con đối với mẹ có những nét gì đẹp?

PHẦN II: Tập làm văn

Dàn ý:

1. Mở bài:

- Giới thiệu địa điểm ngôi nhà
- Giới thiệu những đặc điểm dễ nhận biết nhất của ngôi nhà

2- Thân bài

* Miêu tả đặc điểm bên ngoài của ngôi nhà

- Nhà lớn hay nhỏ? Cũ hay mới? Được làm bằng gì? (Xây kiên cố bằng gạch hay được làm bằng gỗ, bằng tre?)
- Hình dáng của nó? (Chữ nhật, hình hộp, hình chữ L hay chữ T...)
- * Miêu tả đặc điểm của ngôi nhà:
(Miêu tả từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới.)
- Cổng nhà, cửa vào nhà, các cửa sổ... làm bằng gì?
- Mái nhà lợp bằng gì? Màu vôi trần, tường? Nền nhà?...
- Các phòng trong nhà: Máy phòng? Những phòng nào? Cách bài trí trong từng phòng ra sao? Gắn bó với các sinh hoạt của gia đình và bản thân em như thế nào?

3. Kết bài:

Nêu tình cảm của em đối với ngôi nhà ấy.

ĐỀ SỐ 6

I. Đọc hiểu

Câu	1	2	3	4	5	6
Ý đúng	D	B	D	B	A	D

Câu 7.

Đáp án: Suốt bốn mùa, dòng sông đầy nước.

Câu 8.

Đáp án: Hình ảnh đẹp nhất là những cánh bướm.

Câu 9. Đáp án

Chủ ngữ : Tôi

Vị ngữ: vẫn gặp những cánh bướm lên ngược về xuôi.

Câu 10.

- Động từ : đứng, cày
- Tính từ : đẹp, vòng cung, đỏ, rắn, cao, rộng, thẳng, vẻ đẹp của anh .
- Quan hệ từ : nhưng, như

Câu 11. Khổ thơ bộc lộ tình cảm thiết tha yêu quý của tác giả đối với rừng cọ của quê hương. Tác giả trò chuyện với rừng cọ như trò chuyện với người thân ("Rừng cọ ơi! Rừng cọ!"), tả những chiếc lá cọ vừa đẹp vừa ngời ngời sức sống. Hình ảnh "Mặt trời xanh của tôi" ở câu thơ cuối không chỉ nói lên sự liên tưởng, so sánh chính xác của tác giả (lá cọ xoè những cánh nhỏ dài trông xa như "mặt trời" dang toả chiếu những "tia nắng xanh") mà còn bộc lộ rõ tình cảm yêu mến và tự hào của tác giả về rừng cọ của quê hương.

II. Tập làm văn (dàn ý chi tiết)

1. Mở bài : Giới thiệu giờ ra chơi: Thời gian, địa điểm ... Ấn tượng chung nhất của em về giờ ra chơi.

2. Thân bài

a. Tả bao quát giờ ra chơi

- Sân trường tấp nập người
- Tiếng ồn vang khắp nơi
- Ai cũng vui vẻ chơi cùng các bạn

b. Tả chi tiết giờ ra chơi

- Tả người giờ ra chơi

- + Mọi người chơi các trò chơi khác nhau
- + Người thì chơi đá cầu, người thì bịt mắt bắt dê, người thì nhảy dây,...Khuôn mặt các bạn đỏ bừng, khăn quàng đỏ thắm bay trong gió, màu áo trắng kín sân trường như bầy bướm trắng.
- + Những ai không thích chơi thì ngồi ghế đá trò chuyện rôm rả với bạn bè hoặc đọc sách,....
- + Trường lúc này âm thanh hỗn độn, ồn ào, không phân biệt được giọng của ai
- + Cả sân trường nhộn nhịp vui vẻ
- Tả cảnh giờ ra chơi
- + Cây cối đong đưa theo gió thổi những cơn gió mát lành khiến giờ ra chơi thêm phần khởi.
- + Ánh nắng rực rỡ phản chiếu xuống sân gạch đỏ như son.
- + Chim kêu rả rích trên tán lá, tiếng đàn ong rù rì trong các khóm hoa.

c. Cảnh sân trường sau giờ ra chơi

- Sân trường yên ắng hẳn nghe rõ tiếng lá rơi xào xạc trên nền gạch.
- Không một bóng người chỉ có đàn chim sẽ lích rích nhặt nắng bên thềm.
- Chỉ nghe những tiếng giảng bài trầm bổng, ầm ập của thầy cô giáo,

3. Kết bài . Nêu cảm nghĩ của em về trường, về giờ ra chơi

- Giờ ra chơi giúp em bớt căng thẳng, mệt mỏi sau giờ học.
- Trong kí ức về tuổi học trò của em, giờ ra chơi sẽ là những kỉ niệm tươi đẹp về những người bạn và mái trường mến yêu.

ĐỀ SỐ 7

Câu	1	2	3	4	5
Ý đúng	C	C	B	A	B

Câu 6. Đặt câu với cặp quan hệ từ

- a) Vì trời mưa to **nên** em đi học muộn.
- b) **Chẳng những** Lan chăm học mà Lan chăm làm việc nhà.

Câu 7. Tham khảo

- a) Những bông hoa *tươi cười* trong nắng sớm.
Những bông hoa *e ấp, ngượng ngùng* khoe mình trong nắng sớm.
- b) Mấy *chú* chim đang *trò chuyện* ríu rít trên vòm cây.
Mấy *chú* chim đang *gảy lên những bản nhạc* vui trên những vòm cây.
- c) Mùa xuân, sân trường *khoác chiếc áo mới* mượt xanh màu lá.

ĐỀ SỐ 8

Câu	1	2	3	4
Ý đúng	C	C	C	A

Câu 5

Sao : Những vì sao sáng lấp lánh trên bầu trời.

Vì sao hôm nay bạn nghỉ học?

Đàn :

Anh ấy đánh đàn hay thật !

Đàn vịt đang bơi lội dưới ao.

Câu 6

- a) Bão **càng** to, cây đổ **càng** nhiều
- b) Mùa xuân **vừa** đến, cây cối **đã** đâm ra những lộc non xanh mơn mớn.
- c) Nó **vừa** về đến nhà, bạn nó **đã** gọi đi ngay.
- d) Gió **càng** to, con thuyền **càng** lướt nhanh trên mặt biển.

Câu 7

Mùa hè đến, trên những tán phượng dọc con phố nhỏ của tôi, ve đua nhau kêu ra rả.

a) Dấu phẩy thứ nhất dùng để ngăn cách bộ phận cùng chức vụ trong câu.(bộ phận trạng ngữ)

b) Dấu phẩy thứ hai dùng để ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ trong câu.

Câu 8. Có thể thấy rằng ấn tượng khi đọc bài ca dao *Đi cấy* chính là điệp từ *trông* được lặp đi lặp lại 7 lần chỉ trong 2 câu thơ. Điệp từ này có tác dụng khẳng định, nhận mạnh, đồng thời liệt kê những nỗi lo của người nông dân đang bôn chôn, suy nghĩ. Sau mỗi từ "trông" là một nỗi lo. Là lo trời, lo đất, lo mây, lo mưa, lo nắng, lo ngày, lo đêm. Những nỗi lo này cứ chồng chất, triền miên kéo đến với nhau cùng một lúc. Chỉ mong sao thời tiết, trời đất có thể chiều theo lòng người, để cho vụ mùa có thể tươi tốt, bội thu. Có thể niềm mong ước nay của người nông dân thật bình dị, chân thật đáng trân trọng.

II. Tập làm văn.

Dàn ý:

I. Mở bài

Giới thiệu nét chung về con đường từ nhà đến trường.

II. Thân bài

1. Tả hình ảnh con đường quen thuộc

- Con đường nhìn chung như thế nào? (Rộng hay hẹp? Đường đất hay đường rải đá? Lát gạch, tráng xi măng...?)

- Những nét riêng,quen thuộc.

+ Bên đường (những rặng cây, những lùm tre, những hàng rào dâm bụt, những ngôi nhà).

+ Một nét đặc biệt: một cây bàng hay cây gạo, một giếng nước.

2. Con đường vào buổi sáng khi em đi học

- Nét riêng biệt của con đường vào lúc sáng sớm.

- Cảnh học sinh đi học: từng nhóm nhỏ, cách ăn mặc, cử chỉ, thái độ.

- Cảnh người làng đi làm: người ra đồng, người đi chợ; cách ăn mặc, dáng điệu, lời nói.

III. Kết luận

Tình cảm của em đối với con đường như thế nào?

ĐỀ SỐ 9

Câu	1	2	3	4	5	6
Ý đúng	B	A	C	B	D	C

Câu 7.

Vì Nam chăm học nên bạn ấy có nhiều tiến bộ trong học tập.

Câu 8. Các điệp ngữ *ham muốn, được hoàn toàn, ai có tác dụng nhấn mạnh ý* : niềm khát khao tốt bậc của Bác Hồ là đất nước được độc lập, tự do và nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Những điệp ngữ ấy cũng góp phần bộc lộ tình cảm yêu nước, thương dân thật cao quý của Bác Hồ vĩ đại.

II. Tập làm văn.

I. Mở bài:

Giới thiệu cảnh đẹp và nêu khái quát về cảnh đó (hè này, em được học sinh giỏi nên bố mẹ em thưởng cho em đi chơi đến bãi biển...)

Vẻ đẹp của biển vào lúc bình minh thật rực rỡ....

II. Thân bài: Miêu tả cảnh biển ấy

1. Lúc mặt trời mọc:

+Trời tờ mờ sáng, se lạnh, gió thoảng nhẹ nhẹ làm mặt nước gợn những đợt sóng nhỏ.

+Cây cối vẫn còn ướt đẫm sương đêm, đọng đưa theo làn gió sớm.

+Tiếng sóng biển rì rào, những con sóng xô vào bờ cát trắng mịn...

+Mặt trời từ từ nhô lên khỏi chân núi xa như đang đội biển, nhú lên dần rạng rỡ, tưới tắn rắc những tia nắng vàng xuống vạn vật.

+Ánh nắng tan chảy trên bờ cát trắng, vỡ òa trong gió nâng cả bầu trời lên cao.

+Nắng nhảy nhót trên sóng nước hòa vào tiếng hát của đại dương bao la.

+Bãi cát mịn, giòn giã, ướt đẫm sương đêm in dấu chân người.

+Mặt nước xanh biếc hòa lẫn với sắc xanh của trời thật hài hòa, kì ảo tạo nên sự thú vị khi đứng trước biển, có thể cảm nhận được vị mặn mòi của biển.

2. Mặt trời nhô lên cao:

+Mặt trời đỏ rực như quả cầu lửa lơ lửng giữa trời

+Mặt biển lóe sáng cùng vài con thuyền nhấp nhô trên biển, rẽ sóng ra khơi.

+Những con sóng nối đuôi nhau xô ì oạp vào bờ

+Những con chim hải âu cất tiếng hót vang

+Mọi người dắt tay nhau dạo chơi trên biển, nói chuyện rôm rả. Một vài tốp trẻ nô đùa cùng sóng nước, khuôn mặt rạng ngời, nụ cười tưới tắn trên môi.

III. Kết bài: Cảm nghĩ của em về bãi biển ấy

+Cảnh bình minh trên biển thật đẹp và tráng lệ nhưng cũng thật hiền hòa, thú vị

+Em cảm thấy yêu biển biết bao!

ĐỀ SỐ 10

Câu 1. A

Câu 2. Điền dấu ngoặc kép vào chỗ thích hợp trong đoạn văn sau :

a) Hát ru là bài hát đầu tiên cho một con người mới cất tiếng khóc chào đời. Bài hát đó được cất lên từ nỗi sung sướng hay cơ cực, hân hoan hay buồn tủi của người mẹ : **"Đó nghèo đây cũng phận nghèo / Đôi ta như bọt với bèo thương nhau..."**

b) Dễ thương làm sao giọng ru em lạnh lốt chớ không ngân dài của miền Nam, "những sông dài cá lội..., đĩa muối chấm gừng..." vút lên đưa trẻ thơ vào giấc ngủ, đưa con người vào niềm vui...

Câu 3. Xác định TN, CN, VN của những câu văn sau:

a) Trong đêm tối mit mừng, trên dòng sông mệnh mông, chiếc xuồng của má Bảy chở

TN	TN	CN
<u>thương binh / lãng lẽ trôi.</u>		
VN		

b) Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng / mái đình, mái chùa cổ kính.

TN	VN	CN
----	----	----

Câu 4. Cho đoạn văn sau:

- Từ ghép tổng hợp: thay đổi, buồn vui, tẻ nhạt, dăm chiêu.
- Từ ghép phân loại: xanh thẳm, chắc nịch, đục ngầu,
- Từ láy âm đầu: mơ màng, nặng nề, lạnh lùng, hả hê, gắt gỏng,
- Láy vần: sôi nổi
- Láy cả âm và vần: ầm ầm.

Câu 5 : B, D

Câu 6

a) Tính biệt lập của mỗi ngôi làng trước đây được thể hiện ở lũy tre làng. **Lũy tre làng** bao trùm xung quanh làng. **Đó** là một thành lũy rất kiên cố, đốt không cháy, trèo không được, đào không qua”.

b) Tiếng tu hú mới khắc khoải làm sao. **Nó** kêu cho nắng về, cho rặng vải ven sông chín đỏ, cho cái chua bay đi, cái vị ngọt còn lại **nhưng** khát thêm gì nhỉ mà năm nào nó cũng gọi xa gọi gần như thế ?

Câu 7 : B, E

Câu 8. Trong khổ thơ (trích trong bài Dừa ơi) của nhà thơ Lê Anh Xuân, ta thấy tác giả như muốn thông qua hình tượng cây dừa để ca ngợi phẩm chất kiên cường, anh dũng, hiên ngang, tự hào trong chiến đấu của người dân miền Nam. Đồng thời tác giả cũng muốn nói lên phẩm chất trong sáng, thủy chung, dịu dàng, đẹp đẽ trong cuộc sống và ý chí kiên cường bám trụ, gắn bó chặt chẽ với mảnh đất quê hương mình của người dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước:

- *Vẫn đứng hiên ngang cao vút* - ý nói phẩm chất luôn kiên cường, anh dũng, hiên ngang, tự hào trong chiến đấu...
- *Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng* - Ý nói phẩm chất trong sáng, thủy chung, dịu dàng, đẹp đẽ trong cuộc sống...
- *Rễ dừa bám sâu vào lòng đất. Như dân làng bám chặt quê hương* - Phẩm chất kiên cường bám trụ, gắn bó chặt chẽ với quê hương....

Câu 9.

I. Mở bài: Trong gia đình, mẹ là người gần gũi em nhất.

Thân bài:

a) Tả hình dáng:

- Dáng người tầm thước, thon gọn.
- Gương mặt đầy đặn, mái tóc dài đen mượt, khi làm việc nhà mẹ thường buộc lóc gọn sau gáy.
- Mẹ ăn mặc rất giản dị. Khi đi làm mẹ thường mặc áo sơ mi. Ở nhà mẹ mặc đồ bộ cho tiện làm việc nhà.
- Mẹ có đôi mắt đen long lanh. Mỗi khi dạy bảo con cái, ánh mắt ấy rất dịu dàng và thân thiện.

b) Tả tính tình, hoạt động:

- Mẹ là người chu đáo, cẩn thận, đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng.
- Tính mẹ rất ôn hoà, ăn nói nhã nhặn.
- Mẹ là người hết lòng với con cái. Ban ngày mẹ làm lụng vất vả, tối đến mẹ luôn quan tâm đến việc học của con cái.

III. Kết bài:

Mẹ luôn gần gũi em, chăm sóc, dạy bảo em nên người. Em luôn cố gắng học giỏi để đem lại niềm vui cho gia đình.

ĐỀ SỐ 11

Câu 1.

a) Đoạn văn miêu tả sự biến đổi màu sắc lá bàng theo các mùa : đông - xuân - hạ - thu.

b) Tác giả đã miêu tả sự biến đổi của màu lá bằng biện pháp so sánh, nhân hoá, kết hợp với cách lí giải bằng trí tưởng tượng, tạo ra những hình ảnh sinh động, hấp dẫn.

Câu 2 . B

Câu 3. C

Câu 4. A

Câu 5. B.

Câu 6. A

Câu 7. A

Câu 8. C

Câu 9.

I. Mở bài: Giới thiệu về cánh đồng vào buổi sáng

Em là một người con của nông thôn, của mảnh đất bao la bát ngát đồng xanh. Tuổi thơ của em luôn gắn liền với những cánh đồng thơm mùi lúa chín hay cánh đồng thơm mùi rạ vào mùa gặt. Em yêu cánh đồng quê em vào buổi sáng sớm, nó luôn cho em một cảm giác vô cùng bình yên và thư thái. Chỉ có ai ở nông thôn, gần gũi với cánh đồng mới hiểu rõ được cảm giác này. Cánh đồng quê em vào buổi sáng đẹp vô cùng.

II. Thân bài

1. Tả khái quát:

- Buổi sáng quê em rất bình yên và thanh bình
- Tiếng gà gáy vang xa, báo hiệu một ngày làm việc đã đến
- Mặt trời thức giấc sau một giấc ngủ say
- Cánh đồng như một tấm lụa trải dài mang màu áo xanh tươi mát

2. Tả chi tiết:

a. Tả cảnh:

- Không khí se lạnh nhưng mang dáng vẻ của một ngày mới an lành
- Gió se thổi như muốn bắt đầu một ngày làm việc mới
- Sương đọng trên những cành lá đang dần bắt đầu tan
- Bầu trời mênh mông như một tấm lụa trải dài
- Đồng lúa chín vàng, hương lúa tỏa thơm ngào ngạt
- Những chú trâu đang lim dim mắt, chuẩn bị một ngày làm việc mới
- Những chú cò bay lượn, ngã mình xuống từng cọng lúa như tận hưởng hương vị buổi sáng
- Con đường làng trải dài, thẳng tắp
- Nắng nhẹ vueron vài vệt trên ngọn cây

b. Tả hoạt động:

- Mọi người bắt đầu công việc của mình
- Các cô chú đang nói chuyện vui vẻ vác cuốc ra đồng
- Thấp thoáng có vài bóng tát nước dưới đồng ruộng
- Bên kia cô gái đang thưởng thức mùi lúa
- Cậu bé chăn trâu ngồi trên lưng trâu
- Em đang tung tăng trên đường đi học

III. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về cảnh cánh đồng vào buổi sáng

Nhìn cánh đồng bao la bát ngát, nhìn quê hương thanh bình, em vô cùng yêu nơi em đã sinh ra và đang lớn lên. Em sẽ cố gắng học thật giỏi để sau này xây dựng quê hương thêm xinh đẹp và một ngày càng giàu đẹp hơn.

ĐỀ SỐ 12

Câu 1 . A

Câu 2. B

Câu 3. B

Câu 4. A.

Câu 5. Bài văn ca ngợi vẻ đẹp tráng lệ của đền Hùng và vùng đất tổ, đồng thời bày tỏ niềm thành kính thiêng liêng của mọi người với tổ tiên.

Câu 6. C

Câu 7. B

Câu 8. Vì em chăm ngoan nên được mẹ yêu.

Câu 9.

I. Mở bài

- Chậu hoa hồng trước sân nhà em trở hoa rất đẹp.
- Đây là loài hoa em thích nhất.

II. Thân bài

- Thân mảnh khảnh, có nhiều cành, nhiều gai nhọn.
- Lá non màu đỏ sẫm, lá già màu xanh, quanh lá có viền răng cưa.
- Nụ hoa lúc bé màu xanh, phơn phớt lông tơ trắng mịn màng.
- Nụ hoa lúc gần nở có vệt đỏ hồng giữa các cánh hoa chúm chím.
- Dưới nụ là những đài hoa màu ngọc bích.
- Hoa nở rộ có màu đỏ tươi.
- Cánh hoa mịn màng xếp lên nhau thành nhiều tầng.
- Giữa hoa có nhị vàng tươi, quyến rũ côn trùng.
- Hương thơm thoang thoảng, dịu nhẹ.
- Ong bướm thường rập rờn quanh hoa.

III. Kết bài

- Hoa hồng đã làm tăng vẻ đẹp cho vườn nhà.
- Làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn.
- Em thường chăm sóc cây hoa mỗi ngày để nó mãi xanh tươi.

ĐỀ SỐ 13

I. Bài tập

Câu 1.

Câu	1.a	1.b	1.c
Đáp án	B	C	A

Câu 2: D

Câu 3: B

Câu 4 : B

Câu 5 :

Từ lấy trong đoạn thơ gồm : *chói chang, long lanh, nhè nhẹ, xập xình, thơm tho.*
- Đó là các từ láy âm.

Câu 6 :

Đọc đoạn thơ, ta thấy tác giả đã bộc lộ những suy nghĩ về quê hương thông qua những hình ảnh rất cụ thể, gần gũi. Đây là "cánh diều biếc" thả trên cánh đồng từng in đậm dấu ấn tuổi thơ đẹp đẽ, thú vị trên quê hương. Kia là "con đò nhỏ" khua nước trên dòng sông quê hương với âm thanh nhẹ nhàng, êm đềm mà lắng đọng. Có thể nói, những sự vật đơn sơ, giản dị trên quê hương luôn có sự gắn bó bằng tình cảm con người và trở thành kỉ niệm không thể nào quên. Nghĩ về quê hương như vậy người đọc cảm nhận được tình cảm của tác giả đối với quê hương thật đẹp đẽ và sâu sắc.

II. Tập làm văn.

I. Mở bài

- Giới thiệu một kỉ niệm đáng nhớ.
- Ấn tượng của bạn về kỉ niệm đó.

II. Thân bài

1. Miêu tả sơ nét về người mà làm nên kỉ niệm với bạn
 - Hình dạng
 - Tuổi tác
 - Đặc điểm mà bạn ấn tượng
 - Tính cách và cách cư xử của người đó
2. Giới thiệu kỉ niệm
 - Đây là kỉ niệm buồn hay vui
 - Xảy ra trong hoàn cảnh nào, thời gian nào
3. Kể lại tình huống, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.
 - Kỉ niệm đó liên quan đến ai
 - Người đó như thế nào?
4. Diễn biến của câu chuyện
 - Nêu mở đầu câu chuyện và diễn biến như thế nào
 - Trình bày đỉnh điểm của câu chuyện
 - Thái độ, tình cảm của nhân vật trong chuyện
5. Kết thúc câu chuyện
 - Câu chuyện kết thúc như thế nào
 - Nêu suy nghĩ và cảm nhận của bạn qua câu chuyện.

III. Kết bài

Câu chuyện là một kỉ niệm đẹp thời cấp sách đến trường. Nó đã cho em một bài học quý giá và em sẽ không bao giờ quên kỉ niệm này.

ĐỀ SỐ 14

Câu 1. Bạn Thảo chẳng những học giỏi mà Thảo còn là người con ngoan.

Câu 2. Điền vào chỗ trống d; gi hoặc r.

Đầu hè không thấy **giọt** ọt sương

Rung rung cành táo đã ươm nắng hồng

Chú ngồi với cháu trong phòng

Mái chèo nghe động một **dòng** Hương Giang.

(Trần Đăng Khoa)

Câu 3. Xác định trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau:

a) Hồi ấy, đang học lớp 3, niềm vui ngây thơ của Hồng / bỗng bị chùng lại vì ba mất.

TN

TN

CN

VN

b) Buồn vô hạn, Hồng / học yêu dân.

TN

CN

VN

c) Cho đến một hôm, đang "vật lộn" đến muốn khóc với bài toán thì thầy Tân / đến

TN

TN

CN

bên, ân cần, dịu dàng như người mẹ.

VN

Câu 4. Tuy vậy : Có tác dụng biểu thị sự đối lập giữa ý trên và ý dưới.

Câu 5. Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu văn sau:

a) Hà Nội bước vào một ngày lao động mới *ồn ã, sôi động.*

b) Phía đông ló ra một mảng trời *xanh lam, trong vắt.*

c) *Trong những ngày rét nhất,* đám cành *trơ trụi, khẳng khiu* đó như cô co mình vào để chịu cho được cái rét buốt mùa đông.

Câu 6.

a) Tôi có cảm giác *an tâm* khi được cô bác sĩ ấy khám bệnh.

b) Mùa xuân mang lại cho tôi cảm giác *an lành* may mắn.

c) Chúng em may mắn được sống trong một đất nước *hòa bình.*

d) Xin hãy giữ gìn *trật tự* nơi công cộng, đừng làm ảnh hưởng đến người khác.

Câu 7. Chọn các từ thích hợp trong ngoặc đơn (*bảo toàn, bảo vệ, bảo quản, bảo đảm, bảo tàng, bảo hiểm, bảo tồn*) điền vào chỗ trống trong các câu sau :

a) Chúng em tích cực *bảo vệ* môi trường sạch đẹp.

b) Anh ấy đã *bảo đảm* sẽ làm xong công việc đúng hạn.

c) Chiếc xe này đã được *bảo quản.*

d) Lớp em được đi thăm Viện *bảo tàng* cách mạng Việt Nam.

e) Rừng Cúc Phương đã được xác định là khu *bảo tồn* thiên nhiên quốc gia.

g) Các hiện vật lịch sử đã được *bảo vệ* rất tốt.

h) Để *bảo tồn* lực lượng, chúng ta quyết định thực hiện kế hoạch “Vườn không nhà trống”.

Câu 8. Gợi ý

Hình ảnh đẹp nhất được gợi lên qua câu thơ:

Chỉ còn tiếng đàn ngân nga

Với một dòng trăng lấp lánh sông Đà.

Đó là hình ảnh mang ý nghĩa sâu sắc: giữa con người với thiên nhiên, giữa ánh trăng với dòng sông dường như có sự gắn bó, hoà quyện thật đẹp đẽ. Tiếng đàn ngân nga, lan toả trong đêm trăng như lay động cả mặt nước sông Đà, làm cho dòng sông như dòng trăng ấy trở nên lấp lánh ánh trăng đẹp.

II. Tập làm văn.

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu em bé định tả (Tên gì? Bé trai hay gái? Em bé đó có quan hệ gì với em?)

Bé Hà em gái của tôi, đến nay vừa tròn mười hai tháng tuổi, cái tuổi tập nói, tập đi, thật là đáng yêu.

2. Thân bài:

+ Tả hình dáng của em bé:

Gương mặt bầu bĩnh, đôi mắt tròn đen láy, cái miệng chúm chím như nụ hoa...

+ Tả hoạt động, sở thích của em bé:

- Hoạt động suốt ngày, nhất là hai tay của bé thấy vật gì cũng cầm nhưng chỉ một lát là vứt ngay.

- Tay bám vào thành cũi tập đi, bước chân của bé lảo đảo, dáng đi nghiêng ngả, chưa vững vàng. Mẹ thường giữ cho bé đứng thẳng rồi buông tay lùi ra xa. Đôi chân non nớt của bé chập choạng từng bước...

- Đang tuổi tập nói nên bé thích nói lắm. Hay bập bẹ những tiếng ra, “mẹ” có lúc lại hét lên “pà pà” nghe thật vui tai.

- Thích chơi búp bê, nhưng chỉ chơi một lúc là chán ngay.

- Bé rất thích tắm, bé lấy hai tay đập vào nước, mắt nhắm tít lại, miệng cười toe toét.

3. Kết bài: Em rất yêu bé. Giúp bé tập đi, dạy bé tập nói. Mong bé mau lớn.

ĐỀ SỐ 15

Câu 1

a) B

b) D

Câu 2. D

Câu 3.

a) Tuy trời nắng nóng *nhưng* các bác nông dân vẫn miệt mài trên đồng ruộng.

b) Mặc dù mùa xuân đến muộn *nhưng* hoa đào vẫn nở đúng hẹn.

c) Vì mưa gió thuận hòa *nên* mùa màng năm nay bội thu.

Câu 4.

a) Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông xuống.

b) Nếu bạn đánh răng sạch sẽ hằng ngày thì bạn sẽ không bị sâu răng.

c) Không những hoa phượng đẹp mà hoa phượng con là hoa học trò.

d) Tiếng cười không chỉ đem lại niềm vui cho mọi người mà tiếng cười còn là một liều thuốc bổ.

Câu 5.

Đáp án: a) Nhà xuất bản Giáo dục

b) Trường Mầm non Sao Mai

Câu 6. Xác định nghĩa gốc hay nghĩa chuyển của từ in nghiêng và ghi vào chỗ trống trong ngoặc đơn.

a) **Miệng** rộng phun lửa đỏ rực. (Từ *miệng* mang nghĩa gốc)

b) Đá lấp đầy **miệng** hang. (Từ *miệng* mang nghĩa chuyển)

c) Vết thương sắp kín **miệng**. (Từ *miệng* mang nghĩa chuyển)

d) Cả nhà có bốn **miệng** ăn. (Từ *miệng* mang nghĩa chuyển)

Câu 7. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ sau :

- sáng chói, sáng lóa, sáng trưng, sáng rực, ...

- tối om, tối mịt, tối mù, tối sầm, tối đen, ...

- nhanh nhẩu, nhanh nhẹn, nhanh chóng, ...

- chậm chạp, chậm chạp, chậm rãi, chậm trễ, ...

Câu 8. Gợi ý

- Hình ảnh có sức gợi tả sinh động: khói nghi ngút cả một vùng tre trúc (khi xóm Cồn Hên nấu cơm chiều)- gợi tả vẻ ảm áp, bình yên của người dân thôn xóm

ven sông, giúp người đọc tưởng tượng ra bức tranh thủy mặc đơn sơ nhưng có cả một không gian rộng rãi (khói bay lên bầu trời, tre trúc và sông nước trên mặt đất).

- Âm thanh có sức gợi tả sinh động: tiếng lanh canh của thuyền chài gỡ những mẻ cá cuối cùng truyền đi trên mặt nước (ở đâu đó sau khúc quanh vắng lặng của dòng sông) dường như có sức âm vang xa rộng trong khung cảnh tĩnh lặng, khiến tác giả có cảm giác mặt sông nghe như rộng hơn, gợi cho người đọc cảm nhận được vẻ thanh bình và nên thơ của một buổi chiều trên sông Hương.

Câu 9.

Trong buổi chào cờ đầu tuần vừa qua, bạn Hoa của lớp 3B đã được tuyên dương trước toàn trường bởi đức tính trung thực của mình thể hiện qua hành động “nhặt được của rơi, trả người đánh mất” của bạn.

Theo như lời của thầy hiệu trưởng kể lại thì ngày thứ Năm của tuần trước, lớp 3B tan học sớm hơn các lớp khác. Và trên đường đi học về, bạn Hoa đã nhặt được một chiếc hộp mà thường được dùng để đựng đồ ở các tiệm vàng bạc, ban đầu bạn chỉ có ý định nhặt chiếc hộp để làm đồ chơi nhưng khi nhặt lên bạn phát hiện ra trong đó có một chiếc dây chuyền. Vì lúc đó đã khá trưa nên bạn mang chiếc hộp đó về nhà và đến buổi chiều bố Hoa đèo Hoa ra cơ quan công an huyện để nhờ các chú công an tìm giúp người đánh mất. Các chú đều khen Hoa thật thà và trung thực, tin tức nhanh chóng được thông báo và chỉ một ngày sau người đánh rơi chiếc hộp đó đã tìm đến cơ quan công an để nhận lại đồ của mình.

Người đánh rơi là một bác đã khá nhiều tuổi, chiếc dây chuyền là món quà mà bác mua để dành tặng cho cô con gái sắp cưới của bác nhưng bác không cẩn thận nên đã để rơi, tìm lại được chiếc dây chuyền bác rất vui và xin các chú công an số điện thoại và địa chỉ của gia đình bạn Hoa để cảm ơn, bác tìm đến nhà và gửi Hoa một ít tiền để cảm ơn bạn nhưng bạn không nhận không phải vì số tiền mà bác đưa ít mà bạn nói đây là việc cần phải làm của mỗi người.

Và cuối cùng bác đã tìm đến tận trường của Hoa học thông báo cho thầy cô để khen thưởng Hoa về việc làm của mình. Trong buổi chào cờ, Hoa đã được thầy hiệu trưởng tặng giấy khen vì đức tính thật thà, trung thực của bạn ấy, thầy còn nhấn mạnh đây chính là một tấm gương sáng để các bạn học sinh trong trường học tập và noi theo.

Việc làm của bạn thực sự là một việc làm rất ý nghĩa, thể hiện đức tính trung thực của cá nhân Hoa nói riêng và của cả dân tộc Việt Nam nói chung. Chúng ta nên học tập sự thật thà đó để trở thành một học sinh tiêu biểu làm đúng theo điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng “khiêm tốn, thật thà, dũng cảm”.